

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Củng cố khắc sâu kiến thức về văn bản *Lão Hạc* mà các em đã được học thông qua các hệ thống câu hỏi và các phiếu học tập để ôn luyện...

2. Năng lực

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu về văn bản đã học
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để hiểu về văn bản đã học.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lão Hạc*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Lão Hạc*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực nhận diện, phân loại trường từ vựng.
- Năng lực phân chia bố cục văn bản.

3. Về phẩm chất

- **Chăm chỉ**: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- **Trách nhiệm**: Có ý thức tham gia thảo luận nhóm để thống nhất vấn đề. Xây dựng thái độ hòa nhã khi tham gia làm việc nhóm. Có trách nhiệm trong việc trình bày lắng nghe và phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: Giáo án, sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Học sinh: Thiết bị học tập cần thiết

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS; tạo vấn đề vào chủ đề.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho học sinh trò chơi GIẢI Ô CHỮ với 6 hàng ngang

- HS trả lời, tìm ra ô chữ hàng dọc với dòng chữ: TÂM HỒN

- GV dẫn vào bài học: Văn học hiện thực Việt Nam đánh dấu sự thành công trên văn đàn của nhiều tác giả như Kim Lân, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố... và không thể không nhắc tới nhà văn Nam Cao. Nếu viết về chủ đề người trí thức, ông không chỉ khiến người đọc trăn trở, xót xa với bao số phận như Thử, như Hộ,... những kẻ trí thức giàu ước mơ, khát khao nhưng bị cái nghèo, cái đói vùi dập, ghì sát đất. Thì viết về chủ đề người nông dân, Nam Cao cũng khiến cho ta phải thổn thức, đắng cay với số phận của những kiếp người đau khổ, nghèo đói nhưng giàu tình người. Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên là một nhân vật có số phận bi thảm như thế nhưng trên hết, lão là một con người có nhân cách, có tâm hồn cao đẹp.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu chung văn bản *Lão Hạc*

a. Mục tiêu: Hệ thống lại và nắm vững những nội dung chính của văn bản *Lão Hạc*.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	NỘI DUNG SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại thông tin trong SGK, nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn, nêu thể loại, PTBD, ngôi kể và nhân vật trung tâm của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung về văn bản 1. Tác giả - Nam Cao (1915 – 1951) - Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ. 2. Tác phẩm - Là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao. - Đăng báo lần đầu năm 1943. - Đoạn trích nằm cuối truyện. II. Kiến thức trọng tâm 1. Kết cấu, bố cục - Thể loại: Truyện ngắn - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. - Ngôi kể thứ nhất - lời ông giáo.

- HS thảo luận theo bàn.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

NV3:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:

+ Nhóm 1: Phân tích tâm trạng của Lão Hạc khi bán cậu Vàng

+ Nhóm 2: Phân tích cái chết của Lão Hạc

+ Nhóm 3: Phân tích thái độ, tình cảm của ông giáo đối với Lão Hạc

+ Nhóm 4: Phân tích những ý nghĩ của ông giáo về Lão Hạc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- Nhân vật trung tâm: Lão Hạc.

2.1. Nhân vật Lão Hạc

a. Tình cảnh của Lão Hạc

- Nhà nghèo, vợ chết con trai bỏ đi đồn điền cao su

- Làm thuê để kiếm ăn.

- Sau ốm: tiêu hết tiền dành dụm ... không có việc, bán chó

=> Cuộc sống nghèo khổ, cùng quẫn và cô đơn

=> Lớp người nông dân nghèo khổ trước CMT8

b. Tình cảm của lão Hạc đối với "cậu Vàng"

- Trước khi bán con chó Vàng

+ Nói với ông giáo về ý định bán chó

+ Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.

- Sau khi bán con Vàng:

+ Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậ nước, mắt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.

◇ Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.

◇ Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.

(Là con người sống tình nghĩa, thủy chung, một người cha yêu thương con sâu sắc muốn dành dụm tất cả những gì có thể cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc, một con người có nhân cách cao quý.

c. Tình cảm của lão Hạc đối với con trai và phẩm chất của lão

- Nhờ ông giáo:

+ giữ hộ ba sào vườn cho con trai

+ gửi 30 đồng để lo hộ đám tang cho mình

-> Lão là người cha tốt, cao thượng giàu đức hi sinh

-> người nông dân nghèo nhưng có lòng tự trọng cao .

d. Cái chết của lão Hạc

- Lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình:

+ Làm văn tự, nhờ ông giáo trông nom hộ 3 sào vườn để khi con về sẽ có đất ở, có vườn làm... văn tự để tên ông giáo, về sau này nhờ ông giáo trông nom cho con ông.

+ Gửi ông giáo 30 đồng bạc để khi lão chết nhờ hàng xóm chi tiêu lo hộ việc ma chay.

- Chuẩn bị âm thầm, chu đáo.

◇ Lão Hạc chủ động và tự nguyện tìm đến cái chết.

\ Là một người cha hết lòng vì con. Là người sống chu đáo, giàu lòng tự trọng.

- Cách xây dựng tình huống truyện đầy bất ngờ, có tác dụng “đánh lừa”...

- Lão Hạc vật vã, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra...

◇ Một loạt các từ tượng hình và tượng thanh liên tiếp gợi tả về một cái chết dữ dội và thê thảm...

◇ Tình huống truyện được đẩy lên đến đỉnh điểm.

◇ Lão tự giải thoát bằng cách tự trừng phạt mình.

*** Nguyên nhân về cái chết của lão Hạc**

- Do tình cảnh đói khổ, túng quẫn.
- Xuất phát từ tình yêu thương, trách nhiệm với con, từ lòng tự trọng đáng kính.
- Thực trạng xã hội thực dân phong kiến đương thời
- (Phản ánh số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám.
- (Lão Hạc là một nhân vật lương thiện, bị bần cùng hoá nên phải chọn cái chết thảm thương, đau đớn. Đó là một người cha giàu lòng yêu thương con, một người tình nghĩa thủy chung, trung thực, là một tâm hồn, một tính cách cao thượng, một nhân cách cao cả.
- Cách xây dựng tình huống truyện đầy bất ngờ, có tác dụng “đánh lừa”...

2.2. Nhân vật ông giáo

* Thái độ, tình cảm đối với lão Hạc

- Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc, ái ngại, an ủi, bùi ngùi...
- Giấu giếm vợ giúp lão Hạc.
- Tôn trọng, cảm thông, xót thương tình cảnh của lão Hạc.

* Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc:

- Thăm đăm triết lý nhân sinh.
- Thâm trầm, sâu sắc.

(Tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.

2.3. Nhân vật Binh Tư và vợ ông giáo

- Vợ ông giáo: Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm khổ lão chứ ai làm lão khổ!
- Binh Tư : Không ưa lão Hạc vì lão lương thiện quá

NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời: + <i>Thái độ của tác giả đối với Lão Hạc như thế nào?</i> + <i>Tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	+ Lão làm bộ đấy.... lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu. -> Điều không hiểu lão, cho rằng lão là một người gần gũi, lão cũng như những người bình thường khác => Họ thiếu sự cảm thông, họ không hiểu lão và cũng cùng cực như lão nên không thể nghĩ khác được. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc. - Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động. - Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lời kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao. 2. Nội dung- Ý nghĩa văn bản - Nội dung: Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người. - Ý nghĩa: Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng.
---	--

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS khái quát lại nội dung bài học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

NV1: GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành bài tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu 1. Truyện ngắn Lão Hạc của tác giả nào?

- A. Nguyễn Công Hoan
- B. Nam Cao
- C. Nguyễn Tuân
- D. Thạch Lam

Câu 2. Tác phẩm Lão Hạc được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
- B. Truyện vừa
- C. Truyện dài
- D. Tiểu thuyết

Câu 3. Truyện ngắn Lão Hạc sáng tác năm nào?

- A. 1920
- B. 1943
- C. 1945
- D. 1950

Câu 4. Ý nào nói đúng nhất nội dung của truyện Lão Hạc?

- A. Tác động của cái đói và miếng ăn đến đời sống con người
- B. Phẩm chất cao quý của người nông dân
- C. Số phận đau thương của người nông dân
- D. Tất cả đều đúng

Câu 5. Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa cái chết của lão Hạc?

- A. Thể hiện tính tự trọng và quyết tâm không rơi vào con đường tha hóa của một người nông dân.
- B. Gián tiếp tố cáo xã hội thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh khốn cùng.
- C. Là bằng chứng cảm động về tình phụ tử mộc mạc, giản dị nhưng cao quý vô ngần.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 6. Trong tác phẩm , lão Hạc là nhân vật có tính cách như thế nào?

- A. Là một người có số phận đau thương nhưng có phẩm chất cao quý.
- B. Là người nông dân sống ích kỉ đến mức gần đở ,ngu ngốc.
- C. Là người nông dân có thái độ sống vô cùng cao thượng.
- D. Là người nông dân có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

Câu 7. Trong tác phẩm Lão Hạc, con trai lão Hạc đi phu vì lí do gì?

- A. Vì muốn làm giàu.
- B. Phần chí vì nghèo không lấy được vợ.
- C. Vì không lấy được người mình yêu.
- D. Vì nghèo túng quá.

Câu 8. Trong tác phẩm Lão Hạc, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?

- A. Vì lão sợ kẻ trộm đánh cắp.
- B. Vì nuôi con chó sẽ phải tiêu vào tiền của con.
- C. Để lấy tiền gửi cho con.
- D. Vì lão không muốn nuôi con chó nữa.

Câu 9. Điểm điểm nghệ thuật nào sau đây không đúng với truyện ngắn Lão Hạc?

- A. Sử dụng ngôi kể thứ nhất, người kể là nhân vật chứng kiến và hiểu toàn bộ câu chuyện.
- B. Nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật đặc sắc.
- C. Xây dựng được nhân vật có tính cộng đồng, đại diện cho xã hội đương thời.
- D. Truyện mang màu sắc trữ tình đan xen triết lí sâu sắc.

Câu 10. Dấu ba chấm (dấu chấm lửng) được nhắc lại nhiều lần trong đoạn văn sau có tác dụng gì:

"Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết...Một con người thế ấy!...Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!...Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng...Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày thêm đáng buồn..."

(Lão Hạc, Nam Cao)

- A. Ngụ ý rằng còn nhiều điều ông giáo biết về lão Hạc mà chưa kể hết.
- B. Làm dẫn nhịp điệu câu văn.

C. Thể hiện sự ngập ngừng, ngỡ ngàng đau đớn trong lòng ông giáo.

D. Tất cả đều đúng

Câu 11. Ý kiến nào nói đúng nhất nguyên nhân sâu xa khiến lão Hạc phải lựa chọn cái chết?

A. Lão Hạc ăn phải bả chó.

B. Lão Hạc ân hận vì chót lừa cậu Vàng

C. Lão Hạc rất thương con

D. Lão Hạc không muốn làm liên lụy đến mọi người

Câu 12. Ý kiến nào sau đây nói đúng nhất nghệ thuật xây dựng nhân vật chính của nhà văn trong truyện “Lão Hạc”.

A. Đặt nhân vật vào những tình huống trở trêu để tự bộc lộ mình.

B. Để cho các nhân vật khác nhận xét về nhân vật chính.

C. Để nhân vật chính đối thoại với các nhân vật khác để bộc lộ mình.

D. Kết hợp cả ba ý kiến trên.

Câu 13. Qua các tác phẩm về người nông dân trong xã hội cũ, em nhận thấy cuộc đời và tính cách của người nông dân có đặc điểm gì?

A. Là những số phận nghèo khổ, bần cùng trong xã hội.

B. Tấm lòng yêu thương gia đình, trân trọng tình cảm.

C. Luôn giữ tấm lòng trong sạch, cao đẹp giữa những bùn nhơ của xã hội phong kiến.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 14. Nội dung của văn bản là:

A. Phản ánh hiện thực số phận người nông dân trước CMT8 : nghèo túng, không có lối thoát.

B. Cảm thông, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân trong cảnh khốn cùng vẫn giàu lòng tự trọng.

C. thể hiện tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân trong xã hội của nhà văn Nam Cao.

D. Tất cả đều đúng.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS khái quát lại nội dung bài học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

NV2: GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành BT.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu 1. Văn bản *Lão Hạc* được viết theo thể loại nào?

Câu 2. Văn bản *Lão Hạc* được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3. Trong truyện ngắn *Lão Hạc*, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?

Câu 4. Văn bản *Lão Hạc* có những nét đặc sắc nghệ thuật nào?

Câu 5. Ý nghĩa của văn bản *Lão Hạc* là gì?

Câu 6. Hãy phân tích diễn biến tâm trạng của lão Hạc xoay quanh việc bán chó.

Câu 7. Qua những điều lão Hạc thu xếp, nhờ cậy ông giáo rồi sau đó mới tìm đến cái chết, em suy nghĩ gì về tình cảnh và tính cách của lão Hạc?

Câu 8. Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc*, em hiểu thế nào về cuộc đời, số phận của người nông dân trong xã hội cũ?

Gợi ý đáp án:

Câu 1. Thể loại của văn bản *Lão Hạc*: truyện ngắn.

Câu 2. Văn bản *Lão Hạc* được kể theo ngôi thứ nhất.

Câu 3. *Lão Hạc* phải bán cậu Vàng vì gia cảnh nghèo khó mà lão còn trải qua một trận ốm, lão đã kiệt quệ, không còn sức để nuôi nổi bản thân, huống chi là còn có thêm một con chó. Nên lão Hạc phải bán “cậu Vàng” đi.

Câu 4. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Lão Hạc*: - Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc.

- Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động.

- Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.

Câu 5. Ý nghĩa của văn bản *Lão Hạc*:

Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng.

Câu 6.

- Trước khi bán con chó Vàng:

+ Nói với ông giáo về ý định bán chó

+ Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.

- Sau khi bán con Vàng:

+ Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.

◇ Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.

◇ Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.

Câu 7. Qua những điều lão Hạc thu xếp, nhờ cậy ông giáo rồi sau đó mới tìm đến cái chết, ta thấy lão Hạc là người có trước có sau, suy nghĩ chu đáo, sống có tình nghĩa, không vì cái chết của mình mà bỏ mặc tất cả.

Câu 8.

Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc*, ta thấy được Lão Hạc và chị Dậu đều là đại diện cho những người nông dân cực khổ, nghèo túng, bất hạnh:

+ Điều là những người nông dân hiền lành, lương thiện.

+ Điều yêu chồng, thương con hết mực, giàu sức hi sinh.

+ Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cố gắng giữ mình trong sạch.

+ Điều là những người bị xã hội đè nén, áp bức, rơi vào khốn khó, cùng cực.

VĂN BẢN 2 : TRONG MẮT TRẺ

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận biết được yếu tố hình thức tiêu biểu của truyện ngắn qua văn bản “Trong mắt trẻ” như chi tiết, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,...

- Phân tích được đặc sắc nội dung của văn bản “Trong mắt trẻ” qua đề tài, chủ đề thông điệp,...

- Thấy được cuộc hội ngộ lí thú và chia tay bất ngờ với hoàng tử bé của nhân vật tôi

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu về văn bản đã học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để hiểu về văn bản đã học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

3. Thái độ

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng
- Biết cảm thông chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: Giáo án, sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Học sinh: Thiết bị học tập cần thiết

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG	
a. Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS; tạo vấn đề vào chủ đề.	
b. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV & HS	Sản phẩm dự kiến
GV chiếu một vài hình ảnh về tiểu thuyết “Hoàng tử bé”, hỏi học sinh nêu hiểu biết của mình về tiểu thuyết	
HS có thể trình bày theo nhóm hoặc cá nhân (chuẩn bị trước ở nhà)	
Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	
a. Mục tiêu: HS có kiến thức cơ bản về tác giả tác phẩm. Phân tích những điểm đặc sắc về mặt hình thức của văn bản. Hiểu nội dung và thông điệp của văn bản.	
b. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV & HS	Sản phẩm dự kiến

Tìm hiểu về tác giả*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu yêu cầu tiết trước

*(?) HS thực hiện theo nhóm (tổ 1,2) tìm hiểu về tác giả văn bản “Trong mắt trẻ”.***Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS thực hiện theo nhóm

Bước 3: Báo cáo thảo luận

HS đại diện trình bày

Bước 4: Đánh giá, kết luận

HS nhóm khác đánh giá, nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV kết luận

***Tìm hiểu về tác phẩm**

GV chiếu yêu cầu tiết trước

*(?) HS thực hiện theo nhóm (tổ 3,4) tìm hiểu về văn bản “Trong mắt trẻ” theo bảng gợi ý.***Văn bản “Trong mắt trẻ”**

Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức BD	
Nhân vật	
Bố cục	

Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ

HS thực hiện theo nhóm

Bước 3: Báo cáo thảo luận

HS đại diện trình bày

Bước 4: Đánh giá, kết luận

HS nhóm khác đánh giá, nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV kết luận

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu câu hỏi:

*(?) Ngày bé nhân vật “tôi” đã vẽ bức tranh gì? Đối với bức tranh ấy nhân vật “tôi” và người lớn có cách nhìn nhận khác nhau như thế nào?***Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS thực hiện cá nhân

Bước 3: Báo cáo

HS trình bày

I. Tìm hiểu chung**1. Tác giả: Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri**

- Sinh năm 1900 mất năm 1944

- Là một nhà văn và phi công Pháp nổi tiếng

- Các đề tài của ông lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.

- Ngôi bút đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn

2. Tác phẩm

- Xuất xứ: Trích “Hoàng tử bé”, tác phẩm nổi tiếng nhất của Ê-xu-pe-ri.

- Thể loại: Truyện đồng thoại.

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

- Nhân vật: nhân vật “tôi” và “hoàng tử bé”

- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: Kỉ niệm vẽ tranh ngày bé của nhân vật “tôi”

+ Phần 2: Cuộc gặp gỡ của nhân vật “tôi” và Hoàng tử bé

+ Phần 3: Sau khi chia tay Hoàng tử bé

II. Đọc hiểu văn bản**1. Kỉ niệm vẽ tranh ngày bé của nhân vật “tôi”**

- Thời điểm: 6 tuổi

- Bức tranh

+ Nội dung: Vẽ về con trăn nuốt con mồi

+ Cách nhìn nhận

+) Nhân vật “tôi”: Con trăn đang ăn thịt con voi

+) Người lớn: một cái mũ có gì đáng sợ

-> Trẻ em có trí tưởng tượng phong phú và bay bổng hơn người lớn.

Bước 4: Kết luận

HS nhận xét

Gv kết luận

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu câu hỏi:

Phiếu học tập 1

(?) nhân vật “tôi” và hoàng tử bé gặp nhau trong hoàn cảnh nào? Em có nhận xét gì về hoàn cảnh ấy?

(?) hoàng tử bé xuất hiện với đặc điểm gì? Sự xuất hiện ấy có vai trò như nào?

Phiếu học tập 2: Cách nhìn nhận của hoàng tử bé

Bức tranh	Cách nhìn nhận
Ngày bé của nhân vật “tôi”	
Bức con cừu 1	
Bức con cừu 2	
Bức con cừu 3	
Bức con cừu sau cùng	
Nhận xét về cách nhìn nhận của hoàng tử bé:	

Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ

HS thực hiện theo nhóm (4-5 HS) lần lượt các phiếu học tập 1,2

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS đại diện trình bày

Bước 4: Kết luận

HS nhóm khác nhận xét, đánh giá

Gv đánh giá, kết luận

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu câu hỏi:

(?) sau khi chia tay hoàng tử bé, nhân vật tôi có tâm trạng và mong muốn gì? Em hãy tìm chi tiết thể hiện điều đó?

2. Cuộc gặp gỡ của nhân vật “tôi” và Hoàng tử bé**a. Hoàn cảnh gặp gỡ**

- Cô độc trên sa mạc rộng lớn
- Nước chỉ còn đủ dùng tám ngày
- Hành động: tự sửa máy bay để mong thoát khỏi nơi này.

-> **Nhân vật tôi dần cạn sức lực, hi vọng. Đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách.**

b. Sự xuất hiện của Hoàng tử bé

- Cách xuất hiện: đối lập hoàn toàn với những gì nhân vật “tôi” gặp phải
- + Ngoại hình đẹp đẽ, chẳng có gì là lạc đường hay mệt mỏi
- + Lời nói và phản ứng rất nhẹ nhàng
- Vai trò: Xuất hiện đúng lúc, trở thành điểm tựa tinh thần cho nhân vật “tôi”.

c. Cách nhìn nhận của Hoàng tử bé

- Với bức tranh ngày bé của nhân vật “tôi”: thấy con voi bị trần nuốt trong bụng, trần nguy hiểm còn voi kèn càng
- Với những bức tranh con cừu mà hoàng tử bé yêu cầu nhân vật “tôi” vẽ:
 - + Bức vẽ cừu thứ 1: quan sát kĩ rồi cho rằng cừu bị bệnh
 - + Bức vẽ cừu thứ 2: cho rằng là con cừu đực vì có sừng
 - + Bức vẽ cừu thứ 3: cho rằng con cừu già quá, muốn cừu sống được lâu
 - + Bức sau cùng: con cừu trong cái thùng và con cừu đang ngủ
- > Với khả năng tưởng tượng bay bổng phong phú, hoàng tử bé đã có những cách nhìn nhận các bức vẽ và sự vật khác với người lớn, cậu nhận ra những điều người khác khó nhận ra như chỉ cần vài thay đổi nhỏ trong nét vẽ của nhân vật “tôi” cũng đủ biến con cừu này thành con cừu khác về trạng thái, giới tính, độ tuổi,...

3. Sau khi chia tay Hoàng tử bé**a. Tâm trạng**

- Buồn: “buồn lắm”, “những chiếc lục lạc lại biến hết cả thành nước mắt”, cho rằng nơi từng gặp hoàng tử bé là “quang cảnh đẹp nhất và buồn nhấ thế gian”.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu câu hỏi: <i>(?)Em ấn tượng với bức tranh nào nhất ? Vì sao?</i> Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện cá nhân Bước 3: Báo cáo HS trình bày Bước 4: Kết luận Gv kết luận, chốt kiến thức	Hs tùy chọn bức tranh ấn tượng, có thể là bức tranh con trâu hoặc chiếc hộp vì nó thể hiện khả năng liên tưởng phong phú của trẻ thơ hoặc bức chân dung nhân vật hoàng tử bé,...
---	--

IV. HƯỚNG DẪN HĐTT (1')

Chuẩn bị bài sau văn bản “Người thầy đầu tiên”

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1 Về kiến thức:

- Tri thức về từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

2 Về năng lực:

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.
- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.
- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

3 Về phẩm chất:

- Biết cách sử dụng từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ trong khi viết bài và giao tiếp hằng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B 1: chuyển giao nhiệm vụ Hiện nay trên mạng xã hội facebook có 1 group đang ngày càng đông thành viên có tên là “Flex đến hơi thở cuối cùng”. Bạn hiểu thế nào về từ “flex”? B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	“Flex” -> biệt ngữ xã hội

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. **Mục tiêu:**

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.
- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.
- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : B 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: + <i>Em hiểu thế nào là từ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội?</i> B 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức . NV2 : B1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Dựa vào văn bản Về thăm mẹ đã học, hãy chỉ ra phép tu từ ẩn dụ có trong câu:</i> <i>Áo tôi qua buổi cày bừa</i> <i>Giờ còn lún cùn khoác hồ người rơm</i> <i>Từ đó, hãy nhắc lại khái niệm về biện pháp tu từ ẩn dụ?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ B 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	I.Lí thuyết 1. Từ toàn dân - Từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi vùng miền của đất nước. <i>VD: cha, mẹ, sắn, ngô, gì, nào, sao, thế,...</i> - Là khối từ ngữ cơ bản và có số lượng lớn nhất của ngôn ngữ. - Từ ngữ toàn dân không chỉ có vai trò quan trọng trong giao tiếp ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn là cơ sở cho sự thống nhất ngôn ngữ. Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng từ ngữ toàn dân là điều kiện để giao tiếp có hiệu quả. 2. Từ ngữ địa phương - Là những từ ngữ được sử dụng ở một vùng miền nhất định. <i>VD: thầy, u, mì, bắp, chi, răng, rứa,...</i> - Số lượng không lớn, phạm vi dùng hạn chế - Phản ánh nét riêng của con người, sự vật mỗi vùng miền, có vai trò quan trọng đối với hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày và đối với sáng tác văn chương. - Cần hiểu được nghĩa và biết sử dụng đúng chỗ, đúng mức nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp. 3. Biệt ngữ xã hội - Là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định. <i>VD: pó tai, rùi, bít, ga tô,...</i> - Trong tác phẩm văn chương, lời ăn tiếng nói của nhân vật cũng có thể phản ánh biệt ngữ của nhóm xã hội mà nhân vật thuộc vào.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức: Biện pháp tu từ ẩn dụ nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	- Việc sử dụng cần có chừng mực để đảm bảo hiệu quả giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																			
NV1: Bài tập 1 B 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: làm bài tập 1 + Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”. + Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm được phát 1 phiếu học tập.	Bài tập 1:																																			
<table><tr><th>Câu</th><th>Từ ngữ địa phương</th><th>Vùng sử dụng</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>a</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>b</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>c</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>d</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Câu	Từ ngữ địa phương	Vùng sử dụng	Tác dụng	a				b				c				d				<table><tr><th>Câu</th><th>TNĐP</th><th>Vùng</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>a</td><td>bẹ (ngô)</td><td>miền núi phía Bắc</td><td>- Bổ sung thông tin về nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc (vùng Việt Bắc). - Qua đó, cho biết thêm về cuộc sống gian lao nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan của Người.</td></tr><tr><td>b</td><td>tầm vông (loại tre thân nhỏ, giống dài, không gai, đặc ruột và cứng,</td><td>Nam Bộ</td><td>- Phản ánh một loại vũ khí thô sơ được sử dụng phổ biến và có hiệu quả trong cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp.</td></tr></table>				Câu	TNĐP	Vùng	Tác dụng	a	bẹ (ngô)	miền núi phía Bắc	- Bổ sung thông tin về nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc (vùng Việt Bắc). - Qua đó, cho biết thêm về cuộc sống gian lao nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan của Người.	b	tầm vông (loại tre thân nhỏ, giống dài, không gai, đặc ruột và cứng,	Nam Bộ	- Phản ánh một loại vũ khí thô sơ được sử dụng phổ biến và có hiệu quả trong cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp.
Câu	Từ ngữ địa phương	Vùng sử dụng	Tác dụng																																	
a																																				
b																																				
c																																				
d																																				
Câu	TNĐP	Vùng	Tác dụng																																	
a	bẹ (ngô)	miền núi phía Bắc	- Bổ sung thông tin về nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc (vùng Việt Bắc). - Qua đó, cho biết thêm về cuộc sống gian lao nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan của Người.																																	
b	tầm vông (loại tre thân nhỏ, giống dài, không gai, đặc ruột và cứng,	Nam Bộ	- Phản ánh một loại vũ khí thô sơ được sử dụng phổ biến và có hiệu quả trong cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp.																																	
+ Mỗi nhóm có 5 phút để thực hiện nhiệm vụ. + GV chiếu đáp án lên bảng. Các nhóm chấm chéo cho nhau. Nhóm chiến thắng được tặng phần quà nhỏ hoặc cộng điểm miệng cho mỗi thành viên. <i>a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang</i>																																				

<i>Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng (Hồ Chí Minh)</i> <i>b. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! (Thép Mới)</i> <i>c. Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét (Đoàn Giỏi)</i> <i>d. Thuyền em đã nhẹ, chèo lẹ khó theo (Ca dao)</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV2: Bài tập 2 B 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 2. <i>Giải thích nghĩa của các từ in đậm dưới đây bằng các từ toàn dân cùng nghĩa:</i> a. ... Lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến... (Nam Cao) b. Đón ba, nội gầy gò, cười phô cả lợi: - Má tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm. (Nguyễn Ngọc Tư) c. Một hôm, chú Biểu đến nhà, chú mang theo xâu ếch dài thiệt dài, bổ bã: - Cái này má gởi cho mây, má biểu phải đem đến tận nhà. (Nguyễn Ngọc Tư) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ		thường dùng làm gậy)		
	c	đòn (từ chỉ đơn vị) bánh tét (loại bánh làm bằng gạo nếp, nhân đỗ xanh, thịt lợn, hình trụ)	miền n Tru ng	Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam.
	d	lẹ (nhanh)	miền n Na m	Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam.

Bài tập 2:

a. Dòm ngó: nhòm ngó

b. Ba: bố, cha

Nội: bà nội, ông nội

Má: mẹ

c. Thiệt: thật

Gởi: gửi

Mây: mày

Biểu: bảo

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. NV3: Bài tập 3 B 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. Việc sử dụng các biệt ngữ xã hội (có dấu ngoặc kép) trong những câu sau (ở tác phẩm <i>Bỉ vỏ</i> của Nguyên Hồng) có tác dụng thể hiện đặc điểm của các nhân vật như thế nào? a. Nó hết sức theo dõi nhưng không làm sao đến gần được vì “bỉ” này “hắc” lắm. b. Cái “cá” ngon làm vậy thằng “vỏ lõi” nó còn “môi” được hưởng hồ chi ... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. B 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	Bài tập 3: - Các biệt ngữ xã hội được sử dụng trong các câu đã cho: + bỉ: đàn bà, con gái + hắc: cẩn thận, khôn ngoan + cá: ví tiền + vỏ lõi: kẻ cắp nhỏ tuổi + môi: lấy cắp ⇒ Góp phần thể hiện rõ hơn đặc điểm của nhân vật được nói đến: những kẻ thuộc giới lưu manh, trộm cắp. ⇒ Việc chúng đặt ra và sử dụng các biệt ngữ xã hội trong giao tiếp là nhằm che giấu những việc làm xấu xa, tội lỗi của mình.
--	--

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ) Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu ý kiến của em về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay. B2: Thực hiện nhiệm vụ B3: Báo cáo, thảo luận HS có thể chia sẻ những nội dung các em viết với các bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - Dẫn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.	Hiện nay, trên mạng xã hội xuất hiện phổ biến hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội, đặc biệt là trong giới trẻ. Đây là hiện tượng bình thường, phản ánh sự vận động của ngôn ngữ dưới tác động của các nhân tố tâm lí, xã hội và phương tiện giao tiếp mới (Internet). Hiện tượng này, xét ở góc độ nào đó, cũng có khía cạnh tích cực (chẳng hạn: đáp ứng nhu cầu, sở thích giao tiếp của một nhóm xã hội nhất định). Tuy nhiên, việc sử dụng biệt ngữ xã hội cần có chừng mực để không ảnh hưởng đến việc giao tiếp trong môi trường giao tiếp chính thức và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. (Nguồn: SGK ngữ văn 8 cánh diều)

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

VĂN BẢN 3: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Duy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên. Từ đó, biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.
- Nhận biết được sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó; biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Duy-sen qua các chi tiết miêu tả

ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An- tu-nai, của nhân vật người hoạ sĩ.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

Biết phối hợp cùng các bạn trong nhóm thực hiện công việc nhóm nhỏ.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ người kể chuyện;...) của truyện.

- Phân tích được đặc điểm của nhân vật trong truyện kể qua: hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ,...

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Hiểu được chủ đề của truyện.

- Đọc hiểu được các văn bản khác thuộc thể loại truyện vừa.

- Liên hệ được sự giống và khác nhau giữa các kiểu cốt truyện, nhân vật ở các chuyện kể khác nhau; nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ.

- Đoàn kết, tôn trọng sự khác biệt.

- Có thái độ trân trọng, biết ơn; cảm thông chia sẻ với người khác.

- Bồi dưỡng tinh thần vượt qua khó khăn thử thách trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- GV: Giáo án, sgk, phiếu học tập

- HS: Thiết bị học tập cần thiết

III. PHƯƠNG PHÁP

Thuyết trình, đàm thoại, dạy học nhóm,

IV. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. TRƯỚC GIỜ HỌC

* Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 4 nhóm để Hs thực hiện dự án:

- Thời gian thực hiện 10 ngày.

- Yêu cầu: Các nhóm bốc thăm một trong các vai trò sau để thực hiện:

+ (1) Vai tác giả Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp để giới thiệu về bản thân và tác phẩm “Người thầy đầu tiên”.

+ (2) Vai người dân Cu-rơ-gư-xtan để giới thiệu về đất nước – con người Cu-rơ-gư-xtan.

+ (3) Vai nhân vật An-tư-nai kể về câu chuyện của mình và kể về thầy Duy-sen trong đoạn trích “Người thầy đầu tiên”.

+ (4) Tìm hiểu ngôi kể và tác dụng của ngôi kể, cốt truyện, tóm tắt đoạn trích “Người thầy đầu tiên”

- Sản phẩm: tranh ảnh, video,... kết hợp thuyết trình.

* Nhiệm vụ 2: Hoàn thành phiếu học tập số 1

2. TRONG KHI HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
a. Mục tiêu: : - Tạo tâm thế hứng thú cho HS. - Kích hoạt tri thức nền về đặc điểm thể loại truyện đã học.	
b. Tổ chức thực hiện:	
*Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV mời nhóm thực hiện dự án (2) <i>Vai người dân Cu-rơ-gư-xtan để giới thiệu về đất nước – con người Cu-rơ-gư-xtan</i> trình bày.	
*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm thực hiện dự án ở nhà.	
*Bước 3: Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên báo cáo dự án.	
*Bước 4: Đánh giá kết quả: Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo. GV nhận xét, dẫn vào bài: “Người thầy đầu tiên” là truyện ngắn xuất sắc của của tác giả Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp. Vậy em biết gì về tác giả và tác phẩm?	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
a. Mục tiêu: Hs hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm	
b. Tổ chức thực hiện:	

*Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV mời nhóm thực hiện dự án (1) <i>Vai tác giả Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp để giới thiệu về bản thân và tác phẩm “Người thầy đầu tiên”</i> trình bày. *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm thực hiện dự án ở nhà. *Bước 3: Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên báo cáo dự án. *Bước 4: Đánh giá kết quả: Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo. GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Ai-ma-tốp (1928 - 2008) là nhà văn Cư-gơ-rư-xtan, một nước cộng hòa ở vùng trung Á, thuộc Liên Xô trước đây. - Ông bắt đầu hoạt động sáng tác văn học từ năm 1952, khi ông còn là sinh viên. - Đề tài chủ yếu trong tác phẩm của ông: cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan... - Một số tác phẩm như: <i>Cây phong non trùm khăn đỏ</i>, <i>Người thầy đầu tiên</i>, <i>Con tàu trắng</i>... 2. Tác phẩm “Người thầy đầu tiên “ được sáng tác năm 1962, là một truyện ngắn nổi tiếng được in trong tập Gia-mi-li-a – Truyện núi đồi và thảo nguyên được tặng Giải thưởng văn học Lê-nin năm 1963.
*Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV mời nhóm thực hiện dự án (4) <i>Tìm hiểu ngôi kể và tác dụng của ngôi kể, cốt truyện, tóm tắt đoạn trích “Người thầy đầu tiên”</i> trình bày. *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm thực hiện dự án ở nhà. *Bước 3: Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên báo cáo dự án. *Bước 4: Đánh giá kết quả: Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo. GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt.	II. Thực hành đọc-hiểu văn bản 1. Ngôi kể, cốt truyện, tóm tắt - Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể: Truyện được kể ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện là An-tư-nai. Ngôi kể thứ nhất khiến câu chuyện được kể lại chân thật, sinh động, giàu cảm xúc. - Cốt truyện: Đoạn trích “Người thầy đầu tiên” kể về kí ức đau buồn của An-tư-nai khi còn ở ngôi làng Ku-ku-rêu hẻo lánh: bị người thân bán làm vợ lẽ cho một kẻ giàu có. - Tóm tắt: + Thầy Duy-sen hứa sẽ bảo vệ An-tư-nai trước âm mưu của người thím, động viên cô lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng khi cùng cô trồng hai cây phong. + Nhưng biến cố đau buồn vẫn xảy ra với An-tư-nai và thầy Duy-sen đã trải qua nhiều khó khăn, vất vả để giải thoát cho cô. + Kết truyện là những suy nghĩ của An-tư-nai về con đường mòn mà thầy Duy-sen đã đưa cô đi hôm ấy. Mạch kể chuyện: từ quá khứ - hiện tại

*Bước 1: Giao nhiệm vụ: - Nhiệm vụ 1: GV mời nhóm thực hiện dự án (3) <i>Vai nhân vật An-tư-nai kể về câu chuyện của mình và kể về thầy Đuy-sen trong đoạn trích “Người thầy đầu tiên”</i> trình bày. - Nhiệm vụ 2: Sau khi HS trình bày xong, GV yêu cầu các nhóm (4-6 hs) thống nhất PHT số 1 trong 5 phút. *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm thực hiện dự án ở nhà. *Bước 3: Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm lên báo cáo dự án. GV hỏi: Thông qua cuộc đời của nhân vật An-tư-nai, có thể nêu lên nhận xét gì về số phận của những người phụ nữ Cu-rơ-gư-xtan? *Bước 4: Đánh giá kết quả: Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo. GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt.	2. Nhân vật thầy Đuy-sen và An-tư-nai a. Thầy Đuy-sen - Yêu thương, quan tâm học trò (Không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn dạy học trò cách làm người, giúp An-tư-nai tạo lập nhân cách của mình). - Có trách nhiệm với học trò (Ra sức bảo vệ An-tư-nai, dám hi sinh tính mạng để mong đem lại cuộc sống mới đầy hi vọng cho học trò của mình). - Có niềm tin vào tương lai tươi sáng của học trò (Tin tưởng mạnh mẽ vào năng lực của An-tư-nai, gieo vào lòng cô bé niềm tin, nghị lực trong cuộc sống). ⇒ Thầy Đuy-sen ấm áp, dịu dàng và cao thượng b. An-tư-nai - Hoàn cảnh bất hạnh do thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần (mồ côi cha mẹ, ở cùng chú thím, bị bắt ép gả chồng khi còn chưa đủ tuổi.) - Tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy Đuy-sen: cảm kích, biết ơn thầy. -> Số phận người phụ nữ: + Chịu nhiều thiệt thòi. + Bị đói nghèo, lạc hậu đày đọa, mất hết quyền làm người.
*Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS xác định đề tài, chủ đề, thông điệp của đoạn trích. *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân *Bước 3: Báo cáo kết quả: HS trả lời *Bước 4: Đánh giá kết quả: HS nhận xét, bổ sung GV nhận xét, đánh giá, chốt	3. Đề tài, chủ đề, thông điệp - Đề tài: cuộc sống khắc nghiệt nhưng đầy chất thơ của người dân vùng đồi núi Cu-rơ-gư-xtan. - Chủ đề: ca ngợi tình cảm, đạo đức, con người, đặc biệt là tình thầy trò và lòng biết ơn những người góp công xây đắp nên cuộc sống thịnh vượng, ấm no, hạnh phúc. - Thông điệp: + Trân trọng biết ơn những người thầy trong cuộc sống. + Trong cuộc sống cần có ý chí và quyết tâm để vượt qua hoàn cảnh hướng tới điều tốt đẹp. + ...
*Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: - Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật. - Chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu văn bản truyện ngắn. *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, tìm câu trả lời. *Bước 3: Báo cáo kết quả: HS trả lời *Bước 4: Đánh giá kết quả: HS nhận xét, bổ sung GV nhận xét, đánh giá, chốt.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lựa chọn ngôi kể thứ nhất. - Sự kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm với ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc. 2. Kinh nghiệm đọc hiểu văn bản truyện ngắn - Đọc lướt văn bản xác định ngôi kể, cốt truyện, nhân vật, ... - Đọc chi tiết, tìm hiểu đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ của người kể chuyện, ... - Liên hệ, rút ra được bài học cho bản thân về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

Hoạt động 3: Luyện tập

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
-------------------------------------	------------------

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

***Bước 1: Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn “Tất nhiên thầy Duy-sen hiểu rõ tâm trạng tôi ... ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ...”

Trả lời câu hỏi:

? Hãy dẫn ra một số câu văn thể hiện suy nghĩ, tình cảm và mong ước của thầy Duy-sen khi trồng hai cây phong nhỏ.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS đọc thầm và xác định câu văn

***Bước 3: Báo cáo kết quả:**

HS trả lời

***Bước 4: Đánh giá kết quả:**

HS nhận xét, bổ sung

GV nhận xét, đánh giá

Một số câu văn thể hiện suy nghĩ, tình cảm và mong ước của thầy Duy-sen khi trồng hai cây phong nhỏ:

- Khởi gợi niềm lạc quan: “Và mọi người sẽ luôn luôn thấy chúng và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn thấy chúng.”

- Mong ước về tương lai tươi sáng: “Tất cả những gì đẹp nhất đều hãy còn ở phía trước...”

- Thể hiện tình thương yêu sâu sắc, niềm tin mãnh liệt dành cho học trò: “Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em cũng sẽ trưởng thành, em sẽ là một người tốt. Em có một tâm hồn đẹp và một đầu óc ham học. Thầy bao giờ cũng nghĩ rằng em sẽ trở thành người thông thái. Thầy tin như vậy, em ạ, số phận em nhất định sẽ như thế. Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này. Và mong sao em sẽ tìm thấy hạnh phúc trong học tập, ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ...”

Hoạt động 4: Vận dụng

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn. b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV. c. Sản phẩm: Đoạn văn 8-10 dòng của HS d. Tổ chức thực hiện:	
*Bước 1: Giao nhiệm vụ: Chi tiết hoặc hình ảnh nào trong văn bản đã để lại trong em những ấn tượng sâu đậm? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8-10 dòng) ghi lại ấn tượng ấy *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xác định chi tiết hoặc hình ảnh ấn tượng, phát biểu miệng. Viết đoạn văn (nếu còn thời gian, dành cho hs khá-giỏi) GV gợi ý: - Hình thức: một đoạn văn - Dung lượng: 8-10 dòng - Nội dung: Chi tiết hoặc hình ảnh để lại ấn tượng: + Hình ảnh hai cây phong non. + Lời động viên của thầy Duy-sen với An-tư-nai khi trồng hai cây phong. + Chi tiết thầy Duy-sen chống trả bọn côn đồ để bảo vệ An-tư-nai. + Hình ảnh thầy Duy-sen cầm cương đi trước, An-tư-nai đi sau khi giải thoát cho cô. *Bước 3: Báo cáo kết quả:	HS tự do trình bày quan điểm cá nhân, miễn hợp lý và thuyết phục; lưu ý đảm bảo dung lượng theo yêu cầu.

Hs đọc đoạn văn.

***Bước 4: Đánh giá kết quả:**

Hs khác nhận xét.

GV nhận xét, đánh giá.

3. SAU KHI HỌC

-Tiếp tục hoàn thành bài tập...

PHỤ LỤC**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

	Nhân vật bà thím và những người đàn ông	Thầy Duy-sen	An-tư-nai
Trước khi An-tư-nai bị bắt	Điều thím của An-tư-nai định làm	- Lời nói: - Hành động, cử chỉ:	- Suy nghĩ, tâm trạng - Tình cảm dành cho thầy Duy-sen
Khi An-tư-nai bị bắt	- Ngôn ngữ - Hành động	- Ngôn ngữ Hành động	- Ngôn ngữ Hành động
Sau khi An-tư-nai bị bắt	- Ngôn ngữ Hành động	- Ngôn ngữ Hành động	- Ngôn ngữ Hành động
Nhận xét			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

(Gợi ý trả lời)

	Nhân vật bà thím và những người đàn ông	Thầy Duy-sen	An-tư-nai
Trước khi An-tư-nai bị bắt	Điều thím của An-tư-nai định làm: bắt An-tư-nai gả cho người đàn ông giàu có	- Lời nói: “thầy sẽ chịu trách nhiệm về em” “An-tư-nai, em đừng sợ” “Em đừng buồn, An-tư-nai à” “Thầy bao giờ cũng tin em sẽ trở thành người thông thái” “tất cả những gì tốt đẹp hãy còn ở phía trước” - Hành động, cử chỉ: + Nhìn thẳng vào mắt, đặt tay lên vai, mỉm	- Suy nghĩ, tâm trạng + Lặng đi vì kinh hãi. + Cố gắng can đảm để thầy Duy-sen khỏi bận tâm - Trăn trở không ngủ được vì lo nghĩ về tai họa sắp ập tới. - Tình cảm dành cho thầy Duy-sen: cảm kích trước tâm hồn cao thượng của thầy

		cười khi nói với An-tư-nai. + Mang hai cây phong về trồng để khơi gợi sự lạc quan, niềm hi vọng về tương lai tươi sáng cho An-tư-nai. - Qua cảm nhận của An-tư-nai + Về mặt sa sầm như đang lo nghĩ điều gì. + Về đẹp sáng ngời, tấm lòng triu mến, trung hậu, mạnh mẽ và khéo léo trong lao động.	
Khi An-tư-nai bị bắt	- Ngôn ngữ: ăn nói cộc lốc, xác xược xưng hô mày-tao với thầy Đuy-sen. - Hành động: + Chồm về phía An-tư-nai + Tên mặt đỏ xông vào thầy Đuy sen như một con gấu. + 2 tên cầm gậy nhọn xông vào. + Chúng đánh gãy tay thầy Đuy-sen. + Thấy thầy không còn sức chống cự, liền xông vào đánh thầy, rống lên như một đàn bò. + Vật An-tư-nai xuống và trói lại; bịt mồm An-tư-nai và xốc cô nằm vắt ngang lưng ngựa.	- Ngôn ngữ: rần ròi và điềm tỉnh + Các em đừng để ý, cứ lo việc của các em đi. + Hỏi thím của An-tư-nai: Bà đến có việc gì? + Ở đây toàn là nữ sinh, chưa em nào gả chồng được. - Hành động: + Chặn lối khi bà thím tiến lại gần An-tư-nai + Đạp vào bụng tên mặt đỏ. + Khi bị đánh gãy tay, thầy ép cánh tay vào ngực, bước lùi lại.	- Hành động: Lao vào đám đánh nhau lôi theo cả lũ trẻ đang bầu vúi vào người.
Sau khi An-tư-nai bị bắt	- Dụi mắt, toan chồm lên người thầy. - Lão kia ngoan ngoãn cất bước.	- Ngôn ngữ + Giận giữ với tên mặt đỏ. + Dẫn vật bản thân khi nói lời xin lỗi An-tư-nai, dịu dàng nói lời động viên học trò. - Hành động:	- Đến đêm thứ 3 nhất quyết trốn đi - Hăm hờ, mài mê đào đất dưới vách lều. Cào bằng móng tay, mấy ngón tay toạc rách móng rớm máu. - Mừng quýnh khi thấy thầy vẫn sống.

		+ Nhảy xuống ngựa, chạy vào lều và kéo phất tẩm chăn đắp trên người lão mặt đỏ. + Túm lấy cổ áo tên mặt đỏ lay mạnh, rồi kéo đầu hắn vào sát mặt mình. + Đứng cạnh, lặng lẽ vuốt tóc và đợi An-tư-nai nín khóc.	- Xuống suối tắm và nói lời thì thầm.
Nhận xét	Đại diện cho xã hội lúc bấy giờ	- Yêu thương, quan tâm tới học trò. - Có trách nhiệm với học trò. - Có niềm tin vào tương lai tươi sáng của học trò.	Đại diện cho số phận người phụ nữ lúc bấy giờ: - Chịu nhiều thiệt thòi. - Bị đói nghèo, lạc hậu, mất hết quyền làm người.

VIẾT: PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Viết được bài phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm

2. Về năng lực

- HS nhận biết được yêu cầu của bài phân tích một tác phẩm truyện.
- HS hiểu văn bản, phân tích được chủ đề, một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một tác phẩm truyện.
- HS rèn luyện, phát triển kĩ năng xây dựng luận điểm, lí lẽ và tìm những bằng chứng thuyết phục trong văn bản.
- HS có cơ hội chia sẻ trải nghiệm, cảm xúc, bài học rút ra sau quá trình đọc và phân tích một tác phẩm truyện.
- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập văn bản phân tích, đánh giá những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả.

3. Về phẩm chất

- Biết yêu thích, tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của một tác phẩm truyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm,

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

PHIẾU TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý (Phiếu số 1)

Họ và tên HS:

Đề bài : Phân tích truyện ngắn “ Lão Hạc” của Nam Cao.

Thông tin chung về tác giả, tác phẩm

.....

+ Tên tác giả: + Thông tin bổ sung về tác phẩm như: hoàn cảnh ra đời, tóm tắt sơ lược về nội dung của tác phẩm, thể loại, các nhân vật cần chú ý.	
Phân tích những nét nghệ thuật đặc sắc và tác dụng + Nét nghệ thuật thứ nhất: chỉ ra và nêu tác dụng. + Nét nghệ thuật thứ hai: chỉ ra và nêu tác dụng.	
Chủ đề + Nêu chủ đề + Chia sẻ cảm nhận về tác phẩm	

PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT CỦA BẠN (Phiếu số 2)

Họ và tên HS viết bài:

Họ và tên HS góp ý:

Tiêu chí	Nhận xét
Bài viết đã giới thiệu được tên tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, thể loại, nội dung của truyện chưa? (2đ)	
Hình thức bài văn đã đảm bảo chưa? Về chính thể và bố cục (2đ)	
Nội dung bài văn đã thể hiện được chủ đề, giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm chưa? (3đ)	
Bài văn có cần bổ sung thêm nội dung gì không? (Nếu có hãy chỉ rõ) (1đ)	
Bài văn có cần lược bỏ từ ngữ, hoặc câu, đoạn nào không? (Nếu có hãy chỉ rõ) (2đ)	
Nếu được đánh giá em đánh giá bạn đạt bao nhiêu điểm?	

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: GV yêu cầu HS kể tên một số truyện ngắn mà em đã học/đã đọc(HS ghi vào tờ giấy note) và cho biết tác phẩm truyện nào đã để lại ấn tượng sâu sắc? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS dán giấy note vào tờ giấy A4 và cùng nhau chia sẻ trong nhóm với thời gian 2 phút.

Bước 4: Kết luận, nhận định

□GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Trước một tác phẩm truyện, mỗi người đọc có thể có những cảm nhận, quan điểm riêng biệt. Khi cần chia sẻ những cảm nhận, quan điểm đó, chúng ta có thể sử dụng kiểu bài phân tích một tác phẩm truyện, ở dạng bài viết này bạn cần làm rõ chủ đề của truyện là gì? Truyện có những nét đặc sắc nào về hình thức nghệ thuật? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu **Viết phân tích một tác phẩm truyện**.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Định hướng

a. Mục tiêu:

HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài văn phân tích một tác phẩm truyện:

- Dùng lời văn của mình.
- Biết cách lựa chọn từ ngữ, cách đặt câu, biết sử dụng dẫn chứng, lí lẽ để làm sáng tỏ vấn đề mà tác giả đưa ra trong tác phẩm, thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài viết chặt chẽ, giàu cảm xúc hơn.

b. Tổ chức thực hiện:

* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

HS đọc phần Định hướng (sách giáo khoa trang 26, 27) và trả lời các câu hỏi:

? Thế nào là phân tích một tác phẩm truyện?

? Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện em cần chú ý những yêu cầu nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Đại diện một số cặp đôi phát biểu.

+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV chuẩn hoá kiến thức:

I. ĐỊNH HƯỚNG

- Phân tích một tác phẩm truyện là kiểu bài nghị luận văn học mà trong đó, người viết dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

+ Phải bám sát cốt truyện, chủ đề, nhân vật, những nét đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm.

+ Căn cứ vào đề bài để xác định cách tìm ý cho phù hợp.

+ Các nhận xét, đánh giá phải rõ ràng, đúng đắn, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

+ Bài văn cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm.

2.2. Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Tập trung vào các đặc điểm nổi bật làm nên thành công của tác phẩm.

- Lựa chọn một số từ ngữ để viết câu, viết đoạn, sử dụng dẫn chứng, lí lẽ hợp lí đưa ra các nhận xét, đánh giá về tác phẩm một cách khách quan; bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm và tìm ý, lập dàn ý.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi

1. Yêu cầu HS đọc lại văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao và thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 1.

2. Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.

3. Sửa lại bài sau khi đã viết xong? (Hoàn thành PHT số 2)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

II. THỰC HÀNH

Đề bài: *Phân tích truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.*

1. Chuẩn bị

Hoàn thiện phiếu học tập số 1

2. Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý

Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Nhan đề văn bản và cốt truyện tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao có gì đặc sắc?

- Hướng dẫn học sinh đọc lại văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý. - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. - Sửa bài cho học sinh. Học sinh: - Hoàn thiện phiếu học tập số 1. - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: + Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	- Chủ đề của truyện là gì? Ấn tượng chung của em sau khi đọc văn bản như thế nào? - Nét đặc sắc và tác dụng của một số yếu tố hình thức trong truyện là gì? - Có thể rút ra những bài học nào từ văn bản truyện? - Với em điều gì sâu sắc và đáng nhớ nhất sau khi đọc truyện? b. Lập dàn ý - Mở bài: Giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại và nhận xét chung về tác phẩm. - Thân bài: Nêu chủ đề và phân tích các biểu hiện làm rõ chủ đề của tác phẩm: + Phân tích nhan đề và đặc sắc của cốt truyện trong việc làm sáng tỏ chủ đề. + Phân tích các nhân vật nhằm làm rõ chủ đề của truyện: * Nhân vật Lão Hạc(các chi tiết về hoàn cảnh, hành động, việc làm, cử chỉ, lời nói,...) trong mối quan hệ với các nhân vật khác: con trai, ông giáo, “cậu Vàng”,.... * Nhân vật ông giáo (Ông giáo là người thế nào, những chi tiết nào thể hiện điều đó?...) + Phân tích tác dụng của các nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện: nghệ thuật khắc họa đặc điểm tính cách nhân vật, bút pháp miêu tả(ngoại hình và nội tâm), lựa chọn chi tiết giàu ý nghĩa, lời văn giản dị, tự nhiên,.... -Kết bài : Nhận xét khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện với cá nhân người viết. 3. Viết bài - Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau: + Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài + Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. 4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại bài viết.
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể. b. Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS. Bài tập: Phân tích truyện ngắn “Cố hương” của nhà văn Lỗ Tấn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS:	
Đề bài: Phân tích truyện ngắn “Cố hương” của nhà văn Lỗ Tấn. 1. Bước 1: Chuẩn bị - Đọc nội dung văn bản “Cố hương” của Lỗ Tấn. - Chú ý nhân vật “tôi” trong văn bản. 2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý - HS tìm ý: - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba đoạn gồm:	

- Dựa vào các bước trong cách làm viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện.

- Chú ý chuỗi sự kiện (mở đầu, phát triển, kết thúc), tìm các ý, lập dàn ý cho bài văn.

HS: Tìm các chi tiết, đặc điểm của nhân vật tôi qua đó đưa ra nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các tiêu chí sau:

- MB: Giới thiệu về tác giả Lỗ Tấn, tác phẩm “Cố hương” và yêu cầu của đề bài.

- TB:

a. Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” được tác giả phân tích chi tiết như nào?

- HS phân tích đường về quê, rút ra thực trạng của bối cảnh xã hội lúc bấy giờ cũng như cảm xúc của nhân vật “tôi”.

b. Những ngày nhân vật “tôi” ở quê được tác giả tái hiện như thế nào?

- Khung cảnh ở quê hiện lên ra sao?

- Con người ở quê được tác giả khắc họa chân thực như thế nào? Mọi người có thái độ và tình cảm, cách suy nghĩ như thế nào? Nguyên nhân vì sao họ hình thành và thay đổi như vậy?

c. Sau khi rời khỏi quê, nhân vật tôi có tâm trạng như thế nào?

Chú ý quan sát khung cảnh, khung cảnh khi nhân vật “tôi” bắt đầu rời xa quê hương.

d. Nhận xét hình ảnh con đường xuất hiện trong bài? Con đường ấy mang giá trị nội dung và nghệ thuật gì?

- KB:

Khái quát lại những giá trị nội dung và nghệ thuật góp phần tạo nên sự thành công của tác phẩm.

+ Mở bài:

- Giới thiệu vài nét về tác giả Lỗ Tấn: Một nhà văn tài năng với mong muốn dùng văn chương làm vũ khí tinh thần chống lại sự ngu dốt lạc hậu

- Vài nét cơ bản về tác phẩm Cố hương: Một tác phẩm chứa đựng những trăn trở của nhà văn thông qua hành trình trở về quê của nhân vật “tôi”

+ Thân bài:

a. Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi”

- Trên đường về quê

+ Hoàn cảnh: Trời giá lạnh, đang độ giữa đông, nhân vật “tôi” về quê sau hơn 20 năm xa cách

+ Mục đích: Ý định là để từ già lần cuối cùng, đem gia đình đến đất khách tôi đang làm ăn sinh sống.

+ Không gian làng quê: Trời u ám, thôn xóm tiêu điều, hoang vắng nằm im lìm dưới trời vàng úa...

⇒ Lòng tôi se lại vì “trong ký ức làng cũ đẹp hơn kia”, thật vọng, hụt hẫng vì làng xóm tiêu điều, hoang vắng quá khác xưa.

⇒ Bức tranh làng quê ảm đạm, héo hon, làm rõ tình cảnh sa sút của XHTQ đầu thế kỉ XX

b. Những ngày “tôi” ở quê

Nhân vật “tôi” cảm nhận mọi thứ trên quê hương mình:

- Khung cảnh:

+ Sáng tinh mơ, trên mái ngói, mấy cọng rơm khô phất phơ

+ Các gia đình đã dọn đi nhiều, càng hiu quạnh.

⇒ không gian hoang vắng, hiu quạnh, gợi cảm giác buồn

- Con người

+ Mẹ: “mừng rỡ, nét mặt ẩn một nỗi buồn”: nỗi buồn của người sắp phải từ giã nơi mình sinh ra và lớn lên mà chưa hẹn ngày gặp lại.

⇒ Tâm trạng lưu luyến, buồn của một người sắp xa quê.

+ Cháu Hoàng: nhìn “tôi” chòng chọc vì nó chưa gặp “tôi” lần nào, thấy tôi khác xa những người ở quê mà hằng ngày nó được gần gũi tiếp xúc.

⇒ nhấn mạnh sự đổi thay của quê hương, của bên trong con người, khiến Hoàng lạ lẫm với tôi so với những người, nếp sống, suy nghĩ quen thuộc ở quê.

+ Chị Hai Dương: 20 năm trước là một người phụ nữ duyên dáng, được mọi người yêu mến, sau 20 năm trở thành người phụ nữ xấu cả bề ngoài lẫn tính tình

+ Nhuận Thổ: Lúc nhỏ còn là cậu bé nông dân khoẻ mạnh, lanh lợi tháo vát, hiểu biết nhiều, hiện tại là người nông dân già nua, nghèo khổ đàn độn, mù mẫm, cam chịu số phận.

⇒ Nguyên nhân: sự thay đổi này do cách sống lạc hậu của người nông dân từ hiện thực đen tối, xã hội phong kiến đang suy tàn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét.	+ Nhân vật Thủy Sinh: Giống hệt bố ở tính nhút nhát, chỉ núp sau lưng bố, so với Nhuận Thổ 20 năm về trước “gầy còm, vàng vọt cổ không đeo vòng bạc” ⇒ Nghèo khổ, lam lũ hơn, không đẹp đẽ như tuổi thơ Nhuận Thổ xưa. Tác giả cũng ngậm lo lắng về tương lai thế sau như Thủy Sinh liệu có như Nhuận Thổ bây giờ. ⇒ Nhà văn đang nhìn thẳng vào hiện thực xã hội tha hóa con người và dùng văn chương, phơi bày hiện thực để thức tỉnh con người “chữa bệnh tinh thần cho dân tộc” c. Trên đường rời xa quê - Hoàn cảnh: Chiều hoàng hôn ⇒ dụng ý nghệ thuật bố cục đầu cuối tương ứng, mặt khác thời gian hoàng hôn còn gợi buồn, suy tư - Tâm trạng: lòng không chút lưu luyến, cảm thấy vô cùng lẻ loi, ngột ngạt. - Mơ về một cuộc sống khác: tươi đẹp, hạnh phúc hơn lúc này. + Mong ước: Chúng nó (bọn trẻ) không giống chúng tôi không bao giờ phải áp bức nhau ... + “Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới” sống giữa làng quê tươi đẹp, con người tử tế thân thiện. d. Hình ảnh con đường - Con đường sông, đường thủy (nghĩa đen): đi mãi cũng thành đường thôi. Đó là con đường mà tôi và cả gia đình đang đi. - Con đường cho cả dân tộc Trung Hoa xây dựng, đổi mới, đó là niềm hy vọng của các nhà văn về một ngày mai tươi sáng đối với cả dân tộc (nghĩa bóng). ⇒ Vấn đề đặt ra: Xây dựng những cuộc đời mới, những con đường mới tốt đẹp hơn cho tương lai. Hi vọng vào thế hệ trẻ làm thay đổi quê hương, đem đến tự do hạnh phúc cho con người + Kết bài: - Khái quát lại những giá trị nghệ thuật tiêu biểu làm nên thành công của tác phẩm - Liên hệ tới con đường đất nước, con đường bản thân 3. Bước 3: Viết Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn hoàn chỉnh phân tích truyện ngắn “Cố hương” của Lỗ Tấn.
Nhiệm vụ 2: Trả bài Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài văn theo phiếu đánh giá gợi ý Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	4. Bước 4: Trả bài (Kiểm tra, chỉnh sửa đoạn văn) HS kiểm tra, chỉnh sửa a. Nội dung - Bài viết đã đảm bảo đầy đủ nội dung chưa? - Sắp xếp lại các luận điểm nếu cần.

+HS tự sửa lại bài văn để hoàn chỉnh theo yêu cầu. +Tự kiểm tra lại bài văn của mình theo gợi ý của GV.	b. Hình thức - HS kiểm tra lỗi chính tả, dùng từ,... - HS kiểm tra cấu trúc bài văn đã đảm bảo yêu cầu chưa?
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá về một nét đặc sắc của tác phẩm truyện. b. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ) ? Hãy viết đoạn văn phân tích tác dụng của cách kết thúc truyện “ Lão Hạc”(Nam Cao). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ. HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm. HS: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có). - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.	

* **Hướng dẫn tự học ở nhà:** Học bài cũ, làm bài tập, chuẩn bị bài “Nói và nghe”.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Thời gian thực hiện: tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nhận biết và hiểu được các bước thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội được đặt ra trong hài kịch; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục (có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả trình bày)

2. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Nhận biết và hiểu được các bước thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội được đặt ra trong hài kịch; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục (có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả trình bày)

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua những biểu hiện sau:
- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp
- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ
- Biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt bằng hợp tác theo nhóm

3. Phẩm chất

HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm,

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Tổ chức thực hiện:

*** B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu video *Gia tăng học sinh đi xe máy phân khối lớn đến trường* theo link:

<https://www.youtube.com/watch?v=E2Mrp43KQM>

HS xem video và chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân sau khi xem video.



*** B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video, các hình ảnh và suy nghĩ cá nhân

*** B3: Báo cáo, thảo luận.**

- HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kỹ thuật trình bày 01 phút).

*** B4: Kết luận, khẳng định.**

□GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Như vậy, cô vừa giúp các em bước đầu biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề này dưới dạng lời nói, qua đó củng cố cách trình bày ý kiến của bản thân.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

a. Mục tiêu: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: B1: GV giao nhiệm vụ: + Tìm hiểu về một số vấn đề xã hội đặt ra trong cuộc sống? + Tìm hiểu về một số vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm văn học ở bài 6? + Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, các em cần làm gì? B2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích B3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. B4: Kết luận, khẳng định	I. Định hướng 1. Tìm hiểu về một số vấn đề xã hội - Một số vấn đề xã hội đặt ra trong cuộc sống. - Một số vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm. 2. Yêu cầu chung: Trình bày ý kiến về một vấn đề, các em cần: - Bối cảnh trình bày. - Xác định vấn đề định trình bày ý kiến. - Xác định đối tượng nghe, mục đích trình bày - Xác định nội dung nói: Xác định hệ thống lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người. - Thực hành trình bày ý kiến trước lớp. - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, video, thiết bị hỗ trợ nếu cần. - Cách thức và thái độ khi nói.

Hoạt động 2: Thực hành nói và nghe

Chọn một trong hai đề sau:

Đề bài 1: Suy nghĩ của em về ý kiến: “Cần biết lựa chọn sách để đọc”.

Đề bài 2: Suy nghĩ của em về thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em sau khi đọc văn bản “Trong mắt trẻ” (trích “Hoàng tử bé” của Ê-xu-pe-ri)

TRƯỚC KHI NÓI	
a. Mục tiêu:: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. b. Tổ chức thực hiện:	
B1: GV giao nhiệm vụ: ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Vấn đề em cần trình bày là vấn đề nào? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? ? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?	II. THỰC HÀNH a. Chuẩn bị - Xem lại đoạn trích “Trong mắt trẻ” (trích “Hoàng tử bé” của Ê-xu-pe-ri) - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày). + Vấn đề cần trình bày: Suy nghĩ của em về thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em sau khi đọc văn bản “Trong mắt trẻ” (trích “Hoàng tử bé” của Ê-xu-pe-ri) + Người nghe: các bạn trong lớp, cô/thầy giáo. + Không gian: lớp học + Thời gian: trình bày ý kiến trong khoảng 05 phút - Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần. - Xác định ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với phần trình bày bài nói. - Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu có). b. Tìm ý, lập dàn ý * Tìm ý: Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:

- Dựa vào dàn ý bài viết, HS bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).

- Nếu trình bày ý kiến về một vấn đề khác với vấn đề ở phần *Viết* thì lập dàn ý cho bài nói.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ... để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

B2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.

+ GV quan sát, khuyến khích

B3: HS báo cáo kết quả và thảo luận

B4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

Em hãy tự tập luyện bằng cách:

- Đứng trước gương để tập trình bày bài nói.

- Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt.... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.

-Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.

- Đoạn trích “Trong mắt trẻ” (trích “Hoàng tử bé” của Ê-xu-pe-ri) kể lại chuyện gì?

- Nội dung đoạn trích đặt ra vấn đề thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em như thế nào?

- Ước mơ của trẻ em có đặc điểm gì?

- Thái độ của người lớn đối với ước mơ của trẻ em có thể khác nhau như thế nào? Biểu hiện cụ thể ra sao?

- Theo em, cần củng hộ hay phê phán những thái độ nào? Vì sao?

- Em sẽ làm gì để thuyết phục người lớn có thái độ tích cực với ước mơ của bản thân.

*** Lập dàn ý:**

- Mở bài:

+ Lời chào hỏi mở đầu.

+ Nêu vấn đề cần trình bày: Người lớn cần hiểu và tôn trọng ước mơ của trẻ em. Đó là vấn đề đặt ra trong đoạn trích “Trong mắt trẻ” (trích “Hoàng tử bé” của Ê-xu-pe-ri)

- **Thân bài:** Lần lượt trình bày các nội dung trong mục tìm ý:

+ Nội dung văn bản *Trong mắt trẻ* và vấn đề ước mơ của trẻ em.

+ Đặc điểm ước mơ của trẻ em.

+ Biểu hiện cụ thể về sự khác nhau giữa thái độ của người lớn và ước mơ của trẻ em.

+ Nguyên nhân cần phê phán và ủng hộ đối với từng thái độ nêu trên.

- Kết bài:

+ Khái quát ý nghĩa vấn đề.

+ Hành xử phù hợp của trẻ em khi đối diện với thái độ của người lớn với ước mơ của bản thân.

*** Tự luyện tập và trình bày**

+ Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)

+ Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày.

*** Tự kiểm tra, chỉnh sửa.**

*** Bảng tự kiểm tra bài nói:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
Vấn đề trình bày được nêu cụ thể, rõ ràng chưa	
Em đã trình bày lần lượt: các lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề	
Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng	

	Hình thức trình bày: bố cục, phương tiện hỗ trợ,...	
	Tác phong và thái độ khi trình bày	
	Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề.	
	Thời gian trình bày	

THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Tổ chức thực hiện.

* **B1: GV giao nhiệm vụ:** Yêu cầu một số học sinh trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

* **B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* **B3: Báo cáo, thảo luận**

* **B4: Kết luận, khẳng định**

* Lưu ý:

- GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2)

c. Nói và nghe

TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI

a. Mục tiêu: Biết nhận xét, đánh giá về hoạt động nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.

- Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.

b. Tổ chức thực hiện.

* **B1: GV giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá hoạt động nói gắn với các tiêu chí.

* **GV đặt thêm câu hỏi:**

+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?

+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình

d. Kiểm tra và chỉnh sửa

* **Bảng kiểm tra bài nói của bạn:** Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)

* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
Bạn trình bày nội dung nào?	
Hình thức trình bày của bạn ra sao?	
- Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không?	

bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì? -HS tiếp nhận nhiệm vụ. * B2: Thực hiện nhiệm vụ * B3: Báo cáo, thảo luận - GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn. * B4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	- Điều em học được từ phần trình bày của bạn là gì?	
	Em đã chú ý lắng nghe phần trình bày của bạn chưa?	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ			
NHÓM			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Giới thiệu được vấn đề nghị luận là thái độ cần có của người lớn đối với ước mơ của trẻ em sau khi đọc văn bản “Trong mắt trẻ” (trích “Hoàng tử bé” của Ê-xu-pe-ri)	Chưa có vấn đề để nói	Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa rõ ràng quan điểm (chưa khẳng định nên hay không nên có vật nuôi trong nhà)	Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề nghị luận về hiện tượng đời sống
2. Làm sáng tỏ ý kiến về vấn đề (về nội dung và hình thức trình bày)	Có ít lí lẽ, không có bằng chứng để thuyết phục người nghe	Có lí lẽ, bằng chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề nhưng chưa hấp dẫn.	Lí lẽ sâu sắc, bằng chứng cụ thể phong phú, hấp dẫn, gần gũi với thực tế cuộc sống
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động thuyết trình	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động thuyết trình	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động thuyết trình
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.

	cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	cảm phù hợp với nội dung vấn đề	
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

*** Hướng dẫn học sinh ở nhà và chuẩn bị bài sau:**

- Thực hành nói và nghe theo bảng kiểm và Rubrics đánh giá bài nói.

*** Rút kinh nghiệm:**

- Phương pháp tổ chức dạy học:
- Tổ chức hoạt động của học sinh
- Phân bố thời gian:

BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Đọc – hiểu văn bản¹

MỜI TRÀU

-Hồ Xuân Hương-

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

*** Năng lực đặc thù**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Những cánh bướm” [4].
- Nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,...) của bài thơ [5].
- Nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản; công dụng của dấu

chấm lửng; ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh. [6].

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Những cánh buồm” [7].
- Suy ngẫm về ước mơ của bản thân và những việc làm để thực hiện ước mơ [8].

2. Về phẩm chất:

- Yêu thương, sống có tình người, biết không ngừng ước mơ cho cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà thơ Hồ Xuân Hương và văn bản “Mời trầu”...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc - hiểu.

HS suy nghĩ, chia sẻ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm: Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Hãy nêu những hiểu biết của em về nguồn gốc của trầu cau và tục ăn trầu?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS chia sẻ.

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Gợi ý: Trầu cau có nguồn gốc từ xa xưa (theo sự tích trầu cau). Ăn trầu là tập tục phổ biến tại Việt Nam từ lâu đời và được truyền cho đến ngày nay. Đến bây giờ lượng người ăn trầu cau không còn

nhiều như trước, chủ yếu là những người cao tuổi như ông bà cha mẹ chúng ta. Ngoài ra trầu cau còn xuất hiện ở rất nhiều hoạt động văn hóa khác như thờ cúng hay cưới hỏi. Mỗi mâm cỗ cúng bái đều có trầu cau như một hình ảnh tượng trưng không thể thiếu. Trong đám hỏi cũng không thể thiếu cau trầu. Vì vậy trầu cau đã trở thành một phần đời sống tinh thần của người Việt...

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.
- GV kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: Cách mời trầu của Hồ Xuân Hương rất độc đáo, ấn tượng không giống với cách mời trầu thông thường, đồng thời còn gửi gắm một nỗi niềm sâu sa. Vậy, cụ thể như thế nào chúng ta cùng khám phá qua tác phẩm...

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (...')

2.1 Kiến thức ngữ văn	
Mục tiêu: [2]; [3]; [5] Nội dung: GV sử dụng KT chia sẻ nhóm HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trò chơi tiếp sức - chia lớp thành 3 đội (3 nhóm lớn): Thi viết nhanh (điền từ) thiếu vào dấu (...) ở phần 1: 1. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật: + Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học ..., có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản. + Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể ... (mỗi câu bảy chữ) và ... (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: ... (mỗi bài tám câu) và ... (mỗi bài bốn câu). + Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: ... , mỗi phần có hai câu (gọi là <i>liên</i>). Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): ...	1. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật - Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc , có từ thời Đường (618 - 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản. - Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt ⁰¹ (mỗi bài bốn câu). - Bố cục của một bài bát cú gồm bốn phần: đề, thực, luận, kết , mỗi phần có hai câu (gọi là <i>liên</i>). Tứ tuyệt được xem như ngắt ra từ một bài bát cú, có bố cục bốn phần (mỗi phần một câu): khởi,

+ Niêm (nghĩa đen: *dính*, vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng ... (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới, ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.

+ Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật ... Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh ... (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (...).

+ Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần ... ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1, 2, 4.

- Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp ... (với thơ thất ngôn) hoặc ... (với thơ ngũ ngôn).
-
- Đối: Trong thơ Đường luật, ở phần ..., các chữ ở các câu thơ phải đối nhau về âm, về từ loại và về nghĩa; ví dụ: chữ vân bằng đối với chữ vân trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...

? Thế nào là thơ trào phúng? Kể tên một số thủ pháp nghệ thuật?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS các nhóm theo dõi Kiến thức ngữ văn-SGK để điền từ nhanh (mỗi thành viên chỉ được viết 1 lần).

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.
- HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét...

B4: Kết luận, nhận định

thừa, chuyển, hợp.

- Niêm (nghĩa đen: *dính*, vì làm cho hai câu thơ thuộc hai liên kết dính với nhau): Âm tiết (chữ) thứ hai của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng **thanh** (niêm) với âm tiết thứ hai của câu lẻ thuộc liên dưới, ở bài bát cú thì các cặp câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7 phải niêm với nhau; ở bài tứ tuyệt là các câu 1 - 4, 2 - 3.

- Luật: Thơ Đường luật buộc phải tuân thủ luật **bằng trắc**. Nếu chữ thứ hai của câu thứ nhất thanh **bằng** (không dấu, dấu huyền) thì bài thơ thuộc luật bằng và là luật trắc nếu mang thanh trắc (**dấu hỏi, ngã, sắc, nặng**).

- Vần: Thơ Đường luật ít dùng vần **trắc**. Bài thất ngôn bát cú thường chỉ gieo vần **bằng** ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; còn bài thất ngôn tứ tuyệt ở cuối các câu 1, 2, 4.
- Nhịp: Thơ Đường luật thường ngắt nhịp chẵn trước, lẻ sau, nhịp **4/3** (với thơ thất ngôn) hoặc **2/3** (với thơ ngũ ngôn).
- Đối: Trong thơ Đường luật, ở phần **thực và luận**, các chữ ở các câu thơ phải đối nhau về âm, về từ loại và về nghĩa; ví dụ: chữ vân bằng đối với chữ vân trắc, danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ,...

2. Thơ trào phúng và một số thủ pháp nghệ thuật/SGK/Tr 39

HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm, công bố kết quả.

- Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.

2.2 Đọc – hiểu văn bản (...')

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (...')

Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]

Nội dung:

GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung

HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Đọc - Hướng dẫn: Đọc bài với giọng truyền cảm, tha thiết, đầm ấm pha chút hóm hỉnh. - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn (gọi 2-3 học sinh). - HS đọc đúng, giải thích được một số từ khó. 1. Tác giả - Hoạt động cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS cách đọc và thực hiện phiếu bài tập. - Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần) HS: 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. - Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. (MH lớp học đảo ngược) - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV:	1. Tác giả 

- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

PHIẾU HỌC TẬP 1

Đặc điểm	Thể hiện trong văn bản: <i>Mời trầu</i>
Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	
Số chữ, số dòng	
Bố cục	
Luật	
Vần	
Nhịp	

+ Văn bản sử dụng những phương thức biểu đạt chính nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS: Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS: - Trả lời các câu hỏi của GV.

- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

PHIẾU HỌC TẬP 1

Đặc điểm	Thể hiện trong văn bản: <i>Mời trầu</i>
Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	
Số chữ, số dòng	7 chữ, 4 dòng
Bố cục	4 phần: Khởi - thừa - chuyển - hợp

- Hồ Xuân Hương (Nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX).

- Quê ở Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An.

- Có tài, giao du rộng, tình duyên ngang trái.

- Thơ của bà trữ tình, đậm chất, chua xót; trào phúng, hóm hỉnh, sâu cay; ngôn ngữ bình dị, biểu cảm, giàu cá tính.

2. Tác phẩm

- **Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- **Phương thức biểu đạt chính:** Biểu cảm.

- **Bố cục:** Khởi - thừa - chuyển - hợp

Câu 1: Hình ảnh quả cau miếng trầu

Câu 2: Khẳng định bản thân

Câu 3: Câu nói giao duyên

Câu 4: Niềm mong mỏi về hạnh phúc lứa đôi

- **Chủ đề:**

Bài thơ thể hiện ước mơ về cuộc sống hạnh phúc, tình yêu chính đáng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

1. Hai câu thơ đầu

GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời:

Giới thiệu hình ảnh quả cau miếng
trầu "*nho nhỏ*", xoàng xĩnh.

- Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương. Những từ ngữ đó đã thể hiện thái độ và tình cảm gì của tác giả?
- Hãy nêu nhận xét về nghệ thuật và nội dung của hai câu thơ đầu?

HS suy nghĩ và chia sẻ

GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

B3: Báo cáo kết quả

HS: Chia sẻ cá nhân.

GV: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.

- Từ ngữ được sử dụng mang dấu ấn cá nhân của Hồ Xuân Hương:

"Này của Xuân Hương mới quệt rồi."

Một cách thể hiện cái tôi của mình rất độc đáo mà lại duyên dáng. Nhà thơ tự trải lòng mình, bày tâm tư, tình cảm một cách chân thật. Chữ "này" biểu thị một cử chỉ thân mật, vồn vã, chân thành đối với khách. Cụm từ "Mới quệt rồi" vừa giới thiệu miếng trầu tươi ngon, vừa biểu lộ một tấm lòng chân thành, hiếu khách của cô gái.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời:

- Chỉ ra những từ ngữ liên quan đến thành ngữ trong câu thơ và phân tích tác dụng của các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung?
- Em nhận xét gì về nghệ thuật, nội dung của hai câu thơ cuối?

HS suy nghĩ và chia sẻ

GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

B3: Báo cáo kết quả

HS: Chia sẻ cá nhân.

GV: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.

- Thành ngữ "xanh như lá và bạc như vôi" được áp dụng trong câu thơ "Đừng xanh như lá, bạc như vôi". Việc đưa thành ngữ vào tác phẩm đã được nhà thơ xử lý rất tinh tế, tài tình và nhuần nhuyễn. Việc đưa thành ngữ như thầm nhắc khẽ "Đừng xanh như lá, bạc như vôi". Thi sĩ Xuân Hương như đang ngầm răn đe người khách đang mời trầu: đừng bội tình bạc nghĩa. Câu thơ "Đừng xanh như lá, bạc như vôi" cho ta nhiều

Câu 2:

"Này của Xuân hương mới quệt rồi"

Lời mời trầu tự nhiên, thân mật "này", "quệt".

=> Với việc sử dụng từ ngữ độc đáo; cách vận dụng ca dao, tục ngữ tài tình đã làm nổi bật thân phận nhỏ nhoi nhưng cũng khẳng định được cái tôi bản lĩnh, táo bạo của bà chúa thơ Nôm.

2. Hai câu thơ cuối

Câu 3:

"Có phải duyên nhau thì thắt lại"

Lời nhắn gửi về sự gắn bó chung tình.

Câu 4:

"Đừng xanh như lá, bạc như vôi"

Câu phủ định, so sánh, thành ngữ để phê phán sự hờ hững, lạnh nhạt trong tình cảm

□ Hai câu thơ sử dụng chất liệu dân gian độc đáo, thành ngữ "xanh như lá, bạc như vôi" và chữ dân gian "phải duyên" bộc lộ tâm trạng về khát vọng hạnh phúc lứa đôi, đồng thời là lời cảnh báo của nữ sĩ đối với thói bạc tình, bạc nghĩa.

III. Tổng kết

ngại ngừng về một điều gì sẽ xảy ra, chẳng bao giờ “thăm lại” được.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia nhóm lớp theo bàn.

- Phát phiếu học tập.

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nêu nghệ thuật chính được sử dụng trong văn bản.

? Nội dung chính của văn bản “Mời trầu” là gì?

? Bài *Mời trầu* thể hiện tâm trạng của tác giả với nhiều cung bậc cảm xúc. Theo em, đó là những cảm xúc gì? Hãy làm sáng tỏ điều đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiáy.

- Chia sẻ cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận

nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS:

- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- **KL:** “Mời trầu” thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc của tác giả. Qua “Mời trầu” ta thấy được những khát khao hạnh phúc chân thành, nồng ấm. Cùng với đó là nỗi băn khoăn của nhân vật trữ tình về tình yêu, mong rằng nó “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Xuân Hương mượn ngay hình ảnh của lá trầu, vôi trắng mà gửi thắm cái nguyện ước nhẩn nhủ của bản thân mình.

=> Qua bài thơ có thể thấy được Xuân Hương là một người mạnh mẽ, bà có tiếng nói riêng đại diện cho những người phụ nữ.

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Nghệ thuật: Từ ngữ thuần Việt, dân dã, đa nghĩa giàu biểu cảm, đậm đà sắc thái dân gian

- Nội dung: Tấm lòng thiết tha của Hồ Xuân Hương về sự thắm thiết và nghĩa tình giữa người với người.

3. HĐ 3: Luyện tập (16’)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS thực hiện cá nhân.

Nhiệm vụ 1: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

1. Bài thơ "Mời trầu" thuộc phương thức biểu đạt chính nào?
a. Tự sự **b. Biểu cảm** c. Miêu tả d. Nghị luận
2. Vì sao em biết bài thơ "Mời trầu" thuộc phương thức biểu đạt mà em đã khoanh tròn ở câu 1?
a. Vì bài thơ bày tỏ tình cảm, cảm xúc
b. Vì bài thơ tái hiện trạng thái sự vật, con người
c. Vì bài thơ trình bày diễn biến sự việc
3. Giá trị nghệ thuật của bài thơ "Mời trầu"
a. Giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút đùa vui hóm hỉnh, toát lên một cảm giác nhẹ nhàng nữ tính.
b. Ngôn ngữ thơ nôm bình dị mà gợi cảm và có hồn.
c. Hình tượng nhân vật được xây dựng có cá tính độc đáo.
d. Tất cả đều đúng.

Nhiệm vụ 2: Hồ Xuân Hương viết về việc mời trầu nhưng là để nói chuyện tình cảm. Nêu lên điều tác giả muốn nói qua bài thơ này bằng một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi trắc nghiệm.
 - Suy nghĩ cá nhân 3' và ghi rã giấy nhiệm vụ 2.
- GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ ý kiến cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.

Đoạn văn tham khảo: Bài thơ mời trầu là một thi phẩm xuất sắc được nhiều thế hệ bạn đọc yêu thích của Hồ Xuân Hương. Bài thơ Mời Trầu mang đậm phong cách thơ của bà, là tiếng nói bênh vực số phận bi thảm của người phụ nữ trong thời kì xưa. Chỉ với bốn câu thơ nhưng cũng đủ bộc lộ những tâm tư của bà về tình duyên và cuộc đời. Từ miếng trầu, Hồ Xuân Hương muốn nói đến tình người, đến mối quan hệ giữa con người với nhau không phải ở hình thức giao đãi bên ngoài mà chủ yếu là sự gắn chân tình thủy chung với nhau. Bài thơ nói lên được ý thức cá nhân, tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa mặc cho những hủ tục, những

định kiến u ám của thời đại. Qua đó là một tiếng nói trân trọng người phụ nữ, trân trọng những giá trị và ước mơ của họ trước cuộc đời.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn khi gặp bài thơ cùng đề tài.

b) **Nội dung:** GV nêu câu hỏi vận dụng và gọi HS chia sẻ cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời

Chỉ ra sự giống nhau và khác nhau về thể thơ, đề tài, thái độ của tác giả được thể hiện trong bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương với bài ca dao sau:

*Miếng trầu ăn kết làm đôi
Lá trầu là vợ, cau tươi là chồng
Trầu xanh, cau trắng cay nồng
Voi pha với nghia, thuốc nông với duyên*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và chia sẻ

GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

B3: Báo cáo kết quả

HS: Chia sẻ cá nhân.

GV: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

* GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh:

- Bài thơ *Mời trầu* của nhà thơ Hồ Xuân Hương và bài ca dao khác nhau về thể thơ: Bài thơ *mời trầu* là thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật; Bài ca dao là thơ lục bát.

- Đề tài của hai bài cũng tương đối giống nhau: Đều nói về tình yêu đôi lứa.

- Thái độ của tác giả:

+ Bài ca dao: Vui mừng trước tình yêu đôi lứa.

+ Bài thơ *mời trầu*: Bày tỏ thái độ bất khoan, không đồng tình trước sự bội bạc, bạc bẽo.

* **Hướng dẫn tự học:**

- HS đọc lại bài thơ, xem lại nội dung bài học.

- Xem trước bài *Cảnh khuya*/SGK/Tr 42.

- Chuẩn bị bài dựa vào câu hỏi trong Phiếu học tập và SGK.

Bài 7

THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Đọc – hiểu VB 2

CẢNH KHUYA

– Hồ Chí Minh –

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Hồ Chí Minh.
- Những nét chung về văn bản “Cảnh khuya”.
- Xác định được giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ trung đại trữ tình làm theo thể Đường luật.

2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Nhận biết và phân tích giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố thi luật của thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối...) trong bài thơ “Cảnh khuya”.
- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước của Bác.

3. Phẩm chất: Tiết học góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, lòng kính yêu Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát video.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được nội dung của những hình ảnh đó là sự giúp đỡ, tương trợ trong cuộc sống...
- Học sinh nêu cảm nhận về

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với video sau. Các em chú ý quan sát và cho cô biết:

Bài hát trên nói về ai? Qua video và những hiểu biết thực tế, em có cảm nhận như thế nào về nhân vật đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV bật video

HS:

- Nhận nhiệm vụ.
- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi...

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: *Cánh khuya*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
Tìm hiểu chung về Hồ Chí Minh



Tên khai sinh:

Năm sinh:

Sự nghiệp cách mạng:

Quốc quán:

Sự nghiệp văn chương:

Được UNESCO vinh danh là:

(?)Trình bày những thông tin chính về Hồ Chí Minh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1



- Hồ Chí Minh (1890 – 1969)
- Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành, Hồ Chí Minh...
- Quê: Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An

HS: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS: - Đại diện trình bày thông tin về Hồ Chí Minh - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm, giới thiệu thêm một số thông tin và hình ảnh, video về Bác và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	- Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là người tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc. - Người còn là nhà thơ lớn của dân tộc. - Hồ Chí Minh được Unesco vinh danh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.
Chuyển dẫn: GV tập trung vào phong cách sáng tác đề bình, kết nối sang phần 2	

2. Tác phẩm	
Mục tiêu: - HS biết cách đọc diễn cảm văn bản “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh. - Trình bày những thông tin chính về văn bản “Cảnh khuya”: + Hoàn cảnh ra đời + Thể loại + Bố cục... Nội dung: GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 2 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)	a. Đọc và tìm hiểu chú thích - <i>Đọc</i>

Hướng dẫn cách đọc, đọc mẫu - Ngắt nhịp: C1: 3/4, C2,3 4/3, C4: 2/5 - Giọng đọc chậm rãi, thanh thản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu HS đọc diễn cảm. - Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc HS đọc mẫu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét cách đọc của HS - Chốt cách đọc và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản. b. Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời cá nhân các câu hỏi: ? Hoàn cảnh ra đời của bài thơ. ? Xác định thể loại của bài thơ ? Phương thức biểu đạt chính? ? Xác định bố cục và nội dung của từng phần? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi. - Yêu cầu HS khác nghe và nhận xét. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời - HS còn lại nghe, nhận xét câu trả lời của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS. Giới thiệu thêm về Việt Bắc. - Chốt nội dung kiến thức.	-Chú thích (SGK) b. Tìm hiểu chung về vb - <i>Hoàn cảnh ra đời:</i> Bài thơ được Hồ Chí Minh sáng tác 1947 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tại Việt Bắc. - <i>Thể loại:</i> Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật - <i>Phương thức biểu đạt:</i> Biểu cảm - <i>Bố cục:</i> 2 phần + Phần 1: Hai câu thơ đầu □ <i>Vẻ đẹp của cảnh đêm trăng.</i> + Phần 2: Hai câu thơ cuối □ <i>Tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của nhà thơ</i>
--	---

Chuyển dẫn:

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Những yếu tố đặc trưng của thể loại thơ Đường luật trong bài thơ “Cảnh khuya”

Mục tiêu:

- HS tìm, phát hiện và nêu được những yếu tố đặc trưng về mặt hình thức của thể loại thơ Đường luật trong bài thơ “Cảnh khuya”.

+ Số câu, số tiếng

+ Vần, niêm, luật

+ Chủ đề

Nội dung:

GV tổ chức thảo luận nhóm để hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung.

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)

HD nhóm

- GV chia nhóm lớp

- Yêu cầu mở PHT và hoàn thành PHT sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu đặc trưng thơ Đường luật

Đặc trưng thể loại	Biểu hiện trong văn bản
1. Chủ đề	
2. Số tiếng, số dòng	
3. Gieo vần	
4. Niêm	
5. Luật	
6. Ngắt nhịp	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)

1. Những yếu tố đặc trưng của thể thơ Đường luật

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu đặc trưng thơ Đường luật

Đặc trưng thể loại	Biểu hiện trong văn bản
1. Chủ đề	Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước và phong thái

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập. HS đọc SGK, thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Gọi đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Gọi nhóm khác nhận xét câu trả lời của bạn HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). HD nhóm GV: - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). HS: - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS. - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.		ung dung của Bác
	2. Số tiếng, số dòng	- 7 tiếng /dòng - 04 dòng thơ/bài
	3. gieo vần	Câu 1,2,4: xa-hoa-nhà
	4. Niêm	1-4: trắc (suối-ngủ) 2-3: bằng (lòng-khuya)
	5. Luật	Luật bằng
	6. Ngắt nhịp	- ¾ - 4/3 - 4/3 - 2/5
GV bình giảng:		

2. Bức tranh thiên nhiên cảnh khuya và vẻ đẹp tâm hồn của Bác

Mục tiêu:

- HS tìm, phát hiện những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ làm nổi bật bức tranh thiên nhiên cảnh khuya.

- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên của Bác...

Nội dung:

GV sử dụng kĩ thuật vân đáp, kĩ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu.

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức thực hiện					Sản phẩm
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ THẢO LUẬN NHÓM hoàn thành PHT:					
	Hình ảnh, chi tiết	Biện pháp tu từ	Tác dụng	Nhận xét	
Hình ảnh thiên nhiên (Câu 1, 2)					
Hình ảnh con người (Câu 3, 4)					
*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. + Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành sản phẩm nhóm 7 phút. + Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau. - Giáo viên điều hành quá trình thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.					

- Giáo viên đánh giá, kết luận, bình đàn xen trong quá trình chốt các ý.

	Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ đặc sắc	Biện pháp tu từ	Tác dụng	Nhận xét
Hình ảnh thiên nhiên (Câu 1,2)	Tiếng suối	- So sánh - Bút pháp lấy động tả tĩnh	- Tiếng suối (thiên nhiên) trở nên gần gũi, thân mật như con người, giống như con người trẻ trung, trong trẻo đầy sức sống. - Tiếng suối xa diễn tả cảnh đêm khuya tĩnh lặng, thanh bình.	Cảnh núi rừng VB trong đêm trăng thật đẹp và thơ mộng, trong trẻo, tràn đầy sức sống.
	Trăng, cỏ thụ	Điệp từ “lòng”	Bức tranh rừng vừa có vẻ đẹp nhiều tầng lớp: cao – thấp - sáng – tối hoà hợp quần quýt; đường nét hình khối đa dạng vừa tạo nên vẻ đẹp lung linh, huyền ảo chỗ đậm, chỗ nhạt. Bóng cây cỏ thụ vươn cao, toả rộng lấp lánh ánh trăng. Bóng lá, bóng cây, bóng trăng in vào khóm hoa, in lên mặt đất thành những hình bông hoa trắng dẹt như gấm. Câu thơ thể hiện vẻ đẹp hình ảnh => Trong thơ có hoạ.	

Hình ảnh con người (Câu 3,4)	Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ/Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà	Điệp ngữ “chưa ngủ”	Điệp ngữ như một bản lề mở ra hai phía trong tâm trạng, tâm hồn của Hồ Chí Minh: Chưa ngủ vì băng khuâng, xao xuyến trước vẻ đẹp của thiên nhiên; chưa ngủ vì lo nghĩ đến vận mệnh đất nước trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn, gian khổ.	Thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết, lòng yêu nước sâu nặng của Bác. Đó cũng là chất thi sĩ, chiến sĩ trong tâm hồn Hồ Chí Minh.
-------------------------------------	--	---------------------	---	--

III. TỔNG KẾT:

1. Nghệ thuật:

- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cổ điển.
- Các biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ, từ ngữ được sử dụng độc đáo, hiệu quả.
- Kết hợp các yếu tố cổ điển và hiện đại.

2. Nội dung

- Bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, trong trẻo của đêm trăng núi rừng Việt Bắc.
- Tình yêu thiên nhiên tha thiết và lòng yêu nước sâu nặng, thường trực trong tâm hồn Bác.

3. Chiến thuật đọc hiểu thơ Đường luật

- + Đọc kĩ bài thơ.
- + Chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thơ Đường luật trong bài thơ.

	+ Tìm được các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật và dụng ý của tác giả trong bài thơ. + Tìm hiểu vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài thơ. + Liên hệ thực tế lịch sử và bản thân
GV bình giảng, liên hệ những tác phẩm khác của Hồ Chí Minh viết về ánh trăng, vẻ đẹp thiên nhiên...	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhổ cà rốt” trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về nội dung kiến thức của bài đã học (nội dung trong slide).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV giao nhiệm vụ:**

GV hướng dẫn học sinh thực hiện cá nhân yêu cầu bài tập:

Em hãy viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về lí do Bác không ngủ được trong bài thơ “Cảnh khuya”.

Có thể tham khảo dàn ý sau:

* Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ, tác giả, vấn đề trình bày trong đoạn văn (cảm nghĩ về lí do Bác không ngủ)

* Thân đoạn:

- Lí do Bác không ngủ:

+ Xao xuyến, xúc động trước vẻ đẹp của thiên nhiên => Bác là người có tình yêu thiên nhiên tha thiết.

+ Lo lắng cho vận mệnh của dân tộc khi đứng trước những khó khăn trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. => Bác là người có lòng yêu nước sâu nặng.

- Cảm nghĩ: Yêu quý, trân trọng, cảm phục Bác.

* Kết đoạn: Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của Bác và tình cảm của em.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

* **Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

* **Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

BÀI 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ, CÂU HỎI TU TỪ, TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH****I. MỤC TIÊU:** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)**1. Về kiến thức**

- HS nhận biết được biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, chỉ ra được tác dụng của chúng trong văn chương và đời sống.
- HS hiểu được giá trị biểu đạt của những hình thức diễn đạt này trong một số văn bản được học trong và ngoài chương trình.

2. Về năng lực

- Xác định được biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, chỉ ra được tác dụng của những cách diễn đạt này.
- Hiểu được ý nghĩa của một số đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh trong các văn bản cụ thể từ đó nâng cao khả năng vận dụng trong nói và viết.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**1. HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề:**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh

b) Nội dung: GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS nhớ lại kiến thức đã học từ tiểu học.

c) Sản phẩm: HS chỉ ra được biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh. (Phiếu học tập- yêu cầu học sinh tìm hiểu trước ở nhà)

d) Tổ chức thực hiện:

¹GV: Đỗ Thị Thơm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập(kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà thông qua phiếu học tập)

GV yêu cầu HS đọc và chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ trong ví dụ (a), câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh trong ví dụ (b)

a)Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa

Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ

Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán

Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.

(Hồ Xuân Hương)

b) “Mẹ con đàn lợn âm dương

Chia lia đôi ngả

Đám cưới chuột đang tung bừng rộn rã

Bây giờ tan tác về đâu?”

(Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trả lời

Bước 3: Dự kiến sản phẩm:

- + Đảo ngữ: Thánh thót, xanh om, trắng xoá
- +Câu hỏi tu từ: Bây giờ tan tác về đâu?
- +Từ tượng hình, tượng thanh: tung bừng, rộn rã..

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng

Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Với nghệ thuật đảo vị ngữ đã làm tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho câu, làm câu hay hơn, sinh động hơn. Đồng thời nhấn mạnh bức tranh thiên nhiên buổi đêm sinh động, phong phú, cho thấy sự lặng tờ của thiên nhiên và tâm hồn nhạy cảm của tác giả trước những biến chuyển của từng hình ảnh thiên nhiên, vạn vật. Câu hỏi tu từ cùng từ tượng hình, tượng thanh đã diễn tả rất cảm động nỗi đau đớn, xót xa trong giây phút chứng kiến cảnh quê hương bị giày xéo. Đó chính là một trong những hiệu quả*

diễn đạt của biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ và từ tượng hình, từ tượng thanh. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em, tìm hiểu về những hình thức diễn đạt trên để các em có thể sử dụng từ được tốt hơn khi nói và viết.

2. HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới:

Tri thức tiếng Việt	
Mục tiêu: Giúp HS - Nắm vững tri thức về biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, chỉ ra được tác dụng của chúng trong văn chương và đời sống. - HS hiểu được giá trị biểu đạt của những hình thức diễn đạt này trong một số văn bản được học trong chương trình..	
Nội dung: GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phân tri thức tiếng Việt	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (?) Nêu hiểu biết của em về biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Gọi đại diện HS trả lời HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập.	- Đảo ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, một bộ phận câu được chuyển từ vị trí thông thường (vốn có) sang vị trí khác. -> Tác dụng: + Nhằm nhấn mạnh vào sự vật, sự việc được biểu thị bởi bộ phận đó. + Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu trong văn bản. Trong một số trường hợp, đảo ngữ vừa nhấn mạnh vừa tạo sự liên kết. - Câu hỏi tu từ là câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không dùng để hỏi mà dùng để gián tiếp biểu thị các mục đích giao tiếp khác như cầu khiến, biểu cảm, khẳng định, phủ định. - Từ tượng hình, từ tượng thanh: + Từ tượng hình: là từ gợi tả hình ảnh của sự vật. + Từ tượng thanh là từ gợi tả (mô phỏng) âm thanh của tự nhiên hoặc âm thanh do con người. -> Tác dụng: + Gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao => Thường được sử dụng trong thơ văn và khẩu ngữ.
THỰC HÀNH	
- Mục tiêu: + Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh, biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh, câu hỏi tu từ. + Giúp HS biết sử dụng những cách diễn đạt trên vào lời nói và bài viết của mình nhằm tạo hiệu quả giao tiếp cao nhất. - Nội dung: + GV hỏi, HS trả lời + Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Tìm biện pháp tu từ so sánh trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i> (Hồ Chí Minh). Nêu tác dụng miêu tả và biểu cảm của biện pháp tu từ đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm câu có biện pháp so sánh. GV hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp so sánh. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 1 - "Tiếng suối trong như tiếng hát xa,", so sánh âm thanh của tiếng suối với âm thanh của tiếng hát - tương đồng về đặc điểm âm thanh: hay, thánh thót và vắng vắng mơ hồ từ phía xa vọng lại. ☐ Cách so sánh này khiến cho âm thanh tiếng suối trở nên có âm điệu hơn và tình cảm hơn.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) -Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi: - Giao nhiệm vụ: ? Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong những câu dưới đây. Nêu tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc đề bài và xác định biện pháp tu từ đảo ngữ. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: -Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.	Bài tập 2 a, - Biện pháp đảo ngữ: <i>Lom khom dưới núi</i>. - Nhấn mạnh sự vất vả, đói nghèo, lam lũ của người dân vùng Đèo Ngang. b, - Biện pháp đảo ngữ: <i>Lác đác bên sông</i> - Tác dụng: Nhấn mạnh sự thưa thớt, vắng vẻ, bé nhỏ, tiêu điều hoang vắng ở nơi đây c, - Biện pháp đảo ngữ: <i>Lôi thôi sĩ tử</i> -Tác dụng: nhấn mạnh vẻ ngoài cầu thả của những vị quan hiền tài của đất nước trong thời gian đây. - Biện pháp đảo ngữ: <i>Âm oẹ quan trường</i> -Tác dụng: nhấn mạnh thái độ, tác phong của quan trường trong kì thi tìm kiếm nhân tài cho đất nước. d, - Biện pháp đảo ngữ: <i>Cúi một cành khô</i>

	-Tác dụng: nhấn mạnh thân phận nhỏ bé, bọt bèo của kiếp người trong cuộc sống. e, - Biện pháp đảo ngữ:<i>Đã tan tác, đã sáng lại</i> - Tác dụng: nhấn mạnh kẻ thù xâm lược và bầu trời ngày diễn ra Cách mạng tháng 8 Bài tập 3: a, - Đảo ngữ:<i>Những cuộc vui</i> -Tác dụng: tạo sự liên kết giữa hai câu. "Những cuộc vui" là từ thay thế các động (nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn) ở câu trước. b, - Đảo ngữ:<i>Hành</i> - Tác dụng: Đảo ngữ tạo sự liên kết giữa hai câu. Từ "Hành" đầu câu trùng lặp với từ "hành" có trong câu trước.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Xác định câu hỏi tu từ trong những câu dưới đây? Nêu tác dụng của mỗi câu hỏi tu từ đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	Bài 4: a. - Câu hỏi tu từ: <i>Thời oanh liệt nay còn đâu?</i> - Tác dụng: giúp cho câu thơ thêm sinh động về hình thức. Còn về nội dung bộc lộ được cảm xúc trông mong, nhớ về thời oanh liệt, thể hiện sự thất vọng tột cùng. b. - Câu hỏi tu từ: <i>Người không hề tiếc máu hi sinh?</i> -Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc. - Câu hỏi tu từ: <i>Người hiên ngang không sợ cúi mình?</i> -Tác dụng: làm lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc cảm giác hào hùng của lịch sử dân tộc. c. Câu hỏi tu từ: <i>Con gái tôi vẽ đấy ư?</i> - Tác dụng: dùng để hỏi và khẳng định chắc chắn.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) -?Ghép các từ tượng hình, từ tượng thanh (in đậm) ở cột A với nghĩa phù hợp ở cột B: B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm từ tượng hình, từ tượng thanh. GV hướng dẫn HS phát hiện ra từ tượng hình, từ tượng thanh. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 5 ● a - 7 ● b - 3 ● c - 4 ● d - 6 ● e - 5 ● g - 2 ● h - 1
--	--

3. Hoạt động3: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) *Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) *Sản phẩm:* Đáp án đúng của bài tập

d) *Tổ chức thực hiện*

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS:

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:

XA NGẮM THÁC NÚI LƯ
(*Vọng Lư sơn bộc bố*)
Lý Bạch

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS có khả năng:

1. Kiến thức

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình làm theo thể Đường luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.
- Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.
- Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ, tráng lệ của núi Lư qua cảm nhận đầy hứng khởi của thi nhân Lý Bạch, qua đó phần nào hiểu được tâm trạng phóng khoáng, lãng mạn của nhà thơ.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản,
- + Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản,

* Năng lực đặc thù:

- + Năng lực đọc - hiểu văn bản thơ Đường theo thể loại.
- + Năng lực sử dụng phần dịch nghĩa trong việc phân tích tác phẩm và phần nào biết tích lũy vốn từ Hán Việt.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, hoà nhập gắn bó với thiên nhiên.
- Giáo dục hs lòng yêu quê hương đất nước.
- Tích hợp bảo vệ môi trường: Bảo vệ cảnh quan môi trường thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU DẠY HỌC

1. Thiết bị:

- Máy tính, máy chiếu
- Sưu tầm tranh ảnh, thác nước.

2. Học liệu

- SGK, SGV, SBT
- PHT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b.Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát tranh ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong tranh ảnh tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm: Kết nối tri thức học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

*** B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

-Quan sát đoạn các tranh ảnh sau, em cho biết tên của các địa danh xuất hiện trong mỗi bức tranh. Nêu hiểu biết của em về nền văn hóa của đất nước có các địa danh này.

- GV chiếu tranh ảnh.

*** B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát tranh ảnh và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

GV hướng dẫn HS quan sát tranh ảnh.

*** B3: Báo cáo, thảo luận:**

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

*** B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

Trung Quốc – đất nước nổi tiếng với những cảnh đẹp thiên nhiên, ẩm thực đa dạng và đặc biệt là kho tàng văn học đồ sộ. Hôm nay, cô và các con sẽ cùng nhau tìm hiểu một nhà thơ có thể khẳng định là vĩ đại nhất của TQ đó chính là Lý Bạch với tác phẩm Xa ngắm thác núi Lư

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nhiệm vụ 1: Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Xa ngắm thác núi Lư*”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm. HS trình bày dự án được giao trước đó về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: HS báo cáo, thuyết trình một số nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* GV hướng dẫn HS đọc và giải thích từ khó Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -GV hướng dẫn HS đọc: Đọc phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, giọng phần chẵn, hùng tráng, ca ngợi, ngắt nhịp: 4/3, 2/2/3. Nhấn mạnh các từ vọng, sinh, quả nghi, lạc.	

- GV yêu cầu HS tìm hiểu tất cả các từ Hán Việt trong bài thơ?
- GV yêu cầu HS so sánh bản dịch thơ và nguyên tác chữ Hán?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV đọc mẫu
- 2 HS đọc sáng tạo, diễn cảm.
- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc văn bản
- GV gọi HS nhận xét về cách đọc của bạn và có thể chia sẻ thêm cách đọc của bản thân.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét kết quả đọc của HS; GV đọc lại một đoạn trong văn bản, khắc sâu những điều chú ý khi đọc.

GV chuẩn kiến thức

- Câu 1: dịch khá chính xác.
- Câu 2: bỏ mất từ “quả” thay bằng từ “treo”.
- Câu 3, 4 dịch khá chính xác

*** Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ: HS chia sẻ thông tin về nhà thơ tác giả và tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị (GV kiểm tra trước buổi học).

Phiếu học tập số 1 (chuẩn bị ở nhà)

Thông tin về tác giả:	- Tên tuổi: - Quê quán: - Phong cách thơ: - Các tác phẩm tiêu biểu:
Thông tin về tác phẩm:	1. Thể thơ: 2. Xuất xứ bản dịch: 3. Phương thức biểu đạt: 4. Bố cục:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Lí Bạch (701-762).
- Là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, được mệnh danh là “Tiên thi”.

- Thơ ông luôn thể hiện một tâm hồn tự do, phóng khoáng. Lý Bạch

Hình ảnh trong thơ ông thường kì vĩ, lãng mạn, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện.

- **Tác phẩm tiêu biểu:** Ông viết cả ngàn bài thơ về đề tài chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn trong đó tiêu biểu như: Tĩnh dạ tứ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS khác lắng nghe ghi chép nhận xét và thắc mắc. - GV nghe HS trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận + HS tự đánh giá + HS đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá và mở rộng -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide. GV bổ sung về Lý Bạch: Ông tính tình phóng khoáng, văn hay, võ giỏi, thích uống rượu, đi nhiều nơi, làm thơ rất nhanh, rất hay GV bổ sung về vai trò của các câu thơ: Câu 1: Phong nền cho bức tranh toàn cảnh thác nước ở Hương Lô. Câu 2, 3, 4: Vẻ đẹp lung linh, huyền ảo của thác nước dựa trên cơ sở câu thơ 1.	Nguyệt hạ độc chúc kỳ 1, Nguyệt dạ giang hành ký Thôi viên ngoại Tông Chi, Đối tửu, Cửu nguyệt thập nhật tức sự, Vọng Lư sơn bộc bố. 2. Tác phẩm: a. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt. b. Xuất xứ bản dịch: - Bài thơ được Tương Như dịch, trong thơ Đường tập II, nhà xuất bản văn học, Hà Nội 1987. 2. Tác phẩm - In trong tập thơ Đường, tập II. c. Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp miêu tả. d. Bố cục (2 phần): - Câu 1: Tả đỉnh núi Hương Lô. - Câu 2, 3, 4: Vẻ đẹp khác nhau của thác nước.
--	--

Nhiệm vụ 2: Thực hành đọc hiểu

a. Mục tiêu

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình làm theo thể Đường luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.
- Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) luật trong văn bản Xa ngắm thác núi Lư.
- Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, hùng vĩ, tráng lệ của núi Lư qua cảm nhận đầy hứng khởi của thiên tài Lý Bạch, qua đó phần nào hiểu được tâm trạng phóng khoáng, lãng mạn của nhà thơ.

b. Nội dung: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
-----------------------	----------

*** Bước 1:**Chuyển giao nhiệm vụ:

HS thảo luận nhóm : Xác định vị trí đứng ngắm thác nước của Lý Bạch và cho biết lợi thế của việc chọn điểm nhìn đó để quan sát và miêu tả cảnh vật.

*** Bước 2:**Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi nhóm, suy nghĩ trả lời.
- GV quan sát và hỗ trợ HS

*** Bước 3:**Báo cáo kết quả thảo luận

- Đại diện nhóm trình bày
- Nhóm khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi
- GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.

*** Bước 4:**Đánh giá kết luận

Giáo viên nhận xét đánh giá.

- Cảnh vật được nhìn ngắm từ xa.
- Điểm nhìn đó không cho phép khắc hoạ cảnh vật 1 cách chi tiết, tỉ mỉ nhưng lại có lợi thế là dễ phát hiện được vẻ đẹp của toàn cảnh. Để làm nổi bật được sắc thái hùng vĩ của thác nước núi Lư, cách chọn điểm nhìn đó là tối ưu.

*** Bước 1:**Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS đọc lại câu 1 và trả lời:

- Câu thơ thứ nhất miêu tả cái gì?
- Ngọn núi Hương Lô được miêu tả như thế nào?
- So sánh cách miêu tả ngọn núi Hương Lô trong câu văn của Tuệ Viễn: “Khí bao trùm trên đỉnh Hương Lô mù mịt như hương khói”, câu thơ dịch của Trương Như với bản dịch nghĩa, ta thấy có gì khác nhau?

*** Bước 2:**Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời.
- GV quan sát và hỗ trợ HS

*** Bước 3:**Báo cáo kết quả thảo luận

- HS trình bày
- HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi
- GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.

*** Bước 4:**Đánh giá kết luận

Giáo viên nhận xét đánh giá.

-> GV chốt kiến thức thông qua chiếu slide.

- GV giải thích thêm: Câu thứ nhất phác ra phong nền của bức tranh toàn cảnh trước khi miêu tả vẻ đẹp của thác nước. Đây là một phong nền đặc biệt: Ngọn núi Hương Lô hiện lên với đặc điểm nổi bật nhất, đặc điểm đó gợi cho người đời phải đặt tên là Lư Hương
- GV bổ sung: Câu thơ của Tuệ Viễn gợi không khí huyền ảo, còn câu dịch của Trương Như không khí huyền ảo đó bị xua tan. Đó cũng là cái khó của người dịch thơ chữ Hán. Trong thơ

II. Thực hành đọc hiểu**1. Vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô.****1.1. Câu thơ đầu :**

- Tả đỉnh núi Hương Lư.

- Tạo ra cái phong nền cho bức tranh toàn cảnh của thác nước.

- Nhìn từ xa, ngọn núi Hương Lư trông như chiếc lò hương. Ánh sáng mặt trời phản quang với hơi nước chuyển thành một màu tím rục rờ và kì ảo.

Lý Bạch vừa có không khí huyền ảo, vừa cho thấy sự sinh sôi, nảy nở sống động khi MT xuất hiện.

*** Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ:

- Trên nền cảnh núi rực rỡ hùng vĩ đó, 1 thác nước hiện ra khác nào 1 dòng sông treo trước mặt. Lời thơ nào (ở trong 3 bản) đã tạo nên hình ảnh này? Bản dịch thơ không dịch được chữ nào của nguyên tác? Dựa vào nghĩa của các từ quải và tiền xuyên, hãy cho biết câu 2 tả cảnh thác nước từ vị trí nào? Cảnh thác từ trên đỉnh cao được miêu tả như thế nào?

- Trong các bản phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, lời nào diễn tả sức mãnh liệt của thác núi Lư? Chữ nào trong lời thơ này được viết với sự táo bạo của trí tưởng tượng?

- Câu thơ tả thác nước ở phương diện nào? Nó gợi cho ta điều gì?

- Con số ba nghìn thước có phải là con số chính xác không? Cách nói đó có tác dụng gì?

- Cảnh tượng mãnh liệt kì ảo kích thích trí tưởng tượng của nhà thơ, để ông viết tiếp lời thơ hết sức ấn tượng. Đó là lời thơ nào?

Hai động từ nghi, lạc gợi cho người đọc ảo giác gì? Lời thơ gợi cảnh tượng như thế nào?

*** Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời.

- GV quan sát và hỗ trợ HS

*** Bước 3:** Báo cáo kết quả thảo luận

- HS trình bày

- HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi

- GV nghe HS trình bày, hỏi đáp.

*** Bước 4:** Đánh giá kết luận

Giáo viên chốt đáp án:

- Câu thơ: Xa trông dòng thác treo trước sông này. Từ quải.

GV bình: Vì vị trí ở xa ngắm thác nước nên dưới mắt nhà thơ, thác nước vốn tuôn trào, đổ ầm ầm xuống núi đã biến thành dải lụa trắng rủ xuống yên ắng và bất động được treo lên giữa khoảng vách núi và dòng sông. Chữ “quải” đã biến cái động thành tĩnh, biểu hiện một cách hết sức sát hợp cảm nhận nhìn từ xa về dòng thác. Đỉnh núi khói tía mịt mù, chân núi, dòng sông tuôn chảy, khoảng giữa là thác nước treo cao như dải lụa. Quả là một bức danh họa tráng lệ.

- Câu thơ: Thác chảy như bay đổ thẳng xuống ba nghìn thước. Từ phi: bay. Con số ba nghìn thước chỉ là con số ước phỏng hàm ý rất cao - làm tăng thêm độ nhanh, sức mạnh, thế đổ của dòng thác.

1.2. Ba câu thơ cuối

- Câu thứ hai biến động thành tĩnh, tả cảnh thác nước tuôn trào ầm ầm từ trên xuống biến thành một dòng sông rủ xuống bất động được treo lên giữa vách núi và dòng sông.

- Câu thứ ba tả thế nước chảy, cảnh vật lại từ tĩnh chuyển sang động. Tác giả dùng động từ *phi* (bay) và tính từ *trực* (thẳng) cùng phép nói quá để miêu tả thế nước chảy rất mạnh của dòng thác.

- Câu thứ tư nói về ảo giác của nhà thơ về dòng thác. Nhìn thác nước từ trên mây đổ xuống khiến tác giả liên tưởng đến dải Ngân Hà.

- Câu thơ: Ngõ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây. Con thác treo đứng trước mặt khác nào như con sông Ngân Hà từ trên trời rơi xuống. - GV bình: Nghệ thuật so sánh, phóng đại ở đây cũng như phép cường điệu, phóng đại ở 2 câu trên có vẻ như vô lí. Song đặt trong văn cảnh, người đọc vẫn cảm thấy chân thật, tự nhiên. Vì ngọn núi Hương Lô có mây mù bao phủ nên nhìn từ xa có cảm giác dòng nước như 1 dải lụa treo lơ lửng vắt từ trong mây, từ trên đỉnh trời mà trải xuống, chảy xuống. -> GV chốt kiến thức thông qua chiếu slide * Bước 1:Chuyên giao nhiệm vụ: Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ? * Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời. - GV quan sát và hỗ trợ HS * Bước 3:Báo cáo kết quả thảo luận - HS trình bày - HS khác lắng nghe, ghi chép và phản hồi - GV nghe HS trình bày, hỏi đáp. * Bước 4:Đánh giá kết luận Giáo viên nhận xét, đánh giá GV chốt kiến thức chuẩn	2. Tâm hồn thi nhân - Trí tưởng tượng bay bổng trước cảnh đẹp của quê hương, đất nước. - Tình yêu thiên nhiên đắm thắm.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b. Nội dung hoạt động: GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Bước 1:**Chuyên giao nhiệm vụ:: Hãy chọn chữ cái trước câu trả lời em cho là **đúng**.

Câu 1: Chủ đề của bài thơ "Xa ngắm thác núi Lư" là gì?

- A. Cảnh đẹp hùng vĩ của thác núi Lư.
- B. Tâm hồn hoà nhập với thiên nhiên của nhà thơ
- C. Cảnh thác núi Lư trong sự tưởng tượng phóng khoáng của thi nhân.
- D. Những xúc cảm trước cảnh đẹp của núi Lư

Câu 2: Nhà thơ Lý Bạch được mệnh danh là gì?

- A. Thánh thơ
- B. Thần thơ
- C. Tiên thơ

D. Tất cả đều đúng

Câu 3: Lý Bạch đã chọn điểm nhìn như thế nào để quan sát thác nước?

- A. Từ trên cao nhìn xuống
- B. Từ xa nhìn lại
- C. Đứng gần bên dòng thác
- D. Từ dưới nhìn lên trên đỉnh thác

Câu 4: Bài thơ "Xa ngắm thác núi Lư" được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú
- B. Ngũ ngôn tứ tuyệt
- C. Ngũ ngôn bát cú.
- D. Thất ngôn tứ tuyệt

Câu 5: Nhà thơ Lý Bạch sống dưới triều đại nào của Trung Quốc?

- A. Thời Tam quốc.
- B. Thời nhà Tống.
- C. Thời nhà Đường.
- D. Thời nhà Lương.

Câu 6: Trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, tác giả đã ví dòng thác với cảnh vật nào?

- A. Đám mây trên bầu trời.
- B. Ngọn núi Hương Lô.
- C. Dải Ngân Hà tuột khỏi mây.
- D. Con rồng từ trên trời bay xuống.

Câu 7: Vẻ đẹp của bức tranh núi Lư trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là:

- A. êm đềm, thần tiên.
- B. tráng lệ, kì ảo.
- C. hùng vĩ, tĩnh lặng.
- D. hiền hòa, thơ mộng.

Câu 8: Qua bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, em biết được điều gì về Lý Bạch?

- A. Một tâm hồn mơ mộng yêu dân, thương nước, say đắm thiên nhiên.
- B. Sự quan sát tinh tế, tình cảm bạn bè thắm thiết của tâm hồn đa cảm.
- C. Một con người luôn ao ước mơ mộng thiên nhiên, tìm cách lánh xa cõi đời thực.
- D. Sự quan sát tinh tế, tình yêu thiên nhiên đắm say và tâm hồn phóng khoáng của tác giả.

Câu 9: Điểm nhìn của tác giả đối với toàn cảnh núi Lư trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là:

- A. trên đỉnh núi Hương Lô.
- B. ngay dưới chân núi Hương Lô.
- C. đứng nhìn từ xa.
- D. trên con thuyền xuôi dòng sông

Câu 10: Trong bài thơ Xa ngắm thác núi Lư, ví dòng thác với dải Ngân Hà, tác giả Lí Bạch muốn thể hiện điều gì?

- A. Ngẫu nhiên ví von, không có ý định gì.

- B. Ca ngợi vẻ đẹp kì vĩ của dòng thác.
- C. Bắt chước người khác, phải so sánh trong thơ.
- D. Thể hiện sự hoang tưởng của mình khi nhìn thác.

*** Bước 2:**Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời.
- GV quan sát và hỗ trợ HS

*** Bước 3:**Báo cáo kết quả thảo luận

- HS trả lời.
- GV nghe HS trả lời.

*** Bước 4:**Đánh giá kết luận

Giáo viên nhận xét, đánh giá

Đáp án:

1- B ; 2-C; 3-B; 4-D; 5-C; 6-C; 7-B; 8-C; 9-D; 10-B

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

GV giao bài tập về nhà: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên trong bài Xa ngắm thác núi Lư.

*** Dặn dò:**

- Hoàn thiện BTVN.
- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung bài học.
- Soạn bài tiếp theo.

**BÀI 7: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:
VỊNH KHOA THI HƯƠNG (Trần Tế Xương)**

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.
- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch

cảm xúc

2. Về năng lực

- **Năng lực chung:**

- **Năng lực đặc thù:**

+ Thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Vịnh khoa thi Hương”

+ Nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ trào phúng.

3. Về phẩm chất

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, dự án tác giả, tác phẩm; soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

- **Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

- **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

- **Tổ chức thực hiện:**

Giáo viên chiếu 1 số hình ảnh về kì thi Hương năm 1897 ở Nam Định:

? Em có nhận xét gì về khung cảnh trường thi?

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

- **Mục tiêu:** rèn kỹ năng đọc hiểu thơ trào phúng; nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm; giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.
- **Nội dung:** HS sử dụng SGK, phần chuẩn bị bài, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- **Sản phẩm học tập:** Cách đọc của HS, dự án của học sinh, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Đại diện các nhóm (3 nhóm) lên báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm?</i> + Tác giả: Lai lịch, sự nghiệp, cuộc đời	1. Tác giả: (1870- 1907) - Thường gọi là Tú Xương. - Ông có hơn 100 bài thơ, chủ yếu là chữ Nôm.

+Tác phẩm: hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, chủ đề, bố cục. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	-Phong cách nổi bật: trữ tình và trào phúng. -Là người cá tính, mạnh mẽ, không chịu gò bó trong khuôn phép. Ông học giỏi nhưng chỉ đỗ tú tài. 2. Tác phẩm - Bối cảnh lịch sử: Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, Việt Nam rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân lại tiếp tục bùng nổ dữ dội trong những năm cuối thế kỉ XIX. - Thể thơ: Thất ngôn bát cú đường luật - Chủ đề: Bài thơ phản ánh một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời là tâm sự của nhà thơ trước tình cảnh đất nước. - Bố cục: 4 phần: Đề, thực, luận, kết
--	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

- Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ
- Nội dung:** Gv tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm 4-6, nhóm đôi, làm việc cá nhân kết hợp các kĩ thuật khăn trải bàn, sơ đồ tư duy, phiếu học tập để hướng dẫn học sinh khám phá văn bản
- hỏi.
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói, PHT, sơ đồ tư duy...
- Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Đọc 2 câu đề, thảo luận theo bàn: 1.Kì thi được giới thiệu như thế nào? 2. Có gì đặc biệt trong kì thi năm Đinh Dậu? Được thể hiện qua từ ngữ nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm báo cáo - Nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức Việc thi cử ngày xưa là của vua, của triều đình nhằm mục đích kén chọn kẻ sĩ tài giỏi, chọn nhân tài ra làm quan giúp vua, giúp nước. Bây giờ nước ta đã bị thực dân Pháp thống trị, việc thi cử vẫn còn thi chữ Hán	1.Hai câu đề: (câu 1,2): Giới thiệu kì thi - Kì thi được tổ chức theo đúng thời gian quy định: 3 năm 1 lần - Điểm khác thường: cách thức tổ chức: + Người tổ chức: Nhà nước (không phải triều đình) + Trường Nam thi lẫn với trường Hà =>Thông qua việc sử dụng từ “lẫn” tác giả đặc biệt nhấn mạnh sự nhốn nháo, lộn xộn trường thi.

theo lệ cũ "ba năm mở một khoa" nhưng đã cuối mùa. Và kẻ chủ xướng ra các khoa thi ấy là Nhà nước - là Chính phủ bảo hộ. Câu thơ thứ hai nêu lên tính chất hỗn tạp của kì thi này: "Trường Nam thi lẫn với trường Hà". Đời Nguyễn, ở Bắc Kì có hai trường thi Hương là trường thi Hà Nội và trường thi Nam Định. Tây thực dân chiếm trường thi Hà Nội, nên mới có chuyên sĩ tử trường Hà phải thi lẫn với trường Nam như thế.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Đọc 2 câu thực, 2 câu luận; thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập:

1. Cảnh trường thi được khắc hoạ như thế nào thông qua đối tượng trào phúng?

Nhân vật	Chi tiết	Nhận xét
Sĩ tử		
Quan trường		
Quan sứ, bà đầm		

2. Thái độ của tác giả đối với các đối tượng được nhắc đến trong 4 câu thơ?

3. Chỉ ra và nêu tác dụng của nghệ thuật đảo ngữ trong 2 câu thực và nghệ thuật đối trong 2 câu luận.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận theo nhóm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm báo cáo
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

Hai câu luận tô đậm bức tranh "Lẽ xướng danh khoa Đinh Dậu" bằng hai bức biếm hoạ về ông Tây và mục đầm. Tài liệu cũ cho biết, năm đó Toàn quyền Pôn Đu-me và vợ chồng tên Công sứ Nam Định Lơ Noóc-măng đã đến dự. Các ông cử tân khoa, các ông tú mền, tú kép... phải cúi rạp mình xuống mà lạy ông Tây, lạy mục đầm. Cái nhục của hàng vạn sĩ tử Bắc Hà không thể nào kể hết.

Lợi dụng nghệ thuật đối, Tú Xương, đã đặt cái "váy" của bà đầm ngang với cái "lọng" của ông Tây. Nói cách khác, ghép hai hình ảnh đó với nhau, cho nó đối nhau, Tú

2. 2 câu thực, 2 câu luận: Cảnh trường thi

- Sĩ tử: lồi thối, nhếch nhác
 - Quan trường: ra oai, nạt nộ
- => Bằng việc sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và các từ tượng thanh, tượng hình đã gợi lên sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của kì thi. Qua đó phản ánh sự suy vong của nền học vấn và sự suy thoái, lỗi thời của đạo Nho
- Quan sứ: được tiếp đón trọng thể.
 - Mục đầm: vợ quan sứ, ăn mặc diêm dúa, điệu đà.
- Sự phô trương, hình thức, không đúng nghi lễ của một kì thi.
- + Nghệ thuật đối: Lọng >< váy, trời >< đất, quan sứ >< mục đầm → Thái độ mỉa mai, châm biếm hạ nhục bọn quan lại, thực dân.
- Tất cả báo hiệu về một sự sa sút về chất lượng thi cử, bản chất của xã hội thực dân phong kiến.

Xương đã chơi một ván rất đau và rất thẳng tay đối với lũ quan Tây. Và cũng trong nghệ thuật đối, "quan sứ" đối với "mụ đầm" là một dụng ý của Tú Xương. Quan sứ là chữ trang trọng để gọi ông Tây, nhưng "mụ đầm" là chữ "chơi xỏ", là chữ dễ chửi. Mụ là tiếng gọi hạng đàn bà không ra gì. Gọi ông quan Tây thì trang trọng, nhưng gọi vợ ông quan là con mụ chẳng ra gì, đó là một cách chửi của Tú Xương.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Đọc 2 câu kết, thảo luận theo bàn: 1. Xác định sắc thái giọng điệu của tác giả trong 2 câu kết? 2. Qua câu kết cũng như cả bài thơ cho thấy thái độ và nỗi lòng của nhà thơ như thế nào trước tình cảnh của đất nước? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm báo cáo - Nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức Câu thơ như một lời than; trong lời kêu gọi hàm chứa bao nỗi xót xa, tủi nhục và cay đắng. Nhân tài đất Bắc là những ông tú, ông cống, ông nghè, những con người có lòng tự tôn dân tộc,... ở vùng Sơn Nam, ở Kinh kì Thăng Long ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ nhân tài, tính hoa của đất nước. Ba tiếng "nào ai đó" phỉếm chỉ càng làm cho tiếng than, lời kêu gọi trở nên thấm thía, lay gọi thức tỉnh. Chữ "ngoảnh cổ" gọi tả một thái độ, một tâm thế không thể cam tâm sống nhục mãi trong cảnh đời nô lệ. Phải biết "ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà".	3. Hai câu kết: Thái độ của nhà thơ - Giọng thơ trữ tình có tác dụng lay tỉnh lương tâm, lương tri của các sĩ tử. - Việc sử dụng câu hỏi tu từ vừa là lời kêu gọi, nhấn mạnh trách nhiệm của sĩ tử, vừa là lời nói thẳng về sự thật của đất nước đã thôi thúc, thức tỉnh lương tâm, trách nhiệm của tầng lớp tri thức phong kiến bấy giờ.

HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.
- b) Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi
- c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập
- d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Theo em, sự kết hợp giữa cảm xúc trào phúng (ở 6 câu đầu) và trữ tình (ở 2 câu cuối) đã giúp nhà thơ thể hiện được điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh chia sẻ suy nghĩ về sự kết hợp yếu tố trào phúng và trữ tình trong bài thơ.
- Các học sinh khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

Sự kết hợp giữa cảm xúc trào phúng và trữ tình đã giúp nhà thơ thể hiện được một cách trực tiếp các tâm tư, tình cảm, cảm xúc của nhà thơ Tế Xương trước hoàn cảnh nước nhà. Đó là sự trào phúng, xót xa. Bài thơ thể hiện nỗi đau xót của nhà thơ trước hiện thực đất nước. Tác giả muốn đánh thức ý thức dân tộc trong con người Việt Nam, nhất là những người tài, những người có trách nhiệm và có khả năng cứu nước, cứu đời.

HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng

- **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- **Sản phẩm học tập:** sản phẩm của học sinh
- **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nêu suy nghĩ của bản thân về lời nhắn gửi của Tế Xương trong 2 câu thơ cuối

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ suy nghĩ cá nhân

Bước 4: Kết luận, nhận định

Tham khảo: Câu thơ là tiếng kêu đầy đau đớn của Tú Xương với chính bản thân mình hay là một lời kêu gọi đến những ai còn nghĩ tới sự vinh nhục của đất nước. Âm điệu câu thơ thể hiện sự xót xa, xốn xang của nhà thơ. Nhân tài ở đây không ai khác chính là những người trí thức của thời đại.

VIẾT

Tiết...

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.
- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc sắc một tác phẩm thơ về nội dung, nghệ thuật, chủ đề....

2. Phẩm chất

- Biết bày tỏ suy nghĩ, cảm thụ về một tác phẩm thơ.
- Cảm nhận được cái đặc sắc nghệ thuật, nội dung, chủ đề...yêu cái đẹp...qua tác phẩm thơ.

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS kể tên các tác giả, phẩm thơ đã học hoặc em biết. Em thích nhất tác phẩm nào? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc nhóm, thực hiện trò chơi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một số đại diện trình bày.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2: Tìm hiểu kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ

a. Mục tiêu: HS hiểu được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD 1: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ Bước 1: GV giao nhiệm vụ: 1/ - Theo em, một bài văn phân tích tác phẩm thơ phải đáp ứng được yêu cầu gì? - Khi viết một bài phân tích về tác phẩm thơ các em cần lưu ý gì?	1. Tìm hiểu kiểu bài văn phân tích một tác phẩm thơ - Phân tích một tác phẩm thơ là phân tích đặc sắc nghệ thuật, nội dung, chủ đề... của một tác phẩm thơ cụ thể. - Chỉ ra, nhận xét đánh giá được đặc sắc tác phẩm - Nêu được phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm. * Lưu ý: - Đọc kĩ tác phẩm, xác định các luận điểm chính. - Liên hệ so sánh với các tác phẩm cùng đề tài. - Nêu đánh giá về thành công hoặc hạn chế của tác phẩm. - Lập dàn ý (đề cương bài làm).

Hoạt động 3: Luyện tập – Thực hành viết

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hướng dẫn HS thực hành viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm thơ	2. Thực hành viết

GV yêu cầu HS đọc đề bài SGK – trang 49: Phân tích bài thơ “Vịnh khoa thi hương” của Trần Tế Xương Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị GV hướng dẫn HS viết Thảo luận cặp đôi trong bàn: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của đề bài: + Về nội dung, đề bài yêu cầu HS bàn luận về vấn đề gì? + Xác định chủ đề bài thơ, nghệ thuật nổi bật? + Đề bài viết thuyết phục, để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, em sẽ lấy những dẫn chứng ở đâu? - Mục đích bài viết và đối tượng người đọc mà em hướng tới là những ai? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý	Đề: Phân tích bài thơ “Vịnh khoa thi hương” của Trần Tế Xương 1. Bước 1: Chuẩn bị a. Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài: - Dạng bài: nghị luận phân tích một tác phẩm thơ. - Về nội dung (chủ đề) : Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chường tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi. - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng dẫn chứng trong bài thơ và các tác phẩm cùng đề tài - Xác định thể loại, bố cục.... b. Mục đích bài viết, đối tượng người đọc - Mục đích bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình ý kiến của em phân tích một tác phẩm thơ. - Đối tượng người đọc: Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản <i>Vịnh khoa thi hương</i> 2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý
--	--

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:
- + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- + HS làm việc cá nhân để hoàn thành Phiếu tìm ý, sau đó trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau.
- + GV quan sát, động viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

- + HS trình bày sản phẩm.
- + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.

Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

b. Lập dàn ý**I. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả Trần Tế Xương
- Bài thơ đã vẽ lên một cách sống động tình trạng suy đồi của Nho học thời ấy cùng những cảnh chương tai gai mắt lúc chế độ thực dân nửa phong kiến bước đầu được xác lập ở nước ta qua cảnh trường thi, khoa thi.

II. Thân bài**a. Hai câu đầu: Giới thiệu về cuộc khi Hương.**

- Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:

*Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.*

- Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “lẫn” - lẫn lộn từng phèo - đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.

b. Hai câu thực: Sĩ tử, quan trường không còn nho phong sĩ khí

- Hai câu thực và hai câu luận gọi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.

Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).

*Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*

- Hình ảnh sĩ tử chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ. Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát

về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này. Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “nho phong sĩ khí”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.

- Hình ảnh quan trường xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ âm oẹ biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cổ họng nên trầm và nghe không rõ, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ âm oẹ giọng hét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyên náo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải hét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.

c. Hai câu luận: Bộ mặt bọn thực dân

- Hình ảnh quan sứ và mụ đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cấm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: Váy lê quét đất mụ đầm ra. Biện pháp đảo ngữ: Cờ cấm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mụ đầm ra cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.

- Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.

- Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mụ đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lố bịch của khoa thi Đình Dậu.

d. Hai câu kết: Nỗi đau xót tủi nhục của tác giả

- Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:

Nhân tài đất Bắc nào ai đó

Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

- Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đình Dậu

	- nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ nước nhà đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc. III. Kết bài Bằng nghệ thuật trào phúng thâm thúy, ngôn ngữ miêu tả sắc cạnh, phép đối tài tình, giọng điệu mỉa mai rồi trữ tình chua xót, bài thơ Vịnh khoa thi Hương đã tái hiện một phần hiện thực nhồn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu ở nước ta, đồng thời tác giả nói lên tâm sự của mình một cách chua chất trước cảnh tình đất nước. .
<u>Thao tác3: Hướng dẫn HS viết bài</u> Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS viết bài theo dàn ý đã lập. + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	3. Bước 3: Viết - Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kỹ năng viết. - Chú ý: + Bài viết đủ 3 phần + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Cần nhìn nhận, phân tích tác phẩm toàn diện, có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú. + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận.
<u>Thao tác 4: Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện</u>	4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài. - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.	- Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa. - HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.
---	---

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- Hoàn thiện bài viết theo yêu cầu dàn ý.
 - Chuẩn bị nội dung nói và nghe tiếp theo.
- *HS hoàn thành cá nhân ở nhà, GV sẽ kiểm tra đầu tiết nói và nghe.

Ngày soạn:

Ngày giảng:

BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Tiết:.....

NÓI VÀ NGHE:

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG NGƯỜI KHÁC THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Học sinh nghe và tóm tắt được nội dung mà người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ.
- Học sinh xác định được rõ vấn đề người nói sẽ trình bày, thời gian, đối tượng người nghe.
- Biết tóm tắt bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc; ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận.

2. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin.

* Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, nhan đề, bố cục, , hình ảnh, cách triển khai,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ, tình cảm người viết,...) thể hiện qua văn bản
- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, tập thơ.

3. Về phẩm chất:

- *Nhân ái*: biết đề cao, trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc
- *Chăm học, chăm làm*: có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gọi lên từ bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Mức độ Tiêu chí	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nội dung tóm tắt căn cứ vào ý kiến người phát biểu.	Nội dung rời rạc, không đúng với ý kiến người nói.	Nội dung tương đối phù hợp với ý kiến người nói.	Nội dung phù hợp với ý kiến người nói, bám sát sự trình bày của người nói.
2. Tóm lược được các ý chính.	Không tóm lược được ý chính	Có vài ý chính, không lan man.	Đầy đủ ý chính.
3. Trình bày rõ ràng, sạch , đẹp.	Cẩu thả trong trình bày.	Tương đối cẩn thận với việc trình bày.	Trình bày sạch đẹp.

4. Có sự quan sát người trình bày.	Không chú ý.	Về cơ bản có sự quan sát.	Quan sát tốt người trình bày.
------------------------------------	--------------	---------------------------	-------------------------------

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động : Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Muốn tóm tắt được ý chính của một bài trình bày hay của một cuộc trao đổi, thảo luận, các em cần lưu ý điều gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề: Nghe và tóm tắt nội dung người khác thuyết trình về một tập thơ, bài thơ.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Định hướng

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu rõ yêu cầu HS xác định  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Định hướng - Để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một bài thơ, tập thơ + Xác định rõ vấn đề và thời gian người nói sẽ trình bày + Tìm đọc trước bài thơ sẽ trình bày; tìm hiểu thông tin về tác giả và một số ý kiến, bài viết xung quanh tác phẩm + Chuẩn bị các phương tiện để ghi chép và tóm tắt nội dung bài thuyết trình như giấy bút, sổ tay, máy tính cá nhân (nếu có) + Bài thuyết trình theo trình tự 3 phần: mở đầu, phát triển, kết thúc;

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Ghi lên bảng.	ghi chép những chỗ cần lưu ý, những ý kiến khác biệt, những vấn đề còn chưa hiểu để đề nghị người nói giải thích, trình bày thêm hoặc tham gia ý kiến khi thảo luận.
--	---

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

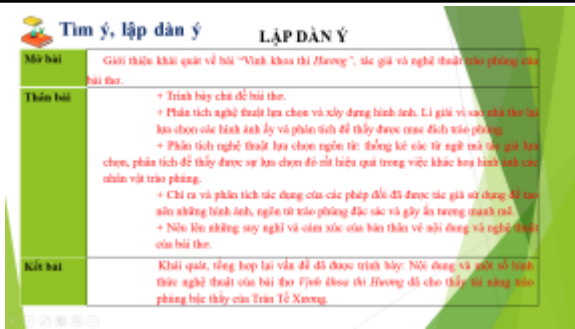
b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
a. Hoạt động: chuẩn bị trước khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói; - GV hướng dẫn HS luyện nói (luyện tóm tắt) theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. Thực hành: Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương) 1. Chuẩn bị trước khi nói - Nội dung: + Mục đích: Nghe và tóm tắt nội dung của bài thuyết trình về bối cảnh lịch sử, giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” (Trần Tế Xương) + Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề + Cách làm: Đọc lại nhiều lần bài viết để nắm chắc những nội dung quan trọng - Tìm ý và lập dàn ý

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.
- Ghi lên bảng.



- Tập luyện
- Kiểm tra và chỉnh sửa

2. Trình bày bài nói – nghe

b. Hoạt động: Thực hành trình bày bài nói – nghe

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện việc ghi chép: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- + Mở đầu, người nói nêu ý gì?
- + Nội dung chính mà người nói nêu lên?
- + Kết thúc, người nói nêu nội dung gì?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói – nghe

- a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày, phần tóm tắt.
- b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	-Nội dung đạt được:

- GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày và phần tóm tắt của bạn theo phiếu đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận; + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	HS hiểu được bài. Nhiều em thuyết minh tốt -Nội dung còn hạn chế: Vài bạn còn hiểu mơ hồ Chưa tập trung vào trọng tâm của bài
---	--

3.Hoạt động: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

https://youtu.be/wKTc6_PGrYg

Vận dụng

https://youtu.be/wKTc6_PGrYg

Nghe và tóm tắt nội dung người khác thuyết trình về bài thơ trong video sau

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe và tóm tắt

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

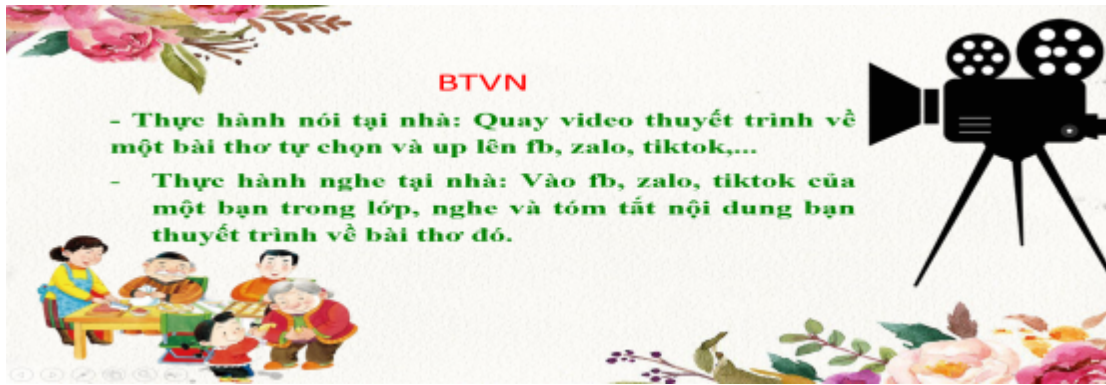
- Hs báo cáo kết quả

- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ VÀ HỌC BÀI SAU



TỰ ĐÁNH GIÁ

BÀI THƠ: QUA ĐÈO NGANG – BÀ HUYỆN THANH QUAN

Câu 1. Phương án nào nêu đúng về thể loại và chữ viết của bài thơ Qua Đèo Ngang?

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Hán
- B. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Nôm**
- C. Thất ngôn xen lục ngôn, viết bằng chữ Nôm
- D. Thất ngôn bát cú Đường luật, viết bằng chữ Quốc ngữ

Câu 2. Cảnh Đèo Ngang được tái hiện trong bài thơ như thế nào?

- A. Cảnh vật tươi đẹp, đủ loại hoa lá sắc màu
- B. Cảnh vật tràn đầy sức sống, cây cối chen chúc
- C. Cảnh vật vắng vẻ, hoang sơ, đượm buồn**
- D. Cảnh vật trống vắng, lạnh lẽo, gợi nỗi buồn thê lương

Câu 3. Bài thơ được ngắt chủ yếu theo nhịp nào?

- A. 3/4
- B. 4/3**
- C. 2/3/2
- D. 4/1/1/1

Câu 4. Từ nào sau đây là từ tượng hình

- A. Lom khom**
- B. Quốc quốc
- C. Gia gia
- D. Cỏ cây

Câu 5. Biện pháp tu từ đảo ngữ ở câu thơ “Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.” có tác dụng gì?

- A. Tô đậm sự thưa thớt, quạnh vắng của cảnh vật**
- B. Thể hiện vẻ hoang tàn, tiêu tụy của cảnh vật
- C. Khắc họa tâm trạng buồn bã, cô đơn của tác giả
- D. Miêu tả vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng của cảnh vật

Câu 6. Bài thơ viết về chủ đề gì? Chủ đề ấy có liên quan đến nhan đề Qua Đèo Ngang như thế nào? Chủ đề của bài thơ: tả cảnh Đèo Ngang lúc xế tà và nói lên nỗi buồn cô đơn, nỗi nhớ nhà thương nước của một người con hiển mình cho tổ quốc.

Nhan đề bài thơ Qua Đèo Ngang thể hiện chủ đề tác phẩm, nó mang ý nghĩa chỉ một chuyến đi qua Đèo Ngang (đây là một con đèo vượt núi Hoành Sơn tại ranh giới của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình). Thông qua đó, tác giả đã khắc họa khung cảnh thiên nhiên Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút, có sự sống con người nhưng vẫn còn hoang sơ.

Câu 7. Các từ láy, từ tượng hình, từ tượng thanh và phép đối có vai trò gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?

- Các từ láy có giá trị gợi hình (lom khom, lác đác) gợi cảm giác thưa thớt, ít ỏi. Nhấn mạnh sự nhỏ bé, ít ỏi, nhỏ nhoi của sự sống ở giữa cảnh vật thiên nhiên rộng lớn, hoang sơ. ⇒ Hình ảnh con người hiện lên thưa thớt, ít ỏi làm cho cảnh vật thêm hoang vắng, tiêu điều. Qua đó, gợi cảm giác buồn hiu, vắng lặng của tác giả

- Âm thanh của chim quốc quốc, gia gia: nghệ thuật lấy động tả tĩnh; chơi chữ. - Tiếng chim quốc, chim gia gia nhớ nước, thương nhà cũng chính là tiếng lòng của chính tác giả đang da diết nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ quá khứ huy hoàng của đất nước. ⇒ Tâm trạng nhớ nước, nhớ nhà, nhớ quê hương của tác giả. Đó cũng chính là tâm trạng hoài cổ của nữ sĩ
- Sự đối lập vốn có của hai câu thực khiến cho cảnh trên sông, dưới núi thêm rời rạc, thưa thớt.

Câu 8. Hãy hình dung tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi đi qua Đèo Ngang. Vì sao nhà thơ lại có tâm trạng đó?

- Tâm trạng của người lữ khách tha hương trong buổi chiều tà ẩn dấu một nỗi buồn man mác. Mượn cảnh nói tình: thông qua thời gian và không gian của cảnh, đặc biệt qua hai hình tượng tiếng chim quốc quốc và tiếng chim đa đa.

Gia gia: vừa nói đến tiếng chim nhưng “gia” còn có nghĩa là là. Nỗi nhớ nhà của người con xa quê. Khi mặt trời lặn xuống cũng là lúc gia đình đoàn tụ, còn bà lại đang dừng chân chốn hoang sơ hiu quạnh, nỗi nhớ nhà như càng trào dâng tha thiết.

Con quốc quốc: Tiếng chim nhưng “quốc” cũng có nghĩa là đất nước, Tổ quốc. Bà là nho sĩ xứ Bắc Hà quận lòng nhớ về Thăng Long xưa, nhớ về quá khứ của đất nước lúc còn hưng thịnh, lúc triều Nguyễn chưa dời kinh đô vào Huế.

- Trực tiếp tả tình: Thể hiện qua câu cuối của bài thơ: Một mảnh tình riêng ta với ta “Mảnh tình riêng” đó thật sâu sắc, thâm thúy. Đây là sự đối diện với chính mình, do đó nỗi cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan nơi đất khách càng được thể hiện chân thật và sâu sắc.

Câu 9. Em có nhận xét gì về không gian được khắc họa trong bài Qua Đèo Ngang? Không gian ấy có liên quan như thế nào đến tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan?

- Không gian đèo Ngang hiện lên qua nét vẽ của bà Huyện Thanh Quan thật hoang sơ, vắng vẻ, có nét đẹp của núi non, sông nước. Nơi đây thấp thoáng sự sống của con người nhưng thưa thớt và ít ỏi. Cảnh được miêu tả vào lúc chiều tà, lại được nhìn từ tâm trạng của kẻ xa quê nên cảnh gợi lên cảm giác buồn, hoang sơ, vắng lặng. Khi đi qua đèo Ngang, nhà thơ ngắm nhìn bức tranh thiên nhiên và cuộc sống của con người nơi đèo Ngang: đẹp, hoang sơ nhưng gợi buồn. Đứng giữa vũ trụ bao la, rộng lớn đã khiến thi sĩ cảm thấy cô đơn, trống vắng, lẻ loi. Bà nhớ nước, thương nhà da diết, đó là nỗi buồn thâm lặng cô đơn của tác giả.

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT VĂN BẢN 1: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhóm Ngô Gia Văn Phái
- Những nét chung về tác phẩm “Hoàng Lê Nhất thống chí”.
- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện lịch sử.

2. Về năng lực

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ ...) nội dung (đề tài, ý nghĩa, chủ đề, thái độ người kể trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.
- Nhận biết được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

3. Về phẩm chất:

- Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, tự hào và noi theo tấm gương các anh hùng dân tộc, nhận thức đúng đắn năng lực và phẩm chất của bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu

HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh.

b) Nội dung

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em hãy trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm bằng tờ chơi: “Ai là triệu phú”.

Câu 1: Giai đoạn lịch sử nào được mệnh danh là: “Vua chẳng ra vua, bề tôi cũng chẳng phải bề tôi”?

- | | |
|--------------|---------------------|
| A. Thời Lý | C. Cuối thời Hậu Lê |
| B. Thời Trần | D. Thời Tiền Lê |

Câu 2: Ai là người cầu cứu viện trợ từ quân Thanh, là kẻ cồng rắn cắn gà nhà?

- | | |
|-------------------|---------------|
| A. Lê Hiền Tông | C. Lê Duy Mật |
| B. Lê Chiêu Thống | D. Lê Dụ Tông |

Câu 3: Nàng công chúa nào là nhân vật lịch sử nổi tiếng - người thông minh từ bé, diện mạo thanh tú, bản tính thủy mị, dịu dàng?

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| A. Ngọc Hân công chúa | C. Công chúa Huyền Trân |
| B. Lý Chiêu Hoàng | D. An Tư công chúa |

Câu 4: Triều đại nào kéo dài nhất lịch sử phong kiến Việt Nam.

- | | |
|------------------|----------------|
| A. Thời nhà Lý | B. Thời nhà Hồ |
| B. Thời nhà Trần | C. Thời Hậu Lê |

Câu 5: Trịnh – Nguyễn phân tranh bất phân thắng bại chọn Sông Gianh nào làm ranh giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài?

- | | |
|---------|--------|
| A. Đúng | B. Sai |
|---------|--------|

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV trình chiếu.

HS:

- Nhận nhiệm vụ.
- Quan sát, lắng nghe và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi 1, 2...

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu tác phẩm: “**Hoàng Lê nhất thống chí**”

GV dẫn dắt: Quân Thanh được sự dẫn đường của LCT đã tiến thẳng vào Thăng Long. Khi nhận được tin Nguyễn Huệ đã làm gì. Việc đó đã được nhóm tác giả họ Ngô Thì ghi lại trong văn bản “**Hoàng Lê nhất thống chí**” như thế nào. Ta có thể thấy trong văn học Việt Nam thời Trung đại có thể xem **Hoàng Lê nhất thống chí** là một tác phẩm văn xuôi chữ Hán có quy mô lớn nhất và đạt được nhiều thành công xuất sắc về nghệ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực tiểu thuyết. Hồi thứ 14 kể về chuyện Quang Trung đại phá quân Thanh một cách chân thực và hào hùng. Nó không chỉ vẽ lên

chân dung lầm liệt của người anh hùng dân tộc vĩ đại mà còn làm nổi rõ thất bại thảm hại của bọn xâm lược nhà Thanh, sự đầu hàng, phản bội nhục nhã của bè lũ vua quan hèn mạt Lê Chiêu Thống, đóng đinh chúng vào lịch sử.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TRI THỨC NGŨ VẦN													
Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được: Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện lịch sử. Nội dung: GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV)													
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu bài tập ở nhà) Phiếu học tập số 1: <table border="1" data-bbox="97 817 699 1070"> <thead> <tr> <th>Thông tin</th><th>Nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khái niệm truyện LS</td><td></td></tr> <tr> <td>Bối cảnh lịch sử</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật</td><td></td></tr> <tr> <td>Cốt truyện</td><td></td></tr> <tr> <td>Ngôn ngữ</td><td></td></tr> </tbody> </table> (?) Trình bày những thông tin chính về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 1 HS: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS: - Đại diện trình bày thông tin về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái. - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	Thông tin	Nội dung	Khái niệm truyện LS		Bối cảnh lịch sử		Nhân vật		Cốt truyện		Ngôn ngữ		1. Khái niệm truyện lịch sử - Là loại truyện có nội dung liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử. - Được nhà văn hư cấu, tưởng tượng, bổ sung, sáng tạo thành hình tượng văn học. 2. Đặc trưng truyện lịch sử: - Bối cảnh: Là hoàn cảnh xã hội trong một thời kì lịch sử nói chung được thể hiện qua sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục tập quán. - Nhân vật: Nhân vật chính là người thực, việc thực, những anh hùng dân tộc. - Cốt truyện: Là hệ thống sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc được sắp xếp theo ý đồ nhất định. + Cốt truyện đơn tuyến + Cốt truyện đa tuyến - Ngôn ngữ: Phù hợp với bối cảnh lịch sử mà truyện tái hiện.
Thông tin	Nội dung												
Khái niệm truyện LS													
Bối cảnh lịch sử													
Nhân vật													
Cốt truyện													
Ngôn ngữ													
II. TÌM HIỂU CHUNG													
1. Tác giả													

Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái

Nội dung:

GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV)

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu bài tập ở nhà) Phiếu học tập số 2: <table border="1"> <tr> <th>Thông tin</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Tên tuổi</td><td></td></tr> <tr> <td>Thời đại</td><td></td></tr> <tr> <td>Thân thế và tư tưởng</td><td></td></tr> </table> (?) Trình bày những thông tin chính về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Tra cứu trên Google để hoàn thiện PHT số 2 HS: Mở PHT số 2, xem lại thông tin trong PHT số 2. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS: - Đại diện trình bày thông tin về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái. - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	Thông tin	Nội dung	Tên tuổi		Thời đại		Thân thế và tư tưởng		1. Tác giả - Ngô Gia Văn Phái: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, trong đó hai tác giả chính là: + Ngô Thì Chí (1753-1788), làm quan thời Lê Chiêu Thống, viết 7 hồi đầu + Ngô Thì Du (1772-1840), làm quan dưới triều nhà Nguyễn, viết 7 hồi tiếp + Một tác giả khác cũng thuộc dòng họ Ngô Thì viết 3 hồi còn lại. - Họ là những nhà Nho mang nặng tư tưởng trung quân, ái quốc. Ngô Thì Chí từng chạy theo Lê Chiêu Thống khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc lần thứ hai. Ông cũng chính là người dâng «Trung hưng sách» bàn kế để khôi phục nhà Lê và chống lại nhà Tây Sơn. - Họ là những cây bút trung thực và có tư tưởng tiến bộ. Họ đã phản ánh được một cách chân thực, sống động những sự kiện lịch sử dân tộc trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX.
Thông tin	Nội dung								
Tên tuổi									
Thời đại									
Thân thế và tư tưởng									

Chuyển dẫn: GV kết nối dẫn dắt sang phần 2

2. Tác phẩm

Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tóm tắt tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí” của nhóm Ngô Gia Văn Phái

- Trình bày những thông tin chính về tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”:

Nội dung:

GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 2 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
-------------------	----------

a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích**Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**

- Hướng dẫn cách đọc
- Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn văn bản

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**GV:**

- Yêu cầu HS đọc mẫu
- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc

HS đọc mẫu**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS
- Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản

b. Tìm hiểu chung về văn bản**Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS mở PHT số 3
- Chia nhóm cặp đôi theo bàn
- Nhiệm vụ:
 - + Hoán đổi PHT cho nhau
 - + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị
 - + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 3

*** Tác phẩm: Hoàng Lê nhất thống chí**

Thông tin	Nội dung
Hoàn cảnh lịch sử	
Thể loại	
Nhan đề	
Nhân vật	
Cốt truyện	

*** Đoạn trích hồi 14**

Thông tin	Nội dung
Bố cục	
Sự việc chính và diễn biến	

2. Tác phẩm**2.1. Tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”****a. Hoàn cảnh sáng tác**

- Tác phẩm HLNTC được viết trong một thời gian rất dài: Từ cuối thế kỉ 18 -> đầu thế kỉ 19. Giai đoạn này xã hội Việt Nam đầy biến động, phong trào nông dân nổi lên khắp nơi, nổi bật là phong trào Tây Sơn.

b. Thể loại:

- HLNTC là một tiểu thuyết lịch sử được viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi
- Tác phẩm còn được viết theo thể chí (là thể văn ghi chép sự việc vừa có tính chất lịch sử, vừa có tính chất văn học)

c. Nhan đề:**“Hoàng Lê nhất thống chí”:**

- Hoàng: vua, Lê: nhà Lê; nhất thống: thống nhất; chí: thể chí (ghi chép)
- > Ghi chép về sự thống nhất của triều nhà Lê vào thời Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê

d. Nhân vật:

- Quang Trung - Nguyễn Huệ, Lê Chiêu Thống, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ... (Nhân vật có thực trong lịch sử)

e. Cốt truyện:

- Đa tuyến gồm nhiều sự kiện đan xen.

2.2. Đoạn trích hồi thứ 14**a. Bố cục**

- Từ đầu đến ... *năm Mậu Thân (1788)*: Quang Trung chuẩn bị tiến quân ra Bắc
- Tiếp... đến *kéo vào thành*: Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lấy lòng của vua Quang Trung.
- Còn lại: Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.

b. Sự việc chính: QT tiến quân ra Bắc đại phá quân Thanh.**c. Tóm tắt chuỗi sự việc:**

- + Quân Thanh chiếm Thăng Long.
- + 20/11/1788, Ngô Văn Sở lui về Tam Điệp
- + Quang Trung lên ngôi ở Phú Xuân: Vua tự đốc xuất đại binh, tiến quân ra Bắc diệt quân Thanh (Vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân)-1788.
- + Kén thêm binh lính, mở cuộc duyệt binh lớn, chia quân thành các đạo, phủ dụ binh lính.

+ Phán xét công tội của các tướng Sở, Lân.
 + 30 tháng chạp mở tiệc khao quân, hẹn ngày mừng 7 tháng giặc sẽ mở tiệc ăn mừng ở Thăng Long.
 + Tiến quân đến sông Gián, Hà Hồi ta đều đánh thắng giặc đến đó. -> Quân Thanh đại bại.
 + Ngày mừng 3 tết QT đến Hà Hồi, mờ sáng tới Ngọc Hồi, trưa kéo vào thành Thăng Long, tướng Thanh là Tôn Sĩ Nghị chạy trốn về nước, quân Thanh đại bại.
 Vua Lê chiêu Thống vội vã chạy theo.

III. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Mục tiêu: Giúp HS - HS tìm, phát hiện và nêu được: + Bối cảnh lịch sử của câu chuyện. + Sự kiện, nhân vật ... Nội dung: GV sử dụng kỹ thuật vấn đáp, kỹ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu. HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập Nội dung														
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm												
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi): - Yêu cầu mở PHT số 4 và hoàn thành PHT số 4 bằng cách trả lời câu hỏi sau: - Đoạn trích tái hiện lại bối cảnh lịch sử như thế nào? Khi nghe tin quân giặc kéo vào Thăng Long Nguyễn Huệ đã có những chuẩn bị gì trước cuộc chiến. Qua đó em cảm nhận đây là vị tướng như thế nào ? <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th><th>Hành động</th><th>Nhận xét</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khi được tin cấp báo</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>29/12</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>30/12</td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table> Nhận xét chung: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) GV hướng dẫn HS thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HĐ cá nhân: GV: - Gọi HS trả lời câu hỏi		Thời gian	Hành động	Nhận xét	Khi được tin cấp báo			29/12			30/12			1. Bối cảnh lịch sử: - Thời kì XHPK khủng hoảng trầm trọng. Lê Chiêu Thống dẫn quân Thanh về nước. Quang Trung kéo quân ra Bắc đánh tan hơn 20 vạn quân Thanh. 2. Hình tượng người anh hùng QT – NH a. Chuẩn bị lực lượng tiến quân ra Bắc
Thời gian	Hành động	Nhận xét												
Khi được tin cấp báo														
29/12														
30/12														

- Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). HĐ nhóm GV: - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). HS: - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS. - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	
--	--

Thời gian	Lời nói, hành động, cách xử trí	Nhận xét
- Khi nhận được tin cấp báo	– Nhận được tin giặc chiếm Thăng Long thì “<i>giận lắm</i>”, “<i>định thân chinh cầm quân đi ngay</i>”. – Chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm rất nhiều việc lớn: + Tể cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế để “<i>chính vị hiệu</i>”, “<i>giữ lấy lòng người</i>”. + Tự mình “<i>đốc suất đạo binh</i>” ra Bắc.	Mạnh mẽ, quyết đoán và có lòng yêu nước
Khi đến Nghệ An	+ Tìm gặp người cố gắng sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp để hỏi kế sách. + Tuyển mộ quân sĩ và “<i>mở cuộc duyệt binh lớn</i>” ở Nghệ An, phủ dụ tướng sĩ. – Trong lời phủ dụ quân sĩ ở Nghệ An: + Nguyễn Huệ đã khẳng định chủ quyền của dân tộc (“<i>đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng</i>”) và lên án hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo trời của quân Thanh, nêu bật dã tâm của chúng (“<i>bụng dạ ắt khác... cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải</i>”) + Nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. + Kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực, ra kỉ luật nghiêm.	Sáng suốt, nhạy bén trước thời cuộc.

Khi đến Ninh Bình	+ Ông rất hiểu tướng sĩ, hiểu tường tận năng lực của bề tôi, khen chê đúng người đúng việc. + Mới khởi binh, chưa lấy được tác đất nào, vậy mà Quang Trung đã tuyên bố chắc nịch “<i>phương lược tiến đánh đã có sẵn</i>”, “<i>Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được người Thanh</i>”. + Biết trước kẻ thù “<i>lớn gấp mười nước mình</i>”, bị thua một trận “<i>ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù</i>” khiến việc binh đao không bao giờ dứt nên Nguyễn Huệ còn tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng để có thời gian “<i>yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng</i>”, làm cho nước giàu quân mạnh.	Sáng suốt, nhạy bén trong xét đoán bề tôi và ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.
Nhận xét về cuộc hành quân	- Ngày 25 tháng Chạp xuất quân từ Phú Xuân(Huế), ngày 29 đã tới Nghệ An, vượt khoảng 350km qua núi, qua đèo. Đến Nghệ An, vừa tuyển quân, tổ chức đội ngũ, vừa duyệt binh, chỉ trong vòng một ngày. Hôm sau, tiến quân ra Tam Điệp (cách khoảng 150km). Và đêm 30 tháng Chạp đã “<i>lập tức lên đường</i>”, tiến quân ra Thăng Long. Mà tất cả đều là đi bộ. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung định kế hoạch chỉ trong vòng 7 ngày, mùng 7 tháng Giêng sẽ vào ăn Tết ở Thăng Long. Trên thực tế, đã thực hiện kế hoạch sớm hai ngày: trưa mùng 5 đã vào Thăng Long. – Hành quân xa liên tục như vậy, thường quân đội sẽ mệt mỏi, rã rời, nhưng nghĩa binh Tây Sơn “<i>cơ nào đội ấy vẫn chinh tề</i>”, “<i>từ quân đến tướng, hết thấy cả năm đạo quân đều vâng mệnh lệnh, một lòng một chí quyết chiến quyết thắng</i>”.	Con người có tài dụng binh như thần.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm									
Nhiệm vụ 2 Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) HĐ cá nhân (GV đặt câu hỏi): - Yêu cầu mở PHT số 5 và hoàn thành PH bằng cách trả lời câu hỏi sau: <table><tr><th>Trận đánh</th><th>Cách đánh</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Trận đánh	Cách đánh	Nhận xét							1. Hình tượng người anh hùng QT – NH b. Trong các trận đánh
Trận đánh	Cách đánh	Nhận xét								
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) GV hướng dẫn HS thực hiện Bước 3: Báo cáo, thảo luận HĐ cá nhân: GV: - Gọi HS trả lời câu hỏi - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). HĐ nhóm GV:										

- Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). HS: - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS. - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	
--	--

Trận đánh	Cách đánh	Nhận xét
Sông Gian	+ Bắt sống toàn bộ bọn nghĩa binh cùng quân Thanh đi do thám mà vẫn giữ được bí mật.	Vị tướng có tài điều binh khiển tướng. Cách đánh bí mật, bất ngờ, biến hóa, nhanh gọn khiến kẻ thù trở tay không kịp <i>Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên</i>
Hà Hồi	+ Đánh nghi binh: bí mật bao vây kín làng, bắc loa truyền gọi, dịch sợ hãi xin hàng	
Ngọc Hồi	+ Quang Trung trực tiếp chỉ huy. Vua cười voi đi đốc thúc, quân dân trận chữ nhất, đánh giáp lá cà. Bao vây đường rút lui của giặc, cho voi giày đạp.	

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm									
Nhiệm vụ 3 Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) HĐ nhóm - GV chia nhóm lớp - Yêu cầu mở PHT số 6 và hoàn thành PHT số 5 bằng cách trả lời câu hỏi sau: Lê Chiêu Thống và Tôn Sĩ Nghị đã có những hành động như thế nào? Hãy nhận xét <table><tr><th>Nhân vật</th><th>Hành động</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Lê Chiêu Thống</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tôn Sĩ Nghị</td><td></td><td></td></tr></table>	Nhân vật	Hành động	Nhận xét	Lê Chiêu Thống			Tôn Sĩ Nghị			2. Số phận bọn bán nước và cướp nước
Nhân vật	Hành động	Nhận xét								
Lê Chiêu Thống										
Tôn Sĩ Nghị										
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) GV hướng dẫn HS thực hiện Bước 3: Báo cáo, thảo luận HĐ cá nhân: GV:										

- Gọi HS trả lời câu hỏi - Gọi HS nhận xét câu trả lời của bạn HS: - Đại diện trả lời câu hỏi - HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). HĐ nhóm GV: - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). HS: - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS. - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	
---	--

Nhân vật	Hành động	Nhận xét
Lê Chiêu Thống	- Rước quân Thanh về nước. - Vua quan cùng đưa Thái hậu chạy trốn theo. - Nhờ viên thổ hào cho ăn, ở. - Đến cửa ải: nhìn nhau chảy nước mắt	Hèn nát, bạc nhược, chuốc lấy thất bại bi đát.
Tôn Sĩ Nghị	<u>* Khi tiến vào nước ta:</u> - Vào Thăng Long như vào chỗ không người. - Quân lính thả sức cướp bóc, ức hiếp dân ta. <u>* Khi quân Tây Sơn đánh:</u> - Rụng rời sợ hãi, xin hàng. - Bỏ chạy tán loạn. - Sầm Nghi Đống thắt cổ chết. Tôn Sĩ Nghị chạy trốn. Tướng bất tài, vô dụng.	Bất tài, vô dụng và hèn nhát, chuốc lấy thất bại thảm hại

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nhiệm vụ 4 B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản? ? Khái quát nội dung chính của văn bản? ? Câu chuyện gợi lên trong em những suy	III. TỔNG KẾT: 1. Nội dung: Ca ngợi hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, đồng thời

nghĩ và tình cảm như thế nào?

Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản này?

? Hãy so sánh nhân vật QT – NH và Lê Chiêu Thống trong tác phẩm và tong lịch sử có điểm gì giống và khác nhau.

Nhân vật	Giống nhau	Khác nhau
Lê Chiêu Thống		
Tôn Sĩ Nghị		

? Qua đoạn trích, tác giả truyền đến người đọc thông điệp, tư tưởng gì?

? Từ tìm hiểu văn bản này, hãy khái quát cách đọc hiểu truyện lịch sử.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.

GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp.

khắc hoạ sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. Từ đó truyền lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho người đọc.

2. Nghệ thuật:

- Trình tự kể diễn biến các sự kiện lịch sử.
- Nhân vật lịch sử với ngôn ngữ kể, tả chân thực, sinh động.
- Giọng điệu trần thuật thích hợp với việc thể hiện thái độ của tác giả.

3. Cách đọc hiểu truyện lịch sử:

- Đọc kĩ tác phẩm
- Xác định bối cảnh lịch sử, nhân vật lịch sử
- Tóm tắt các sự kiện
- Tìm hiểu lời nói, cử chỉ, hành động, việc làm của nhân vật gắn với bối cảnh lịch sử...
- Hiểu được phẩm chất tính cách của nhân vật.
- Hiểu được thông điệp mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

1. Tại sao các tác giả vốn trung thành với nhà Lê, mà lại viết về Quang Trung - Nguyễn Huệ một cách sinh động, lâm liệt như vậy?

2. Tại sao gọi Hoàng Lê nhất thống chí là tiểu thuyết lịch sử.

Dự kiến sản phẩm:

1. Các tác giả tôn trọng sự thật lịch sử. Họ có ý thức tự hào dân tộc. Đó là điểm tiến bộ của các giả Ngô gia văn phái.

2. Vì tác phẩm vừa có giá trị của một tác phẩm văn học, vừa có giá trị ghi lại lịch sử.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV giao nhiệm vụ:

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày cảm nhận về nhân vật Quang Trung – Nguyễn Huệ.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

* **Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

* **Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

VĂN BẢN ĐỌC 2: ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

(Trích tiểu thuyết *Đôn Ki - hô - tê*)

(Xéc-van-tét)

Môn học: Ngữ Văn; **lớp:** 8...

Thời gian thực hiện: ... tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) trong đoạn trích.
- Nắm bắt được diễn biến của các sự kiện trong đoạn trích.
- Chỉ ra được những chi tiết tiêu biểu cho tính cách mỗi nhân vật.
- Biết đọc hiểu một đoạn trích trong tác phẩm truyện hiện đại- cốt truyện, nhân vật sự kiện trong đoạn trích : “*Đánh nhau với cối xay gió*”.
- Viết được đoạn văn phân tích hình ảnh tiêu biểu trong tác phẩm.
- Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về tác phẩm.

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về đặc điểm thể loại truyện với nhân vật, sự kiện, diễn biến truyện qua một đoạn trích trong tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê*. Ý nghĩa của cặp nhân vật bất hủ mà Xéc-van-tét đã góp vào văn học nhân loại: Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề về đặc điểm thể loại truyện với nhân vật, sự kiện, diễn biến truyện qua một đoạn trích trong tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê*. Ý nghĩa của cặp nhân vật bất hủ mà Xéc-van-tét đã góp vào văn học nhân loại: Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, tư duy sáng tạo.

2. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu gia đình, quê hương.
- *Nhân ái:* sống có tình yêu thương và trách nhiệm đối với mọi người xung quanh.

- *Chăm chỉ*: Chịu khó học tập bộ môn.

- *Trách nhiệm*: Có lòng dũng cảm, cao thượng không mê muội hoang tưởng, có khát vọng lí tưởng cao đẹp vì cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, giấy A0, bút dạ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu**: Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

b) **Nội dung**: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm**: câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện**:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV chiếu một số hình ảnh về đất nước Tây Ban Nha. Nêu yêu cầu: Em hiểu gì về đất nước và con người ở đây.

Cho học sinh xem các hình ảnh





- Gv đặt câu hỏi: Những hình ảnh sau gợi em nhớ đến đất nước nào? Dựa vào những hình ảnh này kết hợp với vốn hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu về đất nước đó?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

* **Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:**

Gv: Nhắc đến Tây Ban Nha là nhắc đến một đất nước có nền văn hóa đặc sắc bậc nhất thế giới. Trong lĩnh vực văn học, nhà văn Xéc-van-téc đã làm rạng danh xứ sở bò tót bằng tác phẩm kinh điển *Đôn-ki-hô-tê*. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* trích trong tiểu thuyết này.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu được

- Đặc điểm thể loại truyện với nhân vật, sự kiện, diễn biến truyện qua một đoạn trích trong tác phẩm *Đôn Ki-hô-tê*
- Ý nghĩa của cặp nhân vật bất hủ mà Xéc-van-tét đã góp vào văn học nhân loại: Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa.

b) Nội dung hoạt động:

- Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản
- Đọc và tìm hiểu khái quát về văn bản
- Đọc và phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản.
- Tổng kết về văn bản

c) Sản phẩm học tập:

- Những nét khái quát về tác giả và văn bản.
- Những giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản.

d) Tổ chức thực hiện:*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Giới thiệu chung * Giới thiệu tác giả - <i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.	I. Giới thiệu chung 1. Tác giả: - Mi - ghen đơ Xéc – van - tét (1547 - 1616)- là nhà văn nổi tiếng người Tây Ban Nha thời Phục Hưng.

- *Phương pháp/ Kỹ thuật dạy học*: Vấn đáp, thuyết trình, trình bày 1 phút.

- *Cách thức tiến hành*:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi: Tác giả của văn bản này là ai?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

- B3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

B4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

GV chiếu tranh chân dung tác giả:



Xéc-van-tét (1547-1616).

- Xéc - van - tét là nhà văn xuất sắc của Tây Ban Nha thời Phục Hưng. Văn phong giàu chất hiện thực, ngợi ca phần trong trẻo tốt lành, phẩm hạnh của lớp bình dân.

Sáng tác văn học của ông thuộc nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, kịch. Tác phẩm đầu tay là tập thơ Xonnê tặng hoàng hậu Idaben năm 1559. Tiểu thuyết Pecxilex và Xêdixmunda là tác phẩm cuối cùng khép lại sự nghiệp sáng tạo văn chương của nhà văn năm 1616.

- Nhà văn có cuộc đời cực nhọc, nghèo khổ, không may mắn (Bị đi lính, bị thương, bị cướp biển bắt giam, bị tù đầy...)

*** Nhiệm vụ: Đọc văn bản và tìm hiểu về tác phẩm.**

- Mục tiêu: :

+ Hs biết cách đọc và bước đầu nắm được nội dung, thể loại, PTBD của văn bản. Hs nắm được bố cục văn bản

- **Phương pháp/ Kỹ thuật dạy học:** Đọc mẫu, đọc sáng tạo. Vấn đáp, trình bày...

- Cách thức tiến hành:

B1:GV hướng dẫn HS đọc: to, rõ ràng. Chú ý giọng của từng n/vật, những câu đối thoại, những câu nói với cối xay gió...

-GV:gọi HS đọc phân vai:

+ Người dẫn truyện

+ Đôn – ki – hô – tê

+ Xan – chô – pan – xa

- Gọi HS đọc chú thích (Sgk)

GV: yêu cầu khi đọc: to rõ ràng, đúng chính tả, đúng giọng điệu của nhân vật, chú ý các câu đối thoại giọng Đôn Ki - hô - tê nói với cối xay gió: ngây thơ, tự tin xen lẫn hài hước.

GV: gọi học sinh giải thích một số từ khó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc bài, trả lời câu hỏi cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS khác nhận xét đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét về cách đọc của HS, kết luận.

*** Tìm hiểu chung văn bản**

B1:Giao nhiệm vụ:

2. Tác phẩm

a. Đọc, chú thích và tóm tắt

- Từ khó:

+ Hiệp sĩ

+ Giám mã

+ Bri-a-rê-ô

+ Tình nương

- GV phát **phiếu học tập số 1**, yêu cầu HS làm việc nhóm (6 HS) để điền thông tin vào phiếu học tập số 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
1. Hoàn cảnh ra đời:	
2. Thể loại	
3. Vị trí đoạn trích:	
4. Phương thức biểu đạt	
5. Trình tự kể	
6. Ngôi kể	
7. Bố cục	

B2: Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo kết quả thảo luận: đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét.

B4: Kết luận, nhận định.

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức.

* **Tóm tắt:** Đôn-ki-hô-tê là một lão quý tộc nghèo vì quá say mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ, cùng đi với lão là giám mã Xan-chô-pan-xa. Một lần, hai thầy trò đi trên một cánh đồng. Đôn-ki-hô-tê nhìn thấy ba bốn chục chiếc cối xay gió lại tưởng là ba bốn chục tên khổng lồ. Lão thúc ngựa Rô-xi-nan-tê xông lên chẳng thèm để ý đến giám mã Xan-chô-pan-xa đang hét bảo lão đừng xông vào đánh nhau với cối xay gió. Gió thổi mạnh làm cánh quạt quay kéo theo ngựa và người lão văng ra xa. Xan-chô-pan-xa thúc lừa đến đỡ Đôn-ki-hô-tê. Tuy vậy, dù đau đến cỡ nào nhưng lão cũng không rên rỉ, không ăn uống gì và đêm đến thì thức trắng vì nghĩ đến tình nường. Còn

b. Tìm hiểu chung văn bản

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Ra đời trong hoàn cảnh xã hội Tây Ban Nha mê truyện kiếm hiệp đến mê muội.

- Tác phẩm gồm 2 phần, 126 chương.

- **Thể loại:** Tiểu thuyết

- **Vị trí:** Đoạn trích thuộc chương VIII của tác phẩm.

- **PTBD:** Tự sự

- **Trình tự kể:** theo trình tự diễn biến các sự việc

- **Ngôi kể:** ngôi thứ ba

- **Bố cục:** 3 phần:

- P1: Từ đầu -> không cân sức => Diễn biến trước khi Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió.

Xan-cho-pan-xa hơi đau một tí là rên rỉ, ăn ngon lành vừa đi vừa chề chén, đêm đến, bác lặn ra ngủ một mạch đến sáng.

* **Nhiệm vụ 2: Đọc – hiểu văn bản**

- *Mục tiêu:*

+ HS hiểu đc đặc điểm của thể loại truyện với nhân vật, sự kiện, diễn biến truyện qua một đoạn trích trong tác phẩm Đôn Ki-hô-tê. + ý nghĩa của nhân vật bất hủ mà Xéc-van-tét đã góp vào văn học nhân loại : Đôn Ki-hô-tê và Xan- chô Pan-xa

- *Nội dung:* HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn.

- *Sản phẩm:* câu trả lời của HS

- Tổ chức thực hiện:

B1: GV giao nhiệm vụ: Chia lớp làm 4 nhóm, thảo luận và trả lời các câu hỏi:

+ Nhóm 1, 2: Tìm hiểu nhân vật Đôn- ki –hô - tê

+Nhóm 3, 4: Tìm hiểu nhân vật Đôn- ki –hô - tê

Thảo luận nhóm thực hiện Phiếu học tập số 2, trình bày sản phẩm ra giấy A0



B2: Học sinh thảo luận nhóm. Đưa ra kết luận chung.

B3: GV gọi đại diện các nhóm trả lời, yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung.

B4: Gv kết luận

- P2: Tiếp -> toạc nửa vai =>Diễn biến trong khi Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió.

- P3: Còn lại=> Diễn biến sau khi đánh nhau với cối xay gió.

? Qua đoạn trích trên, nhà văn đã giúp em hình dung ntn về 2 nhân vật Đôn ki và Xan chô?

* **Giáo dục đạo đức:** giáo dục khát vọng lí tưởng cao đẹp, vì cộng đồng, sống có tình yêu thương và trách nhiệm đối với mọi người xung quanh.

- Sinh động và rõ nét 2 nhân vật tương phản nhau từ ngoại hình đến tính cách, suy nghĩ và hành động. Song lại tô đậm và bổ sung cho nhau.

? Tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật tương phản?

-Tương phản không triệt tiêu mà bổ sung cho nhau

? Vì sao có người cho rằng đó là cặp nhân vật bất hủ trong tác phẩm văn học?

- Trái ngược nhưng là đôi tri kỉ thân thiết

- 2 bên chịu ảnh hưởng của nhau

+ Xan khuyên nhủ-> Đôn tỉnh ngộ

+Gần gũi Đôn -> Xan thêm giàu tình thương con người, biết yêu tự do, công bằng, chính nghĩa.

-> tạo ra được một nhân vật hoàn hảo.

?Bản thân em đã có những phẩm chất, đức tính gì trong nhân vật hoàn hảo này?

Hs: Luôn luôn học tập không ngừng để hoàn thiện bản thân.

II/ Đọc – hiểu văn bản

1. Hình tượng Đôn-ki-hô-tê

* **Lai lịch, chân dung**

- Xuất thân: dòng dõi quý tộc nghèo

- Tuổi: khoảng 50 tuổi

- Ngoại hình: gầy gò, cao lênh khênh, cưỡi 1 con ngựa còm, mặc áo giáp, đội mũ sắt, vác giáo dài

- Khát vọng: Muốn trở thành hiệp sĩ trừ gian, cứu thiện → *giúp ích cho đời*.

* **Thái độ và nhận định khi thấy những chiếc cối xay gió**

- Tưởng đó là những gã khổng lồ ghê gớm và quyết giao chiến giết hết bọn chúng

Tưởng tượng những cánh tay của chúng dài ngoẵng, có đĩa dài tới 2 dặm ...

Nhận định cuộc giao chiến điên cuồng và không cân sức những Đôn quyết không sợ

☐ Hành động dũng cảm, khát vọng tốt đẹp nhưng đầu óc hoang tưởng

☐ Cái nhìn sai lệch, khát vọng hảo huyền

Nhiệm vụ 3: Hướng dẫn Tổng kết <i>Mục tiêu:</i> Học sinh biết cách tổng kết văn bản. - <i>Nội dung, phương pháp:</i> KT trình bày 1 phút: B 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhận xét khái quát về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản?</i> B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lv cá nhân, trình bày theo ý hiểu.	* Hành động trong cuộc giao tranh - Đôn Ki-hô-tê lao vào cuộc đấu với dũng khí của 1 hiệp sĩ □ <i>Hành động hài hước, điên rồ, lố bịch</i> - <u>Thất bại nặng nề, người và ngựa ngã như trời giáng</u> nhưng vẫn không cam nhận thất bại □ <i>Tiếp tục rơi vào hoang tưởng</i> * Quan niệm và cách xử sự sau cuộc chiến - Bất chước các hiệp sĩ + Không rên rỉ, không kêu đau + Không quan tâm đến những nhu cầu cá nhân => Ưu điểm: Yêu tự do, chuộng công bằng, lẽ phải, quyết ra tay cứu khổ, trừ gian, dũng cảm, không sợ gian khó => Nhược: Đầu óc quá hoang tưởng, hảo huyền ⇒ Đáng giận, đáng cười nhưng cũng đáng trách, đáng thương 2. Hình tượng Xan-chô Pan-xa * Lai lịch, chân dung - Xuất thân: Nông dân - Ngoại hình: Béo, lùn, dùng đỉnh cười lừa theo chủ, luôn mang theo rượu và túi 2 ngăn đựng đầy thức ăn - Khát vọng: Làm giám mã cho Đôn Ki hô-tê với hi vọng sau này được làm thống đốc, cai trị vài hòn đảo * Thái độ và nhận định khi thấy những chiếc cối xay gió
---	---

- GV theo dõi, quan sát.

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Hs trình bày, hs khác nhận xét.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B 4: Đánh giá

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức. Hs điều chỉnh sp nếu cần

- Đầu óc hoàn toàn tỉnh táo: “*Xuất hiện ở đằng kia chẳng phải là ... mà chỉ là những cối xay gió ...*”

* Hành động trong cuộc giao tranh

- Can ngăn Đôn Ki-hô-tê

- Vội thúc lừa chạy đến cứu

□ *Tỉnh táo và thực tế. Cho rằng đầu óc Đôn Ki-hô-tê cũng quay cuồng như chiếc cối xay gió*

* Quan niệm và cách xử sự sau cuộc chiến

- Chỉ cần hơi đau 1 chút là run rẩy, Đến bữa là ăn uống no nê, ngủ 1 mạch

-> *Thực dụng, tầm thường, thích hưởng thụ.*

=> **Ưu:** *Đầu óc tỉnh táo, thiết thực, lạc quan*

=> **Nhược:** *Ước muốn tầm thường, chỉ nghĩ đến cá nhân, hèn nhát*

* **NT:** *Xây dựng cặp nhân vật tương phản-> - Dụng ý nghệ thuật của nhà văn: Làm nổi rõ chân dung, tính cách của từng nhân vật.*

- Sự hoàn thiện chỉ có trong sự đối chiếu và bổ sung cho nhau

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật

- Tương phản đối lập

- Giọng điệu phê phán, hài hước

2. Nội dung

- Tạo nên cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới

+ Đôn-ki-hô-tê nực cười nhưng có nhiều phẩm chất đáng quý.

	+ Xan-chô Pan-xa có điểm tốt song có nhiều điểm đáng chê cười. 3. Ý nghĩa văn bản + Kể câu chuyện về sự thất bại của Đôn ki -hô- tê đánh nhau với cối xay gió, nhà văn chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, hão huyền, phê phán thói thực dụng thiển cận của con người trong đời sống xã hội.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Hs nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Câu hỏi trắc nghiệm:

1. Những nét nghệ thuật chính được sử dụng trong văn bản “Đánh nhau với cối xay gió” là gì?

- Tương phản đối lập.
- Giọng điệu phê phán, hài hước.
- Đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng.
- Cả a và b.

2. Ý nghĩa của văn bản “Đánh nhau với cối xay gió” là gì?

- Chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu hão huyền, phê phán lối sống thực dụng của con người trong xã hội.
- Miêu tả trận đánh ác liệt của Đôn Ki-hô-tê.
- Giới thiệu hai nhân vật đối lập.

3. Dòng nào dưới đây nói lên đầy đủ nhất tính cách của Đôn Ki-hô-tê?

- Là người có nhiều khía cạnh tốt đẹp.
- Là một người bị ảnh hưởng nhiều của truyện hiệp sĩ nên nực cười.
- Là một người hết sức điên rồ cả trong ước muốn lẫn hành động.
- Cả a và b đều đúng.

4. Theo em, Xan-chô Pan-xa là một người như thế nào?

- Xấu xa hoàn toàn.
- Vừa có những mặt tốt vừa có những mặt xấu.
- Sống thực dụng.
- Không có tính cách rõ ràng.

Đáp án: 1. d 2. a 3. d 4. b

- Câu hỏi tự luận:

5. Từ nhân vật Đôn - ki - hô - tê, em rút ra bài học gì cho mình?

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá:** HS, GV đánh giá, nhận xét.

Dự kiến sp:

5. Từ nhân vật Đôn - ki - hô - tê, em rút ra bài học gì cho mình?

- Tránh xa truyện kiếm hiệp, trang mạng ảo....

*GV: Đôn Ki - hô - tê gàn dở, nhưng biết yêu thương nhân loại, yêu tự do, bình đẳng, ghét thói xa hoa, ăn bám, quý trọng danh dự, đạo làm người. Đôn Ki - hô - tê chết là vì lý tưởng hiệp sĩ chết.

Vậy thời đại mới (Tư bản chủ nghĩa) đem lại cái gì cho Đôn Ki - hô - tê? Đó là câu hỏi phản ánh sự khủng hoảng của lý tưởng nhân văn chủ nghĩa Tây Ban Nha thế kỉ XVI.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Viết đoạn văn ngắn phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Đôn-ki-hô-tê

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá.**

Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:

- Hướng dẫn học bài

+ Học phân tích 2 nhân vật

+ Sân khấu hóa đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió

+ Vẽ tranh minh họa nhân vật.

- Chuẩn bị bài: Thực hành Tiếng Việt: Câu khẳng định và câu phủ định.

+ Đọc truyện “Thầy bói xem voi”

- + Thế nào là câu khẳng định? Lấy ví dụ?
- + Thế nào là câu phủ định? Lấy ví dụ?
- ? Tìm câu khẳng định và phủ định trong bài tập 1, 2/ SGK trang 67.

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

(Câu khẳng định và câu phủ định)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được câu khẳng định và câu phủ định.
- Vận dụng kiến thức về câu khẳng định và câu phủ định để đặt câu theo các tình huống trong thực tế đời sống và tạo lập văn bản.

b. Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết vận dụng hợp kiến thức , tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

2. Về phẩm chất:

- Có tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập chung của nhóm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập;
- Tranh con voi phục vụ cho trò chơi mở đầu bài học, câu chuyện Thầy bói xem voi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh và xác định vấn đề để dẫn dắt vào bài mới.
- Nội dung: Gv chơi trò chơi Ô cửa bí mật có hình con voi trong những mảnh ghép.
- Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

GV tổ chức trò chơi *Ô cửa bí mật- Con voi*. GV chuẩn bị một bức tranh con voi và dán số thứ tự 1,2,3,4 để học sinh lựa chọn mảnh ghép.

HS lựa chọn một ô cửa bất kì mở ra và có 1 bộ phận của con voi và yêu cầu học sinh đưa ra câu trả lời của mình về con vật trong ô cửa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi và đưa ra câu trả lời cho đến khi mảnh ghép cuối cùng dc lật ra là hình ảnh con vật.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày cá nhân

Gv sẽ đặt câu hỏi: (?): Theo em, loài vật nào nằm trong ô cửa?

HS trả lời: Đây là con voi.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV phân tích câu trả lời và dẫn dắt vào bài mới: Câu trả lời của các em đã khẳng định loài vật nằm trong những mảnh ghép là con voi. Đây là kiểu câu khẳng định mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học này - Câu khẳng định và câu phủ định.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và hiểu được đặc điểm của câu khẳng định và câu phủ định.

b. Nội dung: Tìm hiểu về câu khẳng định và câu phủ định thông qua ngữ liệu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS quan sát ngữ liệu và trả lời câu hỏi sau:

THẦY BÓI XEM VOI

Ông nào cũng chưa từng một lần nhìn thấy con voi nên không biết hình thù nó ra sao. Bỗng nghe dân tình kháo nhau có người đang dắt voi đi ngang qua làng. Năm ông thầy bói chung tiền vào đưa cho người quản voi bảo họ cho voi dừng lại để xem.

Ông sờ vòi, ông sờ ngà, ông thì sờ chân, ông thì sờ tai còn ông thì sờ đuôi. Sau khi sờ voi kĩ lưỡng thì 5 ông thầy lần lượt phán.

Thầy sờ vòi của voi thì phán:

– Tôi cứ tưởng con voi nó thế nào chứ hóa ra nó cũng sun sun như con đĩa thôi

Thầy sờ ngà voi thì lại phán:

– Tôi thấy nó đầu có như con đĩa, nó dài dài cứng cứng như cái đòn càn

Tiếp đến thầy sờ tai thì phán:

– Không phải, nó bè bè như là cái quạt thóc

Thầy sờ chân voi phản ứng ngay:

– Các ông đều sai hết, nó sừng sững như là cái cột đình vậy

Cuối cùng thầy sờ đuôi phán:

– Bốn ông chả ai nói đúng cả, tôi thấy nó tua tủa như là cái chổi xể cùn

Năm ông thầy mỗi ông một ý, không ông nào chịu nhường ông nào cả nên nhảy vào cãi lộn rồi xô xát đến mức sứt đầu mẻ trán.

Nhiệm vụ 1: HS theo dõi câu chuyện và trả lời các câu hỏi GV đưa ra. (?) Tại sao các ông thầy bói lại xô xát đến mức sứt đầu mẻ trán? (?) Sự bất đồng ý kiến thể hiện ở những câu nói nào? Hãy liệt kê những câu nói ấy và phân loại những câu nói vừa tìm được theo 2 tiêu - Câu nói mang tính xác nhận khẳng định. - Câu nói mang tính bác bỏ phủ định Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS liên hệ kiến thức đã học, suy ngẫm và chọn lọc thông tin. - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời bất kì 2-3 HS trình bày trước lớp. - GV yêu cầu HS khác lắng nghe và nhận xét câu trả lời của các bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức - GV mở rộng lấy ví dụ phân biệt giữa câu khẳng định và câu phủ định.	I. Khái niệm 1. Ngữ liệu - Các ông thầy bói xô xát đến mức sứt đầu mẻ trán vì ai cũng cho rằng mình đúng khi nói về con voi. - Người nói sau thì phủ nhận người nói trước, người nói sau cùng thì phủ nhận tất cả: - Người thứ nhất : – Tôi cứ tưởng con voi nó thế nào chứ hóa ra nó cũng sun sun như con đĩa thôi. ☐ Một lời khẳng định - Người thứ hai: Tôi thấy nó đâu có như con đĩa ☐ Bác bỏ, phủ định ý kiến của người trước. - Người thứ ba: – Không phải, nó bè bè như là cái quạt thóc ☐ Bác bỏ, phủ định ý kiến của người trước. - Người thứ 4: – Các ông đều sai hết, nó sừng sững như là cái cột đình vậy ☐ Bác bỏ, phủ định ý kiến của người trước. - Người thứ 5: – Bốn ông chả ai nói đúng cả, tôi thấy nó tua tủa như là cái chổi xể cùn. ☐ Bác bỏ, phủ định ý kiến của 4 người trước.

a) Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi b) Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào yên tĩnh cả... c) Mùa nước nổi xưa kia hay mùa lũ theo cách gọi hiện nay, không là mối lo ngại cho nông dân vùng châu thổ Cửu Long..... Trả lời: a. - <i>Phủ định bác bỏ</i> b - <i>phủ định miêu tả</i> c - <i>không phải câu phủ định.</i> Nhiệm vụ 2: Vận dụng kiến thức về câu khẳng định và câu phủ định để đặt câu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ sau: <i>Lấy một ví dụ về câu khẳng định hoặc câu phủ định.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ HS vận dụng kiến thức đã học và đặt câu GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận	Sự bức tức của các thầy bói cứ tăng dần lên theo từng lời đối thoại của người khác, đẩy mâu thuẫn và sự hài hước lên một bước cao hơn. 2. Khái niệm: a. Câu khẳng định - Khái niệm: là câu dùng để thông báo, xác nhận sự tồn tại của một sự vật, sự việc nhất định. - Về hình thức: Câu khẳng định thường không chứa các từ ngữ mang ý nghĩa phủ định.. Tuy nhiên trong một số trường hợp, câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức “phủ định của phủ định”, tức là lặp hai lần từ ngữ mang nghĩa phủ định. - Ví dụ: Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, không ai không từng ăn trong tết Trung thu...(Băng Sơn) - Hoặc đặt các từ ngữ mang nghĩa phủ định sau một từ ngữ phiếm chỉ (ai, gì, nào,...) b) Câu phủ định - Khái niệm: Câu phủ định là câu dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc hoặc bác bỏ một ý kiến, một nhận định nào đó. - Về hình thức, câu phủ định thường có các từ ngữ mang nghĩa phủ định như: không, chưa, chẳng, không phải, chẳng phải, đâu (có), có....đâu, làm gì, làm sao,... - Ví dụ: +“Bác chưa hát vì chưa có người nghe” (Thạch Lam) + “Lạy chị, em nói gì đâu!” (Tô Hoài) 3. Bài tập - Câu do học sinh đặt - Bài tập 3, trang 67,68: a. Không ai không muốn đuổi chúng đi.
---	--

GV mời một số học sinh trình bày kết quả. GV yêu cầu HS lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét và làm rõ hai kiểu câu để học sinh nắm được và yêu cầu học sinh làm bài tập 3 trang 67,68. HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cặp đôi trong thời gian 3 phút. HS báo cáo, GV nhận xét.	b. Không có ngày nào Thị Nở không đi qua vườn nhà hắn. c. Từ đấy, không ngày nào Hoài Văn không xuống các thôn xóm, vận động bà con đứng lên cứu nước.
--	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1.Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về bài học *Thực hành tiếng Việt – Câu khẳng định và câu phủ định*.

2. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện phần Luyện tập theo bài học

3. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phân nhóm cho HS làm bài tập thực hiện nhanh tại lớp.

N1: Bài tập 1- a,b

N3: Bài tập 2- a

N2: Bài tập 1- c,d

N3: Bài tập 2- b

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và đặt câu .

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời một số học sinh trình bày kết quả.

- GV yêu cầu HS lắng nghe, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Câu 1. Tìm câu khẳng định và câu phủ định trong những câu dưới đây. Chỉ ra đặc điểm về ý nghĩa và hình thức của mỗi câu.

- a. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác. (Ngô gia văn phái)
- b. Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. (Ngô gia văn phái)
- c. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. (Ngô gia văn phái)
- d. Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận. (Ngô Tất Tố)

Câu trả lời:

- a. Câu phủ định. Trong câu có từ "làm sao". Câu xác nhận về việc người được nói đến không xác định, hiểu rõ về vấn đề gì đó.
- b. Câu khẳng định. Câu không chứa các từ ngữ phủ định. Câu xác nhận về việc vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân.
- c. Câu khẳng định. Câu không chứa các từ ngữ phủ định. Câu thông báo về hành động phải làm.
- d. Câu phủ định. Câu có từ "chưa". Câu xác nhận về việc chị Dậu vẫn còn đang giận.

Câu 2. Trong hai đoạn văn dưới đây (trích văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh của Ngô gia văn phái), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để khẳng định, để phủ định? Vì sao?

- a. Tổng đốc họ Tôn đem thử quân nhór nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?
- b. Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đề bệch ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?

Câu trả lời:

a. Câu phủ định: "Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi." do trong câu có từ mang nghĩa phủ định "chẳng".

• Câu để hỏi: "Tổng đốc họ Tôn đem thử quân nhór nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi?"; "Nhưng còn nhà nước của ta thì sao?"; "Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?" do trong 3 câu có chứa từ để hỏi và cuối câu có dấu "?"

b. Câu phủ định: "Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ?" do trong câu có từ mang nghĩa phủ định "chưa".

• Câu để hỏi: "Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đề bệch ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?" do trong câu có chứa từ để hỏi và cuối câu có dấu "?"

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về bài học *Thực hành tiếng Việt – Câu khẳng định và câu phủ định*.

2. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4- SGK trang 68.

3. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Bài tập: Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh (Ngô gia văn phái), trong đó có sử dụng câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức “phủ định của phủ định”.

GV hướng dẫn học sinh viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của bản thân sau khi học xong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh, trong đó có sử dụng câu khẳng định dưới hình thức “ phủ định của phủ định”.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và đặt câu, tạo lập văn bản.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV cho học sinh làm bài trong thời gian 2 ngày và nộp lại cho giáo viên.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, chữa bài làm của học sinh.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản:

BÊN BỜ THIÊN MẠC

(Trích) **Hà Ân**

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- + Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.
- + Nhận biết được nhân vật lịch sử và nhân vật hư cấu.

2. Về năng lực:

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản và tác dụng, ý nghĩa của những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.
- Phân tích được nhân vật, chi tiết, tình huống trong văn bản.

- Viết được đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào, kính yêu và biết ơn đối với anh hùng dân tộc.
- Sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu, giấy A0, ...

2. **Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động.

a. *Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức đã chuẩn bị bài vào nội dung của bài học.

b. *Tổ chức thực hiện:*

B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV tổ chức cho học sinh diễn tiểu phẩm

Tiểu phẩm: Hào khí Đông A

Nội dung: Trong dịp đầu xuân năm mới, ông nội dẫn các cháu đi thắp hương ở đền Trần – Nam Định. Ông nội kể cho các cháu nghe về triều đại nhà Trần, về 3 lần đánh thắng quân Nguyên Mông oanh liệt của nhà Trần.

Ông: Hôm nay nhân dịp đầu xuân năm mới, mỗi người con trên đất thành Nam đều hội tụ về đây nơi đền Trần linh thiêng để thắp nén nhang thơm dâng lên các vị vua nhà Trần cảm tạ công đức nhà Trần và cầu mong sức khỏe, công danh.

Cháu trai: Ông ơi! nơi này không khí thật cổ kính linh thiêng, khói nhang thơm ngát, dòng người tập nập mà không ồn ào vẫn yên tĩnh lạ thường.

Ông: xoa nhẹ mái tóc cháu và nhả nhả kể về chiến tích hào hùng của dân tộc khi 3 lần đánh tan quân Nguyên – Mông. Ông còn chỉ cho các cháu về dấu tích của cuộc kháng chiến đó là những cọc nhọn trên sông Bạch Đằng, về Hào khí Đông A và những cánh tay khắc chữ “Sát Thát”

Câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn khi 3 ông cháu đến thắp hương ở tượng đài Trần Hưng Đạo.

Ông: kể về vị tướng tài ba thời Trần, gạt bỏ đi hiềm khích để đoàn kết chung một lòng đánh giặc bảo vệ đất nước, một vị tướng già gần gũi và đối xử chân thành với nhân dân, quân lính. Trong các cuộc kháng chiến có biết bao vị tướng tài đã không tiếc thân mình hi sinh cho đất nước, phải kể đến Trần Bình Trọng.

Cháu gái: cháu nhớ câu nói nổi tiếng của ông khi bị tướng giặc bắt : "Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc".

Cháu trai: Tướng Trần Bình Trọng là vị tướng tài như thế nào? Xin mời các bạn cùng đến với bài học hôm nay “Bên bờ Thiên Mạc” của Hà Ân.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: diễn tiểu phẩm.

B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét, kết nối bài học.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. *Mục tiêu:* HS nêu được những nét chính về nhà văn Hà Ân và đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật đoạn trích văn bản “ Bên bờ Thiên Mạc ”.

b. *Tổ chức thực hiện:*

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung về TG, TP. Bước 1: G/v chuyển giao n/v: GV: Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về những hiểu biết chung về tác giả ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + H/s: làm việc cá nhân hoàn thành sản phẩm trước ở nhà. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày, HS khác nhận xét đánh giá. + Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả Hà Ân tên thật là Hoàng Hiễn Mô, (16 tháng 1 năm 1928 – 25 tháng 1 năm 2011 tại Hà Nội), quê ở Hà Nội; là một nhà giáo, nhà văn Việt Nam. Ông nổi tiếng với các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử, truyện kể lịch sử và dã sử.
Nhiệm vụ 1: Đọc. Bước 1: G/v chuyển giao n/v. GV: gọi hs đọc phần bối cảnh GV: yêu cầu khi đọc phần đọc hiểu: to rõ ràng, đúng giọng điệu của nhân vật. GV: gọi hs ứng với các vai trong truyện để đọc bài GV: gọi học sinh giải thích một số từ khó.	2. Tác phẩm a. Đọc, chú thích và tóm tắt - Nô ti - Quốc công - Thượng tướng quân - Địa danh Thiên Mạc - “Sát Thát”

GV: gọi HS tóm tắt văn bản

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc bài

Bước 3: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét về cách đọc của HS

GV (mở rộng): Sông Thiên Mạc là tên cổ của sông Châu Giang nằm ở phía Bắc của tỉnh Hà Nam, là ranh giới tự nhiên giữa hai huyện Duy Tiên và Lý Nhân. Sông Thiên Mạc nối sông Hồng, sông Đáy và sông Nhuệ.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, trên bãi sông Thiên Mạc đã diễn ra những trận đánh thắng lớn của quân đội nhà Trần và tướng quân Trần Bình Trọng. Đây cũng là đường lui của triều đình theo đường thủy theo sông Châu về Tức Mặc - Thiên Trường (Nam Định, quê hương gốc của dòng họ nhà Trần) xây dựng căn cứ trong chiến tranh, là kinh đô thứ hai, nơi nghỉ ngơi của các Thái Thượng hoàng.

Người nào cũng thích vào cánh tay hai chữ "Sát Thát", nghĩa là giết giặc Mông Cổ.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: G/v chuyển giao n/v.

GV: tổ chức thảo luận cặp đôi

? Em hãy hoàn thành phiếu học tập số 1 (phụ lục).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Hs trình bày, hs khác nhận xét.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức

b. Tìm hiểu chung văn bản

- **Hoàn cảnh sáng tác:** truyện lịch sử kể về vị tướng Trần Bình Trọng tài năng đã hy sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ 2 (năm 1285) khi ông mới 26 tuổi.

- **Xuất xứ:** trích trong truyện “Bên bờ Thiên Mạc”.

	- Thể loại: truyện lịch sử - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Hoàng Đồ được giao nhiệm vụ + Phần 2: Trần Bình Trọng nhận Hoàng Đồ làm em.
--	--

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: phát phiếu học tập số 2, Tổ chức thảo luận nhóm B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc nhóm - GV theo dõi, quan sát, gợi ý B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày, hs khác nhận xét. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức + HS điều chỉnh sản phẩm (nếu cần). + GV: Trong truyện Nhân vật Hoàng Đồ còn trẻ tuổi có lòng yêu nước, sẵn sàng tham gia nhiệm vụ khó khăn nguy hiểm, đây cũng là nhân vật đại diện cho tầng lớp nhân dân, nô lệ trong xã hội cũ khi có giặc ngoại xâm đều sẵn lòng phục vụ đất nước. Truyện lịch sử ngoài những nhân vật chính, nhân vật lịch sử có thật còn có các nhân vật hư cấu mang ý nghĩa tượng trưng đây là đặc trưng nổi bật của thể loại này.	II. Đọc hiểu văn bản. 1. Nhân vật Đồ Hoàng - Nhiệm vụ của Hoàng Đồ là giao một đạo lệnh bí mật bọc sấp cho Thượng tướng quân Trần Quang Khải. - Đây là nhiệm vụ rất quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp tới sự an nguy của vua Nhà Trần. Hoàng Đồ rất dũng cảm, vượt qua nguy hiểm để hoàn thành nhiệm vụ - Lời nói: “<i>Bố cháu dạy cháu phải trung với nước. Dù có chết cho nước, cháu cũng không sợ, nhưng cháu sợ không đảm đương nổi việc này</i>”; “<i>Nuốt xong, cháu không chịu chết một mình đâu. Cháu sẽ xông vào chúng nó. May ra cháu đổi mạng cháu được vài mạng giặc</i>”; “<i>Nhưng nếu vào đất chết mà lại sống thì khi cháu gặp Thượng tướng quân cháu biết ăn nói làm sao?</i>” □ Hoàng Đồ rất nhanh nhẹn, mưu trí, thông minh và vô cùng can trọng. - Khi được tướng Trần Bình Trọng tặng quà và nhận làm em, Hoàng Đồ rất cảm kích, từ nay em không còn là thân phận nô lệ trở thành một người lính trẻ tuổi được giao phó trọng trách lớn lao, em rất hãnh diện về điều đó. □ Hoàng Đồ là nhân vật trẻ tuổi, rất nhanh nhẹn, thông minh và dũng cảm.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: phát phiếu học tập số 3, Tổ chức thảo luận nhóm B 2: Thực hiện nhiệm vụ	2. Nhân vật Trần Bình Trọng - Tướng Trần Bình Trọng là vị tướng tài, ông đã nhìn nhận ra những người lính tốt, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, ông đã nhận ra sự

- HS làm việc nhóm
 - GV theo dõi, quan sát, gợi ý
- B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
- Hs trình bày, hs khác nhận xét.
 - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).
- Bước 4: Kết luận, nhận định:**
- + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức
 - + Hs điều chỉnh sản phẩm (nếu cần)

nhANH NHẸN, mưu trí và thông minh của cậu bé chấn ngựa. Ông cảm thấy hạnh phúc khi có những người lính dũng cảm sẵn sàng hi sinh vì Tổ Quốc.

- Trước sự gần gũi của thượng tượng Trần Hưng Đạo với nhân dân, vị tướng trẻ còn thấy mình mình chưa đối xử rộng với các quân sĩ.

- Trần Bình Trọng cảm động trước lòng dũng cảm của Hoàng Đổ khi nhận giao nhiệm vụ.

- Trần Bình Trọng là người rất tình cảm, trọng nghĩa tình. Ông biết nhiệm vụ của Hoàng Đổ rất nguy hiểm nên muốn động viên tinh thần cho cậu bé bằng một món quà ý nghĩa. Ông đã xóa 3 chữ “Quan Trung Khách” và nhận Hoàng Đổ làm em. Hành động này thể hiện rõ sự thấu hiểu của ông với lính của mình. Món quà vô giá xóa bỏ thân phận nô lệ cho 1 em bé nhỏ.

- Trần Bình Trọng là một vị tướng giỏi, dũng cảm, điều binh khiển tướng chọn quân sĩ tốt, trân trọng những đóng góp của nhân dân. Luôn luôn học hỏi. Ông là người trọng nghĩa tình, hiểu rõ giá trị của tự do, và gần gũi với quân sĩ, nhân dân.

GV (mở rộng) cho HS xem video về Trần Bình Trọng

? Cảm xúc của em sau khi xem xong video về người anh hùng dân tộc Trần Bình Trọng.

HS: xem video và trả lời câu hỏi



TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhận xét khái quát về nghệ thuật và nội dung ý nghĩa của văn bản?</i> B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lv cá nhân, trình bày theo ý hiểu. - GV theo dõi, quan sát. B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày, hs khác nhận xét. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 4: Đánh giá - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức. Hs điều chỉnh sp nếu cần	III. Tổng kết : 1. Nghệ thuật: - Cách kể chuyện lịch sử hào hứng và đầy thú vị. - Nhà văn Hà Ân có vốn kiến thức lịch sử sâu sắc, cùng với bút pháp, văn phong sinh động, Hà Ân đã tạo được không khí cho câu chuyện và hấp dẫn bạn đọc. - Đoạn trích mang văn phong lịch sử với cốt truyện, bối cảnh nhân vật lịch sử có thật và nhân vật hư cấu (cha con Đỗ Hoàng) 2. Nội dung: Đoạn trích ca ngợi vị tướng Trần Bình Trọng giỏi tài thao lược, dùng binh, cách ông ứng xử với nhân dân và yêu thương gần gũi nhân dân.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP VÀ Củng cố

a. Mục tiêu: HS nắm được những nội dung cơ bản nhất của bài và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn

b. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1:

GV tổ chức lớp chơi trò chơi lật mảnh ghép

HS: 2 hs dẫn chương tình

HS: trả lời câu hỏi.

	Câu hỏi 1. Tác giả của truyện “Bên bờ Thiên Mạc” là ai? Đáp án: Hà Ân
---	---

Câu hỏi 2: Trần Bình Trọng đã tặng gì cho Hoàng Đổ (em bé chăn ngựa) A. Hạt ngọc trai xâu chỉ vàng B. Lắc bạc C. Một thanh kiếm D. Lột 3 chữ trên trán Đáp án : D. Lột 3 chữ trên trán	Câu hỏi 3: Đoạn trích liên quan đến sự kiện lịch sử nào? A. Kháng chiến chống quân Tống xâm lược B. Kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ 1 C. Kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ 2 D. Kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ 3 Đáp án: C. Kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ 2
Câu hỏi 4: Nhân vật có thật trong đoạn trích là A. Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng B. Trần Quốc Tuấn, Hoàng Đổ C. Cha con Hoàng Đổ Đáp án: A. Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng	Câu hỏi 5: Trần Bình Trọng là vị tướng như thế nào? Đáp án: Vị tướng tài của nhà Trần, gần gũi với quân sĩ và nhân dân, rất dũng cảm trong trận mạc và ngoan cường với quân giặc

Câu hỏi 6: Ý nghĩa món quà của Trần Bình Trọng với Hoàng Đổ.

Đáp án: - Đối với Trần Bình Trọng thể hiện tình cảm yêu thương gần gũi của ông với tướng lĩnh, thấu hiểu được lòng dân.
- Đối với Hoàng Đổ : thoát khỏi kiếp nô tì, tận lòng phục vụ cho triều đình, nhận được sự tin nghiệm từ tướng quân.

Bài tập 2. Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về tinh thần yêu nước của quân dân nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông lần thứ 2

HS: viết bài nộp qua zalo

GV: thu bài qua zalo và chấm điểm.

Phụ lục

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Em hãy hoàn thành các yêu cầu sau:

- Hoàn cảnh sáng tác:



- Xuất xứ:
- Thể loại:
- Phương thức biểu đạt:
- Bố cục:



Phiếu học tập số 2.

1. Nhiệm vụ của Hoàng Đổ là gì?
2. Tìm những chi tiết, hành động, lời nói đã thể hiện rõ phẩm chất của nhân vật.
3. Qua sự việc này em thấy Hoàng Đổ là người như thế nào?

Phiếu học tập số 3

1. Trần Bình Trọng có suy nghĩ gì về cậu bé chăn ngựa?
2. Ông đã tặng gì cho cậu bé?
3. Qua sự việc trên, em thấy Trần Bình Trọng là người như thế nào?

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

VIẾT: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

+ Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống.

2. Về năng lực:

* Năng lực riêng.

- Nắm được kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống

*** Năng lực chung:**

+ Phát triển năng lực tự học và tự chủ thông qua tìm kiếm tư liệu

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm kiếm thông tin, giải quyết các nhiệm vụ học tập

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua chia sẻ làm việc nhóm

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào, kính yêu và biết ơn đối với anh hùng dân tộc.

- Sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, giấy A0, ...

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ KHỞI ĐỘNG	
*Mục tiêu: - Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó. *Tổ chức thực hiện	
Tổ chức thực hiện	Kiến thức cơ bản
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh đọc bài thơ <i>Giới thay Trần Bình Trọng!</i> <i>Dòng dôi Lê Đại Hành.</i> <i>Đánh giặc dư tài mạnh,</i> <i>Thờ vua một tiết trung.</i> <i>Bắc vương sống mà nhục,</i> <i>Nam quý thác cũng vinh.</i> <i>Cứng cỏi lòng trung nghĩa.</i> <i>Ngàn thu tỏ đại danh.</i> Phan Kế Bính Chia sẻ những hiểu biết của em về nguồn gốc, xuất xứ của bài thơ trên?	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc cá nhân, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày. - GV: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá GV nhận xét và giới thiệu bài học.	
HD HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	
HD 1: Định hướng	
*Mục tiêu: - Giúp học sinh hình thành kiến thức, kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống *Tổ chức thực hiện	
Tổ chức thực hiện	Kiến thức cơ bản
Bước 1: G/v chuyển giao n/v: - Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1. Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 72-73), hãy cho biết: Thế nào là viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống? Kể những ra những vấn đề của đời sống cần quan tâm mà em biết. Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, các em cần làm gì? Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét đánh giá.	1. ĐỊNH HƯỚNG - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là trình bày ý kiến của người viết về một vấn đề. Vấn đề của đời sống có thể là một hiện tượng cụ thể có thật, có thể là một tư tưởng, đạo lí. Bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là bài văn thường tập trung làm sáng tỏ nội dung và ý nghĩa của một nhận định, một ý kiến về tư tưởng, tình cảm hay quan niệm về lối sống, cách ứng xử,... - Đề văn về tư tưởng, đạo lí thường nêu một câu danh ngôn, tục ngữ. ca dao,... nào đó để nêu lên yêu cầu. - Để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. các em cần chú ý: + Tìm hiểu kĩ nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí được nêu trong đề (thường qua việc giải thích, phân tích một nhận định, một danh ngôn).

+ Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần.	+ Trình bày rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về tư tưởng, đạo lí ấy và lí giải vì sao. + Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết: Căn cứ vào đề để xác định cách tìm ý cho phù hợp (đặt câu hỏi, suy luận, so sánh). + Sử dụng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để làm rõ ý kiến, tăng sức thuyết phục cho bài viết. Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. * Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận * Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. (Giải thích, biểu hiện, chứng minh, vai trò, ý nghĩa, phê phán mặt trái của tư tưởng, đạo lí) * Kết bài: Khẳng định lại ý kiến; rút ra giải pháp cho vấn đề.
--	---

HD 2: Thực hành

*Mục tiêu:

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

*Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Kiến thức cơ bản
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 1: -Yêu cầu HS đọc đề bài. - Nhắc lại các bước viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí. - Bước chuẩn bị cần những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 1: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 1: - HS trình bày. - HS quan sát và tương tác.	2. THỰC HÀNH Đề bài: Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc." a. Các bước viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí. Bước 1: Chuẩn bị - Đọc kĩ và tìm hiểu để biết các thông tin: + Trọng tâm cần làm rõ: tinh thần bất khuất, không chịu sống nô lệ. + Kiểu văn bản chính: nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

Bước 4: Kết luận, nhận định 1:

- GV nhận xét và bổ sung. (chiếu pp)

+ Phạm vi bằng chứng cần huy động: bằng chứng thực tế; kiến thức lịch sử, địa lí và thơ văn liên quan (ví dụ: đoạn trích Bên bờ Thiên Mạc).

Xác định yêu cầu đề, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 2:

- HS trình bày những nội dung đã chuẩn bị theo PHT 01. Lập dàn ý theo PHT 02.

PHT 01:

Định hướng	Dự kiến
Câu nói của Trần Bình Trọng có ý nghĩa gì?	
Câu nói thể hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?	
Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử,...)?	
Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thế nào?	

PHT 02:

Tìm lí lẽ và bằng chứng cho bài văn nghị luận:

STT	Lí lẽ	Bằng chứng
1		
2		
...		

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**a. Tìm ý**

Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Câu nói của Trần Bình Trọng có ý nghĩa gì?

- Câu nói thể hiện tư tưởng, đạo lí sống nào? Tại sao có thể nói như vậy?

- Tư tưởng, đạo lí sống đó đã thể hiện như thế nào (trong cuộc sống, văn học, nghệ thuật, lịch sử,...)?

- Giá trị của tư tưởng, đạo lí sống vừa nêu là gì? Cần phê phán những biểu hiện ngược lại với tư tưởng, đạo lí sống trên như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 2: - Thảo luận nhóm bàn 7 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2: - HS lên bảng trình bày. - HS quan sát và nhận xét, tương tác Bước 4: Kết luận, nhận định 2: GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. (chiều pp)	b. Lập dàn ý - Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận. - Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự: (Giải thích, biểu hiện, chứng minh, vai trò, ý nghĩa, phê phán mặt trái của tư tưởng, đạo lý) để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. - Kết bài: Câu nói thể hiện tinh thần bất khuất, tiết trung. không chịu sống nô lệ của Trần Bình Trọng + Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay.
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 3: 1. Dựa theo dàn ý viết bài. 2. Sửa lại bài sau khi đã viết xong. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 3: - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 3: - HS trình bày. Bước 4: Kết luận, nhận định 3: GV nhận xét và bổ sung kiến thức. (nếu cần)	Bước 3. Viết bài - Viết theo dàn ý - Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lý. - Quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận. - Giữa các đoạn văn cần có câu chuyển đoạn.
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 4: - Kiểm tra và sửa lại bài. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 4: - Học sinh làm việc cá nhân, tìm và sửa lỗi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 4: - HS trình bày các lỗi đã sửa. - HS quan sát và nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định 4: GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần).	Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa - Đọc và sửa lại bài viết.
PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT ☐ Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những nội dung ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải	

Phương diện kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra
Nội dung	Mở bài: Đã giới thiệu khái quát vấn đề cần bàn luận chưa? Thân bài: Có giải thích câu nói, chứng minh, bình luận câu nói để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài - Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục không? - Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết hay chưa? - Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc không? Kết bài: Đã khẳng định ý nghĩa của câu nói chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa?
Hình thức	- Bài viết đã có đủ ba phần chưa? - Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không? Có những ý nào trùng lặp nhau không? - Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,... không?
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu cần đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 5: - HS trao đổi và rút ra các kỹ năng cần chú ý khi viết bài. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 5: - Học sinh làm việc nhóm đôi, ghi kết quả ra phiếu ht.. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 5: - HS trình bày. - HS quan sát và nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định 5: - GV nhận xét và bổ sung.	b. Rèn luyện kỹ năng viết: Quan hệ giữa vấn đề, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng: câu chuyển đoạn trong bài nghị luận - Cách thức Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phải gắn bó chặt chẽ với nhau. Vấn đề và ý kiến thường nêu khái quát ở phần mở bài; hoặc ở nhan đề bài viết. Cách nêu lí lẽ và bằng chứng. Cách chuyển đoạn.
--	---

HD LUYỆN TẬP

*Mục tiêu: - củng cố kiến thức tìm ý cho bài viết. *Tổ chức thực hiện	
Tổ chức thực hiện	Kiến thức cơ bản
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: - Hãy tìm ý cho đề bài Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh làm việc cá nhân, trả lời.	Bài tập: Dựa vào mục Tìm ý và lập dàn ý cho đề bài Suy nghĩ về câu nói của danh tướng Trần Bình Trọng: "Ta thà làm man nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc. hãy lập sơ đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS trình bày. - HS quan sát, tương tác. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần).	
HD VẬN DỤNG	
*Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.. *Tổ chức thực hiện	
Tổ chức thực hiện	Kiến thức cơ bản
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: - Viết câu chuyện đoạn.. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh làm việc cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS nộp bài. - GV quan sát và nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định: - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).	Bài tập: Viết câu chuyện đoạn từ phần 1 (giải thích câu nói) sang phần 2 (chứng minh)

* Hướng dẫn tự học ở nhà

Ngày soạn:

Ngày giảng:

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT

Tiết:.....

Nói và nghe:

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG NGƯỜI KHÁC GIỚI THIỆU

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nghe và tóm tắt được nội dung người khác giới thiệu.

- Biết cách ghi lại các ý chính theo hệ thống một cách phù hợp.

2. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin.

* Năng lực đặc thù

- Tóm tắt được nội dung người khác giới thiệu về một nhân vật lịch sử, một tiểu thuyết đã học hay đã đọc.

4. Về phẩm chất:

- *Nhân ái*: biết đề cao, trân trọng, tự hào trước lịch sử dân tộc với lớp lớp cha anh tài giỏi.

- *Chăm học, chăm làm*: có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm*: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gọi lên từ bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động : Xác định vấn đề (3 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức hoạt động khởi động:

GV chiếu một đoạn video thuyết minh về Trần Hưng Đạo

? Tập trung xem video và ghi lại những thông tin em Nghe được?

<https://www.youtube.com/watch?v=ZG7pJf4xzk4>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong thực tế cuộc sống, để nắm bắt và cập nhật được những thông tin hàng ngày đã và đang diễn ra, hay muốn tìm hiểu về một nhân vật lịch sử nào đó, chúng ta thường tìm hiểu bằng cách nghe người khác nói/ kể lại. Và làm thế nào để ta ghi nhớ được những thông tin đó thì một trong những kỹ năng cần thiết là Nghe. Vậy để nghe và tóm tắt lại những thông

tin từ người khác truyền tới một cách chính xác nhất ta cần chú ý điều gì, trình tự Nghe ra sao, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (18 phút)

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

- a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu rõ yêu cầu HS lựa chọn đề bài 1 và xác định các bước tiến hành. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung Nghe; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Ghi lên bảng.	1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành: Đề bài: Nghe và tóm tắt nội dung giới thiệu về nhân vật Trần Bình Trọng với câu nói bất hủ: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.” *Trong vai trò người nghe: Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt. - Lắng nghe nội dung trình bày: cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói. - Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày: + Căn cứ trên thực tế ý kiến của người phát biểu để ghi tóm tắt. + Tóm lược các ý chính dưới dạng từ, cụm từ. - Dùng các kí hiệu như các số thứ tự, gạch đầu dòng,... để thể hiện tính hệ thống của các ý kiến. Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa. - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa các sai sót (nếu có). - Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt. Trao đổi lại

những ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác.

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện việc Nghe - ghi chép: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, theo gợi ý * Mở đầu: Người nói nêu ý gì? (Giới thiệu về ai? Họ có gì đáng chú ý?) * Nội dung chính: - Người nói giới thiệu như thế nào về nhân vật? (danh tướng Trần Bình Trọng) - Người nói đã giới thiệu như thế nào về câu nói bất hủ của danh tướng: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.”. - Người nói có nhắc đến ý nghĩa của câu nói không? Phẩm chất của danh tướng đã được người Nói nhắc đến như thế nào? * Kết thúc: - Qua đó người nói cho ta thấy được hình tượng danh tướng hiện lên như thế nào? - Ta biết và học hỏi được điều gì từ danh tướng qua bài nói? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	2. Thực hành: Nghe thuyết minh về “Danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng”

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	
--	--

Hoạt động 3: Thảo luận nhóm

- a. Mục tiêu:** Hiểu được cách đánh giá bài nói/trình bày, phần tóm tắt.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ trình bày và phần Nghe tóm tắt của bạn theo phiếu đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận; + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	- Nội dung đạt được: Phần Nói: HS hiểu được bài. Nhiều em thuyết minh tốt - Nội dung còn hạn chế: Vài bạn còn hiểu mơ hồ Chưa tập trung vào trọng tâm của bài. Phần Nghe, tóm tắt: + Hầu hết các bạn đều tóm tắt được ý cơ bản. + Tuy nhiên vẫn có bạn do còn chọn những nội dung chưa trọng tâm nên ghi chép dài, không kịp bài Nói của bạn, dẫn đến ko ghi hết được các ý.

3. Hoạt động: LUYỆN TẬP (15 phút)

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói, luyện tóm tắt nội dung.
- b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, thực hành nói và nghe lại.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu :*Các bạn làm việc theo cặp: Một bạn Nói, một bạn Nghe và tóm tắt về một nội dung ngắn, một câu chuyện, một người bạn, một thầy cô giáo ...*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cặp đôi.
- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Hs báo báo kết quả
- Hs cả lớp khác lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

4. Hoạt động: VẬN DỤNG (8 phút)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu: *Đọc văn bản “Tức nước vỡ bờ” và trả lời câu hỏi*

Từ câu 1-7; Câu 8,9,10 về nhà làm.

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản *Tức nước vỡ bờ* có nhiệm vụ gì?

- A. Tóm tắt toàn bộ tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố
- B. Tóm tắt bối cảnh xảy ra trước đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*
- C. Tóm tắt câu chuyện bọn người nhà lí trưởng đánh trói anh Dậu
- D. Tóm tắt cảnh chị Dậu phải xoay xở vì suất SUU của chồng

Câu 2. Câu nào là câu phủ định trong những câu dưới đây?

- A. Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng
- B. Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?
- C. Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!
- D. U nó không được thế!

Câu 3. Câu nào là câu khẳng định trong những câu sau?

- A. Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khát...
- B. Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.
- C. Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.
- D. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng với diễn biến thái độ của chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*?

- A. Từ khản cầu run run đến thiết tha van xin.
- B. Từ thiết tha van xin đến liều mạng cãi lại bằng lí lẽ.
- C. Từ nhẫn nhịn đến phản kháng hết sức quyết liệt bằng lí lẽ.
- D. Từ nhẫn nhục đến phản kháng bằng lời và chống trả quyết liệt.

Câu 5. Nhận định nào sau đây không phải là nội dung của đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*?

- A. Vạch trần bộ mặt tàn ác của xã hội thực dân phong kiến đương thời.
- B. Phản ánh tình trạng người dân vùng quê nghèo cãi nhau vì chuyện nợ nần.
- C. Cho thấy lòng nhân hậu và sức sống mạnh mẽ của người phụ nữ nông dân.
- D. Chỉ ra nỗi cực khổ của người nông dân bị áp bức và chế độ sưu thuế bất công.

6. Trong đoạn trích, tác giả miêu tả gia cảnh của chị Dậu như thế nào?
 7. Em có nhận xét gì về tính cách tên cai lệ?
 8. Theo em, tình huống nào đã khiến chị Dậu vùng dậy chống trả quyết liệt với bọn tay sai?
 9. Diễn biến tâm lý và hành động bảo vệ chồng của chị Dậu được tác giả miêu tả như thế nào thông qua các từ ngữ xưng hô trong văn bản?
 10. Hãy viết một đoạn văn (8-10 dòng) trình bày ngắn gọn suy nghĩ của em về chị Dậu?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, viết và làm bài tập từ câu 1-7; Câu 8,9,10 thực hiện ở nhà.
- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Hs báo cáo kết quả
- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ VÀ HỌC BÀI SAU (2 phút)**

1. Suu tầm thông tin (bài viết, hình ảnh, video,...) về các tác giả (Ngô gia văn phái, Hà Ân, Ngô Tất Tố, Xéc-van-tét) và tác phẩm đã học trong Bài 8 từ nhiều nguồn khác nhau như sách, báo, Internet,...
2. Đọc toàn bộ tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng và một số chương của các tác phẩm Đánh nhau với cối xay gió, Bên bờ Thiên Mạc, Tắt đèn.
3. Suu tâm một số bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống và các bài

BÀI 9 NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: VẼ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA

- Lê Trí Viễn -

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.
- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.

2. Về năng lực

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ...
- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK.

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

3. Về phẩm chất

Yêu thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học; trân trọng những sáng tạo nghệ thuật và có ý thức gìn giữ giá trị của những sản phẩm đó.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (Thời gian: 13 phút)

- a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b. **Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV
- c. **Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm						
Nhiệm vụ : Tìm hiểu về luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân - nhóm để hoàn thành với phần câu hỏi gợi dẫn sau:	I. Kiến thức Ngữ văn: 1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng: - Luận đề: là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” (giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật) của tác phẩm đã nêu.) - Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. - Lí lẽ là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cần chặt chẽ, xác đáng. - Bằng chứng là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học (các hình ảnh, chi tiết, câu văn, câu thơ,... trong tác phẩm) được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu. 2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng: Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.						
<table><tr><th colspan="2">GÓC CHIA SẺ</th></tr><tr><td>1. Các em đã từng học những văn bản nghị luận văn học nào trong chương trình Ngữ văn ở lớp 6, lớp 7? Hãy nhớ lại và kể tên số văn bản nghị luận văn học mà em đã học, đã đọc.</td><td></td></tr><tr><td>2. Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận? Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng?</td><td></td></tr></table>		GÓC CHIA SẺ		1. Các em đã từng học những văn bản nghị luận văn học nào trong chương trình Ngữ văn ở lớp 6, lớp 7? Hãy nhớ lại và kể tên số văn bản nghị luận văn học mà em đã học, đã đọc.		2. Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận? Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng?	
GÓC CHIA SẺ							
1. Các em đã từng học những văn bản nghị luận văn học nào trong chương trình Ngữ văn ở lớp 6, lớp 7? Hãy nhớ lại và kể tên số văn bản nghị luận văn học mà em đã học, đã đọc.							
2. Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận? Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng?							

3. Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì?

4. SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản nghị luận?

- HS nghe câu hỏi, đọc phần *Kiến thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:

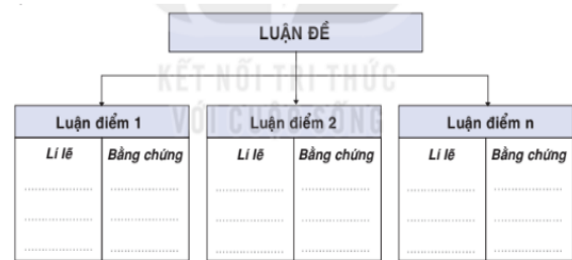
Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức □ GV ghi bảng.

GV chuyển dẫn vào bài.

Để hiểu rõ hơn về “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”, hôm nay, chúng ta đọc hiểu văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”. Khi đọc, các em chú ý xem tại sao văn bản này được coi là nghị luận văn học.

- **Luận điểm** gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lý để giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:



3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận

+ Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?

+ Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?

+ Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ cho luận đề như thế nào?

+ Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào?

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Thời gian: 90 phút)

I. TÌM HIỂU CHUNG

a. Mục tiêu: Giúp HS đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

Thao tác 1: đọc- chú thích

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

+ GV hướng dẫn cách đọc

+ Gv gọi HS đọc trước lớp, các bạn còn lại lắng nghe và đánh giá bài đọc của bạn dựa theo mẫu bảng sau:

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Đọc to, rõ ràng, trôi chảy		
Đọc đúng, không thêm từ, bớt từ.		

I. Tìm hiểu chung

1. Đọc, và tìm hiểu chú thích

Tốc độ, âm lượng đọc phù hợp.		
Giọng đọc diễn cảm, thể hiện được cảm xúc của nhân vật.		

- GV giải thích một số từ khó.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS theo dõi sgk
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá

Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

- Hs hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (làm ở nhà)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

-Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân

GV đặt câu hỏi gợi dẫn tìm hiểu về tác giả Lê Trí Viễn: Qua tìm hiểu bài ở nhà, hãy giới thiệu những thông tin về tác giả Lê Trí Viễn.

-Nhiệm vụ 2: GV tiếp tục tổ chức hoạt động nhóm đôi giúp HS tìm hiểu kiến thức về tác phẩm.

+ Văn bản “Về đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*” thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?

+ Văn bản gồm 3 phần. Nêu nội dung của từng phần?

Phiếu học tập số 1	
1. Thể loại:	
2. Dấu hiệu nhận biết thể loại:	
3. PTBD chính:	
4. Bố cục:	
Phần 1	
Phần 2	
Phần 3	
Phần 4	
Phần 5	

+ Thời gian: 3 phút

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Hs làm việc cá nhân
- GV quan sát

2.Tác giả, tác phẩm

a.Tác giả



Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam

- Là giáo sư, nhà giáo nhân dân, đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm Mác-xít trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực văn học Việt Nam hơn 40 công trình khoa học giá trị. Ông là hiệu trưởng sáng lập Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, một ngôi trường nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ đậu Đại học cao và lượng thủ khoa, á khoa các trường Đại học nhiều nhất nước. Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012. Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012.

-Một số tác phẩm tiêu biểu:

- + *Việt Nam Văn học sử - Thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ*. Nhà xuất bản Tinh Tiến, Liên khu V.
- + *Thánh Gióng*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- + Bình thơ xuân – 1986
- + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh – 1986,...

b. Tác phẩm

- Xuất xứ: Theo *Đến với thơ hay*, NXB Giáo dục. 1997
- Thể loại: Nghị luận văn học
- PTBD chính: nghị luận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức 1/ Tác giả: Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam - Là giáo sư, nhà giáo nhân dân, đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm Mác-xít trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực văn học Việt Nam hơn 40 công trình khoa học giá trị. - Ông là hiệu trưởng sáng lập Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, một ngôi trường nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ đậu Đại học cao và lượng thủ khoa, á khoa các trường Đại học nhiều nhất nước.^{[1][2]} Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012. - Một số tác phẩm tiêu biểu: + <i>Việt Nam Văn học sử - Thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ</i>. Nhà xuất bản Tinh Tiến, Liên khu V. + <i>Thánh Gióng</i>. Nhà xuất bản Giáo dục. + Bình thơ xuân – 1986 + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh – 1986,...	-Bố cục: gồm 5 phần • Phần 1: Giới thiệu bài thơ <i>Cảnh khuya</i>. • Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i>. • Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i>. • Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i>. • Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i>.
--	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

- GV hướng dẫn HS đọc và nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học;
- Chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.
- HS nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.
- Quan điểm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.

b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.

- Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận nhóm, kĩ thuật tia chớp, khăn trải bàn,...

- GV nêu ý kiến, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần).
- HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm, điền vào phiếu học tập.
- GV hướng dẫn HS đọc SGK, nêu ý kiến, giải thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập, sản phẩm của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
-------------------	----------

Nội dung 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về luận đề của văn bản.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Thảo luận nhóm đôi

Thời gian 5 phút

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

1. Văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya”* bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu để em có thể nhận ra nhanh nhất điều này?
2. Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự nào? Nêu tác dụng của việc phân tích theo trình tự đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi

*Dự kiến sản phẩm:

1 - Văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya”* bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya*.

- Em dựa vào nhan đề và phần 1 của văn bản để nhận ra nhanh nhất điều này.

2 - Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự các câu thơ trong bài thơ *Cảnh khuya*.

-Tác dụng: Việc phân tích theo trình tự các câu thơ trong bài thơ giúp bài phân tích có chiều sâu và phân tích được mạch cảm xúc mà tác giả bài thơ muốn thể hiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

Nội dung 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV áp dụng KỸ THUẬT KHẢN TRẢI BÀN

PHIẾU HỌC TẬP 2

- Yêu cầu Hs đọc kỹ các phần của văn bản. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:

Gợi câu hỏi

- a) Xác định nội dung chính của mỗi phần. Tính lô gích giữa các phần được thể hiện như thế nào?

1. Luận đề (Vấn đề nghị luận):

-**Luận đề:** Bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya*.

2. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:

- **Các luận điểm:** Bài viết có 5 luận điểm

+ Giới thiệu bài thơ *Cảnh khuya*.

+ Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*.

+ Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ *Cảnh khuya*.

+ Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ *Cảnh khuya*.

+ Sự cân bằng trong bài thơ *Cảnh khuya*.

-**Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**

- b) Chỉ ra một ví dụ thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung chính của một phần với lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong phần ấy.
- c) Nêu một điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

***Dự kiến sản phẩm:**

a. Nội dung chính của mỗi phần:

- Phần 1: Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.
- Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ Cảnh khuya.
- Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ Cảnh khuya.
- Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya.
- Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya.

Tính lô gích giữa các phần được thể hiện ở:

- Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục.
- Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.

b. Ví dụ: Phần 2 có nội dung chính là phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*. Trong phần này, tác giả tập trung phân tích vẻ đẹp của cảnh vật, thiên nhiên trong câu thơ thứ nhất của bài *Cảnh khuya*.

Lí lẽ:

- Câu thơ vang lên hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát.
- Tiếng suối rất trong ấy văng vẳng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại.
- Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tượng tượng mĩ lệ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã.

Dẫn chứng:

Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.

+ Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục.

+ Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.

- Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản:

Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya* của Bác.

Tác giả so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya với tiếng suối trong các bài thơ khác như tiếng suối trong bài Côn Sơn của Nguyễn Trãi, tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị. c. Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản là: Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Bác. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	
III. Tổng kết a) Mục tiêu: Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận (Nghị luận văn học). Và khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản “Về đẹp của bài thơ <i>Cảnh khuya</i>”. b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. * Phương pháp: Vấn đáp, TL nhóm. c) Sản phẩm: Các câu trả lời của học sinh d) Tổ chức thực hiện	
Nội dung 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu về những yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Thảo luận trong bàn trong 10 phút: - Hãy dẫn ra một đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ? - Một trong những cách bình luận thơ là so sánh sự thể hiện của tác giả này với tác giả khác về cùng một vấn đề. Em hãy nêu nhận xét về tác dụng của cách bình luận đó trong phần 2 văn bản Về đẹp của bài thơ “Cảnh khuya”. - Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả bài viết? - Chỉ ra những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản nghị luận văn học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thảo luận và ghi ragiây. - GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí - Lập luận chặt chẽ, sắc bén; thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí. - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu,... 2. Nội dung: Văn bản bàn về cái đẹp, cái hay ẩn sâu bên trong và dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ trong bài thơ Cảnh khuya. 3. Kỹ năng đọc văn bản nghị luận: - Xác định luận đề của văn bản. - Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề. - Chỉ ra các lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm. - Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản.

*Dự kiến sản phẩm 1. Đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ: <i>"Cho nên hạ một câu: "Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà" đâu phải mọi người đều nói được. Trong khi Bác nói một cách rất tự nhiên. Cái nhẹ nhàng, hồn nhiên và giản dị ấy ai ngờ lại hiện ngay trong cách ghép của tổ hợp từ này. Ta thường nghe nói nỗi nhớ, nỗi nhà, nỗi mình, còn nỗi nước nhà thì chưa thấy đâu nói. Bởi nó tiêu biểu, nó tập hợp ở đỉnh cao nhất mọi tình cảm và mọi nghĩ suy và điều đó chỉ có Bác Hồ nói là thích hợp nhất; nhẹ nhàng, hồn nhiên nhất. Kể cả cái lo không giấu giếm gì ấy cũng chẳng làm vẩn đục được ánh trắng sáng và tiếng suối trong ở trên. Bởi vì nó không làm xáo trộn được tâm hồn con người vĩ đại mặc dù niềm lo cho nước nhà ở năm 1947 là vô cùng to lớn, nặng nề. [...]"</i> -Tác giả đã tập phân tích nghệ thuật dùng từ "nỗi nước nhà" để làm nổi bật lên nội dung của bài thơ. 2. Bằng việc so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya của Bác với tiếng suối trong bài thơ của Bạch Cư Dị, Thế Lữ và tiếng suối trong thơ của Nguyễn Trãi, tác giả đã làm nổi bật lên cái hay, cái đẹp của tiếng suối trong thơ của Bác. Nếu tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị và Nguyễn Trãi nghe nhưng tiếng đàn, tiếng suối trong thơ Thế Lữ trong như nước ngọc tuyền thì tiếng suối trong thơ Bác lại là một tiếng hát, một tiếng hát trong trẻo, một tiếng hát như một hồi âm vọng về gọi lại trong kí ức. Tiếng suối của Bác thể hiện một tâm hồn đẹp của người thi sĩ. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thời gian: 25 phút)

- a. Mục tiêu:** Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.
 - b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.
 - c. Sản phẩm học tập:** Đáp án đúng của bài tập, sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.
 - d. Tổ chức thực hiện:**
- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

***Nhiệm vụ 1:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập:

? Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, cảm nhận của em về bài thơ Cảnh khuya có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy. Qua đó, em rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong 03 phút.

***Gợi ý:** Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, em cảm thấy có sự khác biệt rất lớn trong em về cách cảm nhận bài thơ này. Qua văn bản, em cảm nhận sâu hơn cái hay của bài thơ, rõ nét hơn dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ, cái tài của Bác trong nghệ thuật dùng từ. Bài phân tích của tác giả Lê Trí Viên xoáy sâu và nội dung vào từng từ ngữ, kết hợp với sự tưởng tượng của mình, ông đã tái hiện được hết vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên cảnh khuya, những cái hay ẩn sâu trong bài thơ Cảnh khuya.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

***Nhiệm vụ 2:** Vẽ sơ đồ tư duy bài học

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

- HS làm việc cá nhân: Hoàn thành sơ đồ tư duy về văn bản theo mẫu sau:

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi các HS nhận xét sơ đồ tư duy của các HS trên bảng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

Rubric đánh giá sản phẩm sơ đồ tư duy

Nội dung đánh giá	Mức đánh giá		
	(1)	(2)	(3)

Sơ đồ tư duy	- Phần thông tin: Chỉ nêu được một lí lẽ và bằng chứng. - Phần hình thức: Sơ đồ chỉ có 1 nhánh chính	- Phần thông tin: Chỉ nêu được hai – ba lí lẽ, chưa đủ bằng chứng. - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính và các nhánh phụ nhưng chưa được sắp xếp hợp lí	- Phần thông tin: Nêu được bốn lí lẽ, đủ bằng chứng. - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính, nhánh phụ, sắp xếp hợp lí.
--------------	---	--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Thời gian: 5 phút)

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

b) **Nội dung:** Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

* **Phương pháp:** Vấn đáp, TL nhóm,...

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện.**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- Tìm đọc tham khảo các bài viết nghị luận về bài thơ “Cảnh khuya” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân và thực hiện ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một số HS nêu suy nghĩ, việc làm.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Hướng dẫn học ở nhà

- Tìm hiểu đọc hiểu văn bản “Chiều sâu của truyện *Lão Hạc*” của tác giả Văn Giá, sgk/ trang 86-89.

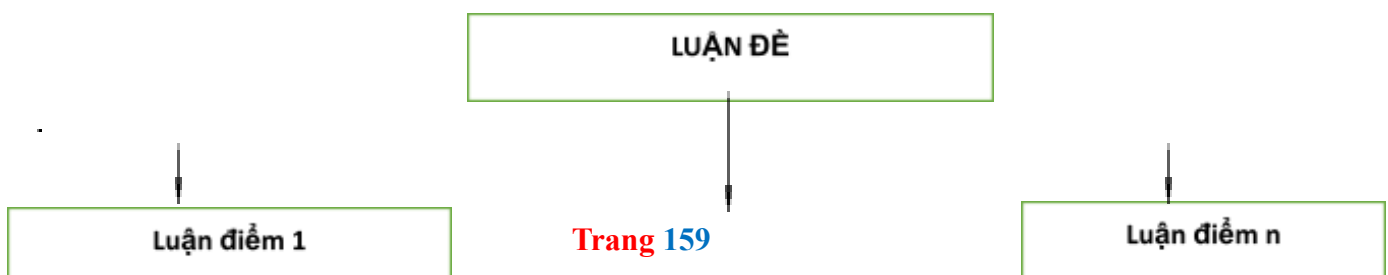
- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị đọc hiểu văn bản, câu hỏi giữa bài và câu hỏi cuối bài.

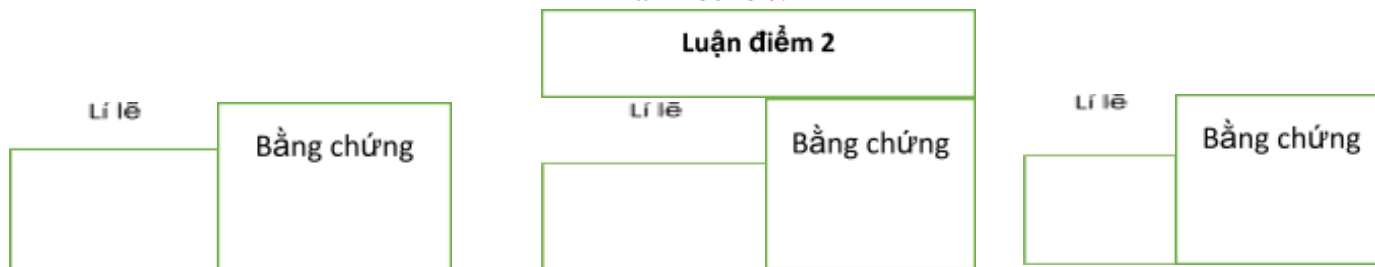
- Hoàn thành phiếu học tập sau:

Phiếu học tập số 1	
1. Xuất xứ?	
2. Thể loại?	
3. Bố cục?	
4. Lưu ý khi đọc văn bản?	

Phiếu học tập số 2

Đọc văn bản và hoàn thành sơ đồ sau





Bài 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đọc – hiểu văn bản 2: CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN “LÃO HẠC”

- Văn Giá -

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Tri thức về văn bản nghị luận (Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.
- Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản.
- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Văn Giá thể hiện qua văn bản.

2. Về năng lực

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ...
- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK.
- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

3. Về phẩm chất

- Nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ yêu thương mọi người xung quanh.
- Yêu nước: trân trọng tự hào về kho tàng văn học của cha ông để lại.
- Trung thực: trong học tập, trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và gia đình,...

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,...)
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi)
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Gv giao nhiệm vụ cho học sinh thông qua cuộc thi: *Thi kể tên những văn bản nghị luận mà em đã học?*
- HS nhắc lại các kiến thức đã học ở buổi trước: *Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận? Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì? Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc theo cặp đôi: trao đổi, thống nhất ý kiến

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Hs trả lời các câu hỏi của giáo viên.
- GV quan sát, động viên khích lệ và hỗ trợ học sinh nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của các cặp đôi
- Gv nhận xét, định hướng, chốt kiến thức kiến thức, dẫn dắt sang nội dung bài học: Chúng ta sẽ đọc hiểu văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* để làm sáng tỏ các đặc điểm của văn bản nghị luận vừa nêu.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
Mục tiêu: Giúp HS - Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn Nội dung GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ. HS: Chuẩn bị ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nội dung 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS: Trình bày những thông tin chính về tác giả Văn Giá? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý: Tra cứu trên Google - HS: xem lại thông tin Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: Mời HS trình bày sản phẩm - HS: Đại diện trình bày thông tin về nhà văn	1. Tác giả  - Tên thật: Ngô Văn Giá - Sinh ngày: 07-05-1959 - Quê: Tân Yên- Bắc Giang

Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. GV bổ sung: - Bút danh khác của tác giả Văn Giá: Chung Sơn, Thuần Vũ - Sinh ngày: 07-05-1959. - Quê: Tân Yên- Bắc Giang. - Là PGS - TS Lý luận và nghiên cứu, phê bình Văn Học. Nguyên chủ nhiệm Khoa Viết văn, Báo chí- ĐH Văn hóa HN. Hiện là Chủ tịch Hội đồng khoa học Khoa Viết văn-Báo chí, Đại học Văn hoá Hà Nội. - Các tác phẩm và công trình đã công bố: + Một khoảng trời văn học (tiểu luận-phê bình) - NXB Giáo dục, 2000 + Vũ Bằng- bên trời thương nhớ (chuyên luận) - NXB Văn hoá- TT, 2000 + Vũ Bằng- Mười chín chân dung nhà văn cùng thời (Nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu) - NXB Đại học quốc gia, 2004 + Đời sống và đời viết (tiểu luận, phê bình-chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2005	- Là nhà lý luận, phê bình văn học.
---	--

- + Những biến đổi về giá trị văn hoá ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới
 - NXB Chính trị Quốc gia, 2007
 - + Viết cùng bạn viết (tiểu luận, phê bình-chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2010
 - + Người khác và tôi (tiểu luận, phê bình-chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2013
 - + Giáo trình Sáng tác truyện ngắn - NXB Lao động, 2015
 - + Trần gian muôn nỗi (Viết ngắn) - NXB Văn học, 2019
 - + Viết khi tâm đắc (Tiểu luận, phê bình, chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2020
- Và nhiều các đầu sách tham khảo bộ môn văn học dành cho các trường PTTH, CĐ và ĐH.

-> **Chuyển dẫn:** GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2

Nội dung 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.
- Chú ý quan sát các ô chỉ dẫn bên phải để dễ dàng hiểu nội dung văn bản hơn
- Nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích.
- Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 1, giao nhiệm vụ:

? Văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?

? Văn bản gồm mấy phần. Nêu nội dung của từng phần?

Phiếu học tập số 1

1. Xuất xứ	
------------	--

2. Tác phẩm

- a. Đọc và tìm hiểu chú thích
- b. Tìm hiểu chung về văn bản
 - Xuất xứ: “ *Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông*”, NXB Giáo dục, 1997
 - Thể loại: Nghị luận văn học.
 - Bố cục: 4 phần

2. Thể loại		+ Phần 1: từ đầu đến “...những hệ lụy của chúng”-> Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc + Phần 2: Tiếp theo đến “...các điểm nhìn khác”->Ý kiến 1 về tác phẩm Lão Hạc. + Phần 3: Tiếp theo đến “...từ điểm then chốt này”-> Ý kiến 2 về tác phẩm Lão Hạc. + Phần 4: Còn lại-> Khái quát lại văn bản.
3. Bố cục:		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **HS:**

+ Đọc văn bản

+ Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, hs trình bày ra phiếu cá nhân (tự chuẩn bị)

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận.

- **GV:**

+ Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

+ Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- **HS:** Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

- **GV:**

+ Nhận xét cách đọc của và định hướng cách đọc phù hợp cho HS.

+ Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

a) Mục tiêu:

- + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung và các đặc điểm nghệ thuật của văn bản từ đó thấy được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học
- + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.

b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm

d) Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nội dung 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu Hs hoạt động theo cặp đôi cùng bàn. - Dựa vào nhan đề và bố cục của văn bản, hãy chỉ ra vấn đề nghị luận và các luận điểm triển khai trong văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs: Trao đổi thảo luận theo bàn, ghi kết quả ra phiếu. - GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần) trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: + Yêu cầu đại diện hs lên trình bày. + Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). - HS: + Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. + Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục mới. Nội dung 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	1. Luận đề: - Luận đề: Giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm “Lão Hạc”. - Luận điểm: + Luận điểm 1: Nhà văn đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp tính cách nhân vật. + Luận điểm 2: Thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ lụy của chúng). 2. Mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản. - Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.

- Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 2,3. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:

- Luận điểm phần này có mối quan hệ như thế nào với vấn đề nghị luận(luận đề)?
- Xác định lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm 1?
- Nhận xét về cách trích dẫn và phân tích bằng chứng của người viết ở luận điểm 1?
- Luận điểm 2 được trình bày trong phần 3 góp phần làm sáng tỏ luận đề như thế nào?
- Nhận xét về cách lập luận sử dụng trong luận điểm 2?

Phiếu học tập số 2

	Lí lẽ	Bằng chứng
Luận điểm 1		
Luận điểm 2		

2.1 Luận điểm 1

- Lí lẽ và bằng chứng

Lí lẽ	Bằng chứng
Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện	Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện.
Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này.	Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật.
Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác.	Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện.

=>Người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản rất thuyết phục, xác thực và trình bày theo trình tự rất hợp lí. Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng ngay sau luận điểm chính mà nhờ đó vấn đề nghị luận được làm sáng rõ hơn.

2.2. Luận điểm 2.

- Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ lụy của chúng).

- Cách lập luận: Chặt chẽ giúp làm rõ hơn giá trị tư tưởng trong tác phẩm “Lão Hạc”.

3. Khái quát vấn đề nghị luận

- Vấn đề nghị luận được khẳng định: Truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện.

- Trình tự phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* trong văn bản này giống với trình tự phân

Nội dung 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 4. - Phần 4 khái quát điều gì? - Vấn đề nghị luận được khẳng định như thế nào? - Trình tự phân tích truyện ngắn Lão Hạc trong văn bản này có giống với trình tự phân tích bài thơ Cảnh khuya trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” không? Hãy nêu một số biểu hiện cụ thể Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs đọc lại phần 4 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung - Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Hs: bổ sung ý kiến - Gv nhận xét, chốt kiến thức: Văn bản đã thể hiện rõ tình cảm trân trọng, mến phục của người viết đối với tài năng nghệ thuật của Nam Cao.	tích bài thơ <i>Cảnh khuya</i> trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ <i>Cảnh khuya</i>. - “Truyện <i>Lão Hạc</i> thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mệnh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.”
III. Tổng kết a) Mục tiêu: Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận (Nghị luận văn học) b) Nội dung: <i>Hướng dẫn học sinh</i> trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để củng cố khắc sâu kiến thức về bài nghị luận văn học c) Sản phẩm: Các câu trả lời của học sinh d) Tổ chức thực hiện	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. - Hãy nêu những kĩ năng đọc kiểu văn bản nghị luận văn học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trình bày cá nhân:	1. Nghệ thuật: - Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú. - Hệ thống lí lẽ, ý kiến rất thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí. 2. Nội dung - Tinh thần nhân vật, nhân đạo cao cả của tác phẩm <i>Lão Hạc</i>. 3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận. - Nêu luận đề của văn bản.

+ Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó + Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	- Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề. - Chỉ ra các lí lẽ, dẫn chứng (bằng chứng) và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn cho HS làm bài tập.

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của các bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

***GV phát phiếu học tập cho học sinh thảo luận cặp đôi**

Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nam Cao.

- Học sinh tiếp nhận, hiểu rõ yêu cầu của nhiệm vụ học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS:

- Suy nghĩ cá nhân và viết bài.

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trao đổi nhóm đôi -> Trình bày trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống

b) **Nội dung:** Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để tìm một số trường hợp ta sử dụng kiểu văn bản nghị luận văn học

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của hs

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

* Gv nêu nhiệm vụ học tập hs cần giải quyết :

- Tìm một số trường hợp sử dụng kiểu văn bản nghị luận văn học?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh trả lời câu hỏi.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh thảo luận theo tổ cử đại diện trình bày.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét
- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Tiếp tục ôn tập và tìm hiểu về kiểu bài nghị luận văn học
- Tìm đọc đầy đủ truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.
- Chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng việt”

Phiếu học tập số 1	
1. Xuất xứ	
2. Thể loại	
3. Bố cục:	

Gợi ý:

Phiếu học tập số 1	
1. Xuất xứ	“ Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông”, NXB Giáo dục, 1997
2. Thể loại	Nghị luận văn học
3. Bố cục:	4 phần + Phần 1: từ đầu đến “...những hệ lụy của chúng”-> Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc + Phần 2: Tiếp theo đến “...các điểm nhìn khác”-> Ý kiến 1 về tác phẩm Lão Hạc. + Phần 3: Tiếp theo đến “...từ điểm then chốt này”-> Ý kiến 2 về tác phẩm Lão Hạc. + Phần 4: Còn lại-> Khái quát lại văn bản.

Phiếu học tập số 2		
	Lí lẽ	Bằng chứng
Luận điểm 1		
Luận điểm 2		

--	--	--

Gợi ý:

Phiếu học tập số 2		
	Lí lẽ	Bằng chứng
Luận điểm 1	- Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện - Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. - Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác.	- Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. - Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật. - Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện.
Luận điểm 2	- Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện	- Lựa chọn giữa cái sống và cái chết của Lão Hạc cùng những hệ lụy của chúng.

Ngày soạn:

BÀI 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Tiết:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**THÀNH PHẦN BIỆT LẬP TRONG CÂU****I. MỤC TIÊU****1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được các thành phần biệt lập trong câu (TP gọi – đáp, cảm thán, tình thái, chuyển tiếp, phụ chú)
- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có các thành phần biệt lập trong câu

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.
- Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a. *Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về các thành phần biệt lập trong câu kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.
- b. *Nội dung:* Giáo viên cho học sinh xác định các thành phần biệt lập trong câu và nêu vai trò của từng thành phần câu.
- c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh
- d. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Kết quả cần đạt
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP Bước 1. GV đưa yêu cầu: Hãy xem video và cho biết: Các nhân vật nói với chúng ta về những cảm xúc gì? Cảm xúc đó được thể hiện bằng những từ ngữ nào? Bước 2 + HS xem video, suy nghĩ, làm việc cá nhân. Bước 3 + HS trình bày. + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học <i>Trong cuộc sống, mỗi người đều có những cảm xúc trước một tình huống nào đó. Cảm xúc ấy được thể hiện qua nhiều các hành động, ngôn từ: a, ô, ôi chao, ơ kìa, trời ơi...</i> <i>Vậy, những từ đó khi dùng trong câu là để bộc lộ cảm xúc, được gọi là thành phần cảm thán. Nó chính là một trong những thành phần biệt lập trong câu - là</i>	- HS xác định: Vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên...

nội dung của bài học hôm nay. Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu về “Thành phần biệt lập” nhé!

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu:

- Hiểu, nhận biết được các thành phần biệt lập trong câu.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về các thành phần biệt lập trong câu vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1:

1. Xem lại phần chuẩn bị bài ở nhà, trao đổi với bạn bên cạnh (2 phút) thống nhất phần tìm hiểu các thành phần biệt lập trong câu bằng sơ đồ tư duy.

Bước 2:

- HS trao đổi, thảo luận.
- Cử đại diện báo cáo kết quả.

Bước 3:

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến SP:

Có 5 thành phần biệt lập trong câu:

- TP gọi đáp
- TP cảm thán
- TP tình thái
- TP chuyển tiếp
- TP phụ chú

Hiểu được cách dùng, công dụng của các TPBL.

***GV đưa thêm một số ví dụ, yêu cầu hs nhận biết để khắc sâu KT.**

I. Kiến thức cơ bản

Thành phần biệt lập là những thành phần nằm ngoài cấu trúc cú pháp chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ... của câu và không tham gia vào việc diễn đạt sự việc trong câu.

Có 5 thành phần biệt lập:

- TP gọi đáp
- TP cảm thán
- TP tình thái
- TP chuyển tiếp
- TP phụ chú

? Xác định các từ in đậm trong các câu sau có tác dụng gì? Thuộc tp biệt lập nào?

- a) Với lòng mong nhớ của anh, **chắc** anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.
- b) **Trời ơi!** Chỉ còn có 5 phút!
- c) Hoàng **ơi!** Ra công viên chơi đi?
- **Ừ!** Chờ tớ 1 tí nhé!
- d) Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm.
- e) Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo: “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”. **Điều đó cũng dễ hiểu thôi...**

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

- a) “Chắc”: thể hiện độ tin cậy: Tình thái
- b) “Trời ơi!”: Bộc lộ cảm xúc tiếc nuối: cảm thán.
- c) “Ơi, ừ” gọi đáp
- d) “Tôi nghĩ vậy”: giải thích: tp phụ chú
- e) “Điều đó cũng dễ hiểu thôi...” chuyển tiếp ý trước đó: tp chuyển tiếp.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về các thành phần biệt lập trong câu.

b. Nội dung: Học sinh làm tập SGK phần Thực hành tiếng Việt

c. Sản phẩm: Phần bài tập hs đã làm.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1, áp dụng KT Think – Pair – Share.

Bước 1:

1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1(SGK), phát phiếu bài tập, HS hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu trong 2 phút, sau đó đổi bài theo cặp đôi và chấm chéo.

Câu 1. Tìm thành phần gọi - đáp, thành phần cảm thán trong các câu dưới đây. Nêu ý nghĩa của mỗi thành phần đó.

- a. Ô, bác vẽ cháu đấy ư? (Nguyễn Thành Long)

II. Thực hành:

Bài tập 1

- a. Thành phần cảm thán: **Ơ:** bộc lộ cảm xúc của người nói.
- b. Thành phần gọi - đáp: **Này:** duy trì quan hệ giao tiếp.
- c. Thành phần gọi - đáp: **Thưa ông:** duy trì quan hệ giao tiếp.
- d. Thành phần cảm thán: **Trời ơi:** bộc lộ cảm xúc của người nói.

- b. Nay, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. (Ngô Tất Tố)
- c. Thừa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. (Kim Lân)
- d. Trời ơi, chỉ còn có năm phút! (Nguyễn Thành Long)

Câu	TPBL	Từ ngữ thể hiện?	Công dụng
a			
b			
c			
d			

Bước 2:

- HS hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo

Bước 3:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4:

- GV đánh giá, nhận xét
- GV chốt kiến thức

Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2, 3

Bước 1:

GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, yêu cầu các nhóm hoàn thành BT 2, 3, sau đó trao đổi, đánh giá, nhận xét và thống nhất đáp án đúng cho mỗi câu.

Vòng 1: Đào tạo chuyên gia (các nhóm đánh số 1,2 cho các thành viên trong nhóm)

- Nhóm 1,2: làm BT 2
- Nhóm 3,4: làm BT 3

Vòng 2: Lập nhóm mới

- Số 2 của nhóm 1 kết hợp số 1 của nhóm 3
- Số 2 của nhóm 2 kết hợp với số 1 của nhóm 4

Bài tập 2

Câu	Tp phụ chú	Dấu hiệu hình thức	Công dụng

Câu 2: Tìm thành phần phụ chú trong những câu dưới đây. Dấu hiệu hình thức nào giúp em nhận biết thành phần đó? Các thành phần phụ chú đó được dùng làm gì?

a. Trên nền im lặng bao la ấy nổi bật lên một âm thanh văng vẳng mơ hồ nhưng êm dịu như một tiếng hát xa – tiếng suối ... (Lê Trí Viễn)

b. Câu thơ vang lên những hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát. (Lê Trí Viễn)

c. Vậy là không cần hành động, không cần biến cố (hai yếu tố này đã bị thiếu giảm tới mức tối đa), tác giả để cho tính cách nhân vật hiện lên qua hai cuộc trò chuyện, nhờ vào đó để triển khai tâm tưởng bề sâu của nhân vật. (Văn Giá)

Câu	Tp phụ chú. Từ ngữ thể hiện	Dấu hiệu hình thức	Công dụng
a			
b			
c			

Câu 3

Câu	TPBL nào?	Dấu hiệu hình thức Từ ngữ thể hiện?	Công dụng
a			
b			
c			
d			
e			

Bước 2:

- HS trao đổi, thảo luận.
- Đào tạo chuyên gia.

Bước 3:

- Lập nhóm mới.
- Trao đổi, thống nhất đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

a	tiếng suối	trước nó có dấu "-"	giải thích
b	tiếng suối và tiếng hát	dấu hai chấm	giải thích
c	hai yếu tố này đã bị thiếu giảm tới mức tối đa	được đánh dấu bằng dấu ngoặc đơn	giải thích

Bài tập 3

Câu	TPBL	Dấu hiệu hình thức Từ ngữ thể hiện?	Công dụng
a	Tình thái:	May ra, có lẽ	Đánh giá

- GV đánh giá, nhận xét - GV chốt kiến thức:	b	Chuyển tiếp:	Trước hết, thứ đến	Chuyển tiếp ý
	c	Tình thái:	Hình như	Đánh giá
	d	Tình thái:	Chắc	Đánh giá
	e	Chuyển tiếp:	Nói cách khác	Chuyển tiếp ý

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập mở rộng.

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập mở rộng.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV ra bài tập: Viết đoạn văn ngắn từ 4-6 câu trình bày cảm nhận của em về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất 2 TPBL mà em đã học. Chỉ ra các TPBL có trong đoạn văn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ
- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày kết quả
- HS nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Đoạn văn tham khảo

Văn bản “*Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa*” là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “*Tiếng gà trưa*”, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc, đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “*Bà ơi*” thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “*Vì*” ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp. *TPBL có trong đoạn: - Phụ chú: Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc - Chuyển tiếp: Đó là tình cảm chất chứa
---	--

* Dặn dò

- Ôn tập lại kiến thức về các thành phần biệt lập trong câu
- Hoàn thiện các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng vào vở.

Chuẩn bị bài THĐH: *Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh.*

- Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu thêm những VBNL viết về tp “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư.
- Vận dụng những tri thức đã có sau khi học bài thơ “Nắng mới” (Bài 2 – NV 8, tập 1) để hiểu thêm về nội dung của VBNL này.
- Trả lời các câu hỏi bên cạnh mỗi phần nhỏ và các câu hỏi cuối VB.

Bài 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

(Thời gian thực hiện: tiết)

Tiết : Viết: Viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nắm được yêu cầu và cách làm kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.
- Biết xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.
- Năng lực riêng: Năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- a. *Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về tác phẩm kịch kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu bài.

b. *Nội dung*: GV nêu câu hỏi gợi dẫn, HS trả lời

c. *Sản phẩm*: Câu trả lời của HS

d. *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Em đã học các tác phẩm hài kịch nào? Nêu suy nghĩ của em về các tác phẩm đó?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch không phải đơn thuần chỉ là một bài văn nêu cảm nghĩ về tác phẩm mà nó yêu cầu các lý lẽ, lập luận, câu văn phải mạch lạc rõ ràng và sắc bén. HS phải nắm rõ các đặc điểm về thể loại, nghệ thuật cũng như đặc sắc của tác phẩm từ đó có thể thể hiện được góc nhìn cũng như cảm nhận của mình về tác phẩm. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm kịch.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. *Mục tiêu*: Nắm được yêu cầu khi làm văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch

b. *Nội dung*: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. *Sản phẩm*: HS trả lời các yêu cầu khi làm văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch

d. *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động định hướng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi: 1. Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch yêu cầu chúng ta làm gì? 2. Để viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch, chúng ta cần làm gì? Người viết có phải kể lại đơn thuần hoặc đưa ra nhận xét chung chung về tác phẩm đó không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - HS nhớ lại các văn bản hài kịch đã học - Dựa vào sgk trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	I. Định hướng 1. Yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch - Phân tích cả nội dung và nghệ thuật - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng...) trong việc biểu đạt nội dung. 2. Cách viết kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch - Xác định rõ yêu cầu nghị luận - Đọc lại tác phẩm - Xác định vấn đề cụ thể của bài viết - Thực hiện các bước theo quy trình viết bài văn nghị luận - Lựa chọn, sử dụng bằng chứng trong tác phẩm để lí giải, phân tích - Tránh kể lại đơn thuần hay nhận xét chung chung, thiếu thuyết phục.

GV: - Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV): - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.	
Hoạt động thực hành Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi: Yêu cầu HS đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” và thực hiện các yêu cầu trong sgk: 1. Chuẩn bị 2. Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý. 3. Sửa lại bài sau khi đã viết xong? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý. - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. - Sửa bài cho học sinh. Học sinh: - Hoàn thiện phiếu học tập - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa. - Tình huống của đoạn trích là gì? Có những nhân vật nào? - Các nhân vật có đặc điểm gì, đại diện cho kiểu người nào? - Hành động và lời thoại của các nhân vật được khắc họa ra sao? - Có những chi tiết vô lí, gây cười nào thể hiện tính hài kịch của đoạn trích?	II. Thực hành 2.1. Đề bài: Phân tích đoạn trích “Đổi tên cho xã” (từ vở kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ) a. Chuẩn bị - Nội dung: cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người, qua đó làm nổi bật lên một trong những thói hư tật xấu tồn tại trong xã hội là "Bệnh sĩ". - Nghệ thuật: + Xây dựng tình huống xung đột giàu kịch tính + Khắc họa tính cách nhân vật chân thực, độc đáo. b. Tìm ý và lập dàn ý * Tìm ý - Tình huống của đoạn trích: Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người. - Nhân vật: Ông Nha, Văn Sửu, ông Đốp, bà Đốp, ông Thành. - Đặc điểm nhân vật: + Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội. + ... - Hành động và lời thoại của các nhân vật: có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hùng Tâm; Ông Thành vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...

- Có những xung đột nào trong đoạn trích? Kết quả giải quyết là gì? - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích? - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: + Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV): - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	- Những chi tiết vô lí, gây cười thể hiện tính hài kịch của đoạn trích: Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo, cố nói những từ khoa học càng lộ ra sự thiếu hiểu biết như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo. - Những xung đột trong đoạn trích: mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa ảo tưởng và thực tế. => Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn. - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích: + Văn bản đã phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện. + Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. * Lập dàn ý - Mở bài: Giới thiệu đoạn trích Đổi tên cho xã; nêu ấn tượng, cảm nhận chung về đoạn trích - Thân bài: + Khái quát nội dung đoạn trích và nêu tình huống kịch + Lí giải xung đột và việc giải quyết xung đột thể hiện trong đoạn trích + Phân tích đặc điểm nổi bật của một số nhân vật, qua đó thấy được ý nghĩa của đoạn trích - Kết bài: Nhận xét về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; rút ra những bài học về nhận thức và hành động cho bản thân. c. Viết - Dựa vào dàn ý để viết thành bài văn hoàn chỉnh. d. Kiểm tra và chỉnh sửa - Đọc và sửa lại bài viết.
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
- Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
- Sản phẩm: Bài làm của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập: Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và cách phân tích bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn sau: “Nhân vật để lại ấn tượng... giấc mơ!”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**GV:** Hướng dẫn HS:

- Lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học phải xuất phát từ nội dung tác phẩm, làm rõ cho vấn đề trọng tâm đã nêu lên
 - Bằng chứng là những câu văn, câu thơ, hình ảnh, chi tiết, sự việc... được trích dẫn trực tiếp trong văn bản
 - Bằng chứng cần được chọn lọc để vừa tiêu biểu vừa phù hợp với lí lẽ và luận điểm, tránh trích dẫn tràn lan.
 - Bằng chứng sau khi trích phải được phân tích, lí giải, bình luận nhằm làm sáng tỏ luận điểm.
- HS:** Thảo luận nhóm bàn tìm các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Luận điểm	Lí lẽ	Bằng chứng
Nhân vật để lại ấn tượng nổi bật trong đoạn trích kịch <i>Đổi tên</i> cho xã là ông Nha – chủ tịch xã, một điển hình cho kiểu người háo danh, sĩ diện.	Là con người, ai cũng có những mong muốn, kì vọng nhưng nếu những mong muốn không xuất phát từ thực tế sẽ chỉ là ảo tưởng, cố theo đuổi bằng được ảo tưởng đó và tìm cách huyênh hoặc mình thì chẳng khác nào lừa người, lừa mình. Ông khao khát thay đổi hoàn cảnh nhưng lại không có phương pháp đúng. Làm gì có chuyện chỉ cần đặt lại cho xã cái tên mới thật kêu là mọi việc sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp như một giấc mơ!	Đưa ra việc ông chủ tịch xã dù thiếu hiểu biết nhưng nóng vội tuyên bố rằng “lịch sử xã ta mở sang một trang mới”, “chấm dứt cái tên ... nôm na của một quá khứ tối tăm, nghèo khổ”

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các dạng bài theo yêu cầu.
- Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

? Gv yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của một tác phẩm hài kịch đã học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**GV:** Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.**HS:** Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận****GV:** Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.**HS:** Nộp sản phẩm cho GV qua Padlet của cô giáo.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét bài làm của HS

***Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau:**

Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: Tiếp tục hoàn thiện các bài tập, luyện viết dạng bài nghị luận về tác phẩm kịch.

Chuẩn bị bài sau: Nói và nghe: Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Đọc nội dung kiến thức ngữ văn trong sgk.
- Chuẩn bị trước bài học theo định hướng trong sgk.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 9: VĂN NGHỊ LUẬN
(NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)

TRÌNH BÀY GIỚI THIỆU VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.
- Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.
- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;
- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

2. Về năng lực:

- Biết cách nói và nghe phù hợp, sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập

- Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.
- Nội dung: Tổ chức nghe video hoặc trò chơi, đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài học.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	HS Nghe, trình bày.

- Trong số những tác phẩm đã học, em ấn tượng nhất với tác phẩm nào? Chỉ ra vấn đề cụ thể của tác phẩm ấy mà em thấy quan tâm nhất? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ cá nhân và trả lời GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày GV: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS, dẫn vào bài.	
---	--

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

- Mục tiêu: HS xác định mục đích nói và nghe, chuẩn bị nội dung bài nói và nghe.
- Nội dung: HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
1. Định hướng	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS đọc thêm phần Định hướng, trả lời các câu hỏi. + <i>Vấn đề của tác phẩm văn học mà em định trình bày là gì? (HS gõ vào phần chat)</i> + <i>Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong tác phẩm văn học, các em cần làm gì?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ cá nhân và trả lời GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày GV: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, dẫn vào bài học.	- Xác định vấn đề: Lựa chọn vấn đề của tác phẩm văn học em định trình bày ý kiến. - Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần: + Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người. (Chú ý hệ thống bằng chứng cần đa dạng) + Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ (nếu có).

3. Hoạt động 3: Luyện tập, thực hành

- Mục tiêu: Nắm được các bước để chuẩn bị bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề của tác phẩm văn học thông qua phần thực hành đề bài: “*Giả sử trong buổi sinh hoạt ngoại khóa của lớp vào tuần tới, nhóm em đăng kí trình bày về một vấn đề của văn bản “Đổi tên cho xã” trích từ vở hài kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ, em sẽ trình bày bài giới thiệu của nhóm em như thế nào?*”

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
2. Thực hành	
a) Chuẩn bị	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS chuẩn bị ở nhà: + Dàn ý bài nói. + Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có). B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Làm việc cá nhân ở nhà và trả lời GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày GV: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức.	- Xem lại dàn ý đã làm ở phần Viết. - Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).
b) Tìm ý và lập dàn ý	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS gửi dàn ý bài nói lên padlet. - GV lựa chọn 1 bài bất kì và chữa cho cả lớp cùng quan sát. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Làm việc cá nhân và trả lời GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày GV: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức.	- Bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết). - Nếu trình bày ý kiến về một vấn đề khác với vấn đề ở phần Viết thì lập dàn ý cho bài nói.
c) Nói và nghe	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Dựa trên dàn ý đã sửa, HS trình bày trước lớp. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Làm việc cá nhân và trả lời GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận	Người nói: Dựa vào dàn ý, thực hiện việc trình bày ý kiến về vấn đề đã lựa chọn bằng lời trước tổ hoặc lớp. Chú ý đảm bảo nội dung và cách trình bày để bài nói trở nên hấp dẫn.

HS: Trình bày GV: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức.	Người nghe: Tóm tắt được nội dung chính mà người nói trình bày.
d) Kiểm tra và chỉnh sửa	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chỉnh sửa bài nói. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Chỉnh sửa cá nhân, chỉnh sửa theo nhóm và trước lớp. GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày GV: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức.	- Người nói: + Xem nội dung bài nói đã đủ ý chưa (Ý kiến về vấn đề trong tác phẩm thế nào? Lí lẽ ra sao? Có nêu được các bằng chứng cụ thể, đa dạng không?) + Rút kinh nghiệm về cách trình bày: Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ,... đã phù hợp chưa? - Người nghe: + Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin (ý kiến, lí lẽ và bằng chứng) của người nói. + Tập trung chú ý theo dõi người nói, nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ.

- Hướng dẫn về nhà:

GV hướng dẫn HS đọc thêm: các văn bản nghị luận về các vấn đề xã hội + chuẩn bị bài tổng kết và tự đánh giá.

BÀI 10 VĂN BẢN THÔNG TIN

Đọc hiểu văn bản 1:

“LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG”

TÁC PHẨM KHÔNG BAO GIỜ CŨ DÀNH CHO THIẾU NHI

(Thời lượng: 3 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách
- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin
- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- + Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Năng lực đặc thù:

- + Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách trong “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”- tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi;
- + Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”- tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi;
- + Phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thể hiện trong “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”- tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Tự hào về lịch sử dân tộc.
- Trách nhiệm: Có ý thức chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, màn hình ti vi
- Phiếu học tập
- Giấy A0, bút chì, màu vẽ

III. Tiến trình dạy học**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (8 phút)**

a. Mục tiêu: Huy động tri thức nền của HS về kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách và tác phẩm “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”, khơi gợi hứng thú khám phá bài học của HS.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề và KTDH KWL kích hoạt kiến thức nền của HS có liên quan đến kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách và tác phẩm “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”.

c. Sản phẩm: Những thông tin ban đầu về kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách và tác phẩm “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS thực hiện cá nhân (chỉ điền thông tin cột (1) (2); thông tin cột (3) sẽ điền sau khi đã đọc hiểu chi tiết văn bản.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1					
Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách			Tác phẩm “ <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i> ”		
(1) Những điều em đã biết	(2) Những điều em muốn biết	(3) Những điều em biết thêm sau khi học	(1) Những điều em đã biết	(2) Những điều em muốn biết	(3) Những điều em biết thêm sau khi học
.....					
.....					

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nhận phiếu HT và hoàn thiện thông tin trong phiếu (5 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chiếu phiếu HT của 2,3 HS bất kì, các HS khác quan sát, chia sẻ điểm khác so với bạn.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổng hợp ý kiến và dẫn dắt vào bài.

a. Mục tiêu: Huy động tri thức nền của HS về kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách, khơi gợi hứng thú khám phá bài học của HS.

b. Nội dung: GV sử dụng PHT kích hoạt kiến thức nền của HS có liên quan đến kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

c. Sản phẩm: Những hiểu biết của học sinh về kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

d. Tổ chức thực hiện:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG		
a. Mục tiêu: Học sinh có những hiểu biết ban đầu về văn bản “ Lá cờ thêu sáu chữ vàng”- tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi. b. Nội dung: GV tổ chức cho HS đọc văn bản, tìm hiểu chú thích, xuất xứ, mục đích, bố cục và kiểu văn bản. c. Sản phẩm: Học sinh đọc lưu loát, hình dung được nội dung chính từng phần của văn bản; câu trả lời đúng của học sinh về xuất xứ, kiểu văn bản, mục đích, bố cục của văn bản. d. Tổ chức thực hiện:		
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm
* NV1: Tìm hiểu chung về văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS thực hiện cặp đôi điền thông tin cột (1) (2) (3)		1. Kiến thức Ngữ văn
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
VĂN BẢN THÔNG TIN GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH HOẶC MỘT BỘ PHIM		
Mục đích	Cách thức trình bày	Vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhận phiếu HT và đọc SGK/103, thảo luận hoàn thiện thông tin trong phiếu (5 phút) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV chiếu phiếu HT của 2,3 cặp đôi bất kì, các HS khác quan sát, nhận xét, điều chỉnh, bổ sung vào phiếu học tập của mình(lưu phiếu làm hồ sơ học tập). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức như mục 1(SGK/103)		
* NV2: Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: rõ ràng, mạch lạc, chú ý hộp chỉ dẫn và các chú thích.		2. Văn bản

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc thay phiên, nối tiếp nhau từng đoạn nhỏ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lắng nghe hướng dẫn và thực hiện đọc theo phân công. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cùng HS khác nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cách đọc của HS; giải thích 1 số từ khó mà HS chưa hiểu. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đối chiếu với phần Thông tin Ngữ văn đã tìm hiểu để xác định: xuất xứ, kiểu văn bản, mục đích, bố cục của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lập suy nghĩ để trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức trên màn hình.	- Xuất xứ: theo sachhaynendoc.net, 23-5-2019 - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin - Mục đích: giới thiệu đến bạn đọc tác phẩm <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>. - Bố cục: 3 phần + P1 (từ đầu đến “lòng yêu nước cho các em”): Thông tin khái quát về tác phẩm “ <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>” + P2 (từ “ <i>Câu chuyện....bóng quân Nguyễn</i>”): giới thiệu nội dung chính của tác phẩm “ <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>” + P3 (phần còn lại): Đánh giá nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của tác phẩm “ <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>”
---	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

Giúp học sinh:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim được thể hiện trong “ *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”-*tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi*;
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản “ *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”- *tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi*;
- Phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thể hiện trong “ *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”-*tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi*.

b. Nội dung:GV sử dụng PPDH theo nhóm, DH hợp tác và KT chia nhóm, khăn trải bàn, động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu văn bản “ *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”-*tác phẩm không bao giờ cũ dành cho thiếu nhi*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân; sản phẩm phiếu học tập của cá nhân, của nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
* NV1: Tìm hiểu các thông tin trong văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia nhóm (4 nhóm theo tổ) và hướng dẫn HS thực hiện câu 2 SGK/108: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện ý chính và thông tin cụ thể làm rõ ý chính của mỗi phần trong văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chia nhóm theo tổ, phân công nhiệm vụ, căn cứ vào việc soạn câu 2 SGK/108 để thống	1. Các thông tin trong văn bản (Sơ đồ tư duy)

nhất nội dung, thiết kế sơ đồ tư duy và hoàn thành trong 15 phút.

- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

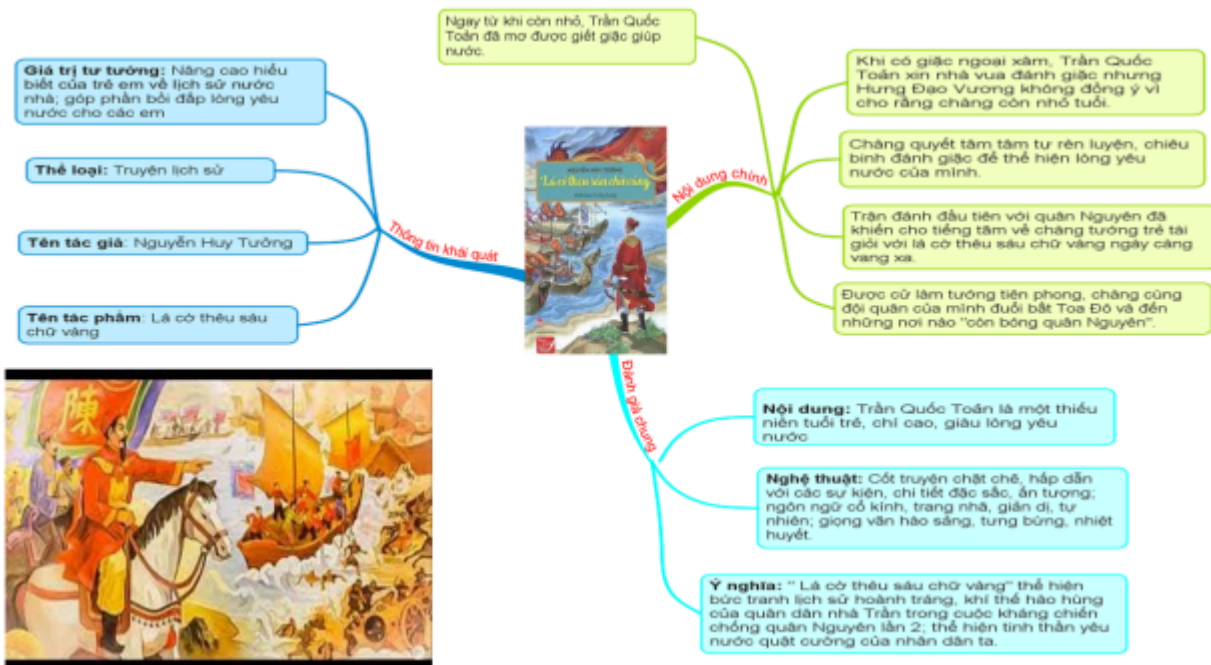
Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện 2 nhóm bất kì lên trình bày, các nhóm khác quan sát, đối chiếu với nhóm mình để nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổng hợp kiến thức, đánh giá nội dung và kỹ thuật vẽ sơ đồ tư duy của nhóm HS; yêu cầu các nhóm khác đối chiếu với nhận xét của GV để tự đánh giá và hoàn thiện sản phẩm của mình

(sau tiết học các nhóm trưng bày sản phẩm góc học tập)



* NV 2: Tìm hiểu cách trình bày văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức thảo luận nhóm cặp, quan sát sơ đồ tư duy và văn bản SGK để thảo luận các câu hỏi 3,4,5 (SGK/108):

1. Theo em, có thể đảo trật tự trình bày nội dung của các phần trong văn bản được không? Vì sao?

2. Những nội dung nào trong sơ đồ tư duy em vừa thực hiện là thông tin khách quan về tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, những nội dung nào là ý kiến chủ quan của người giới thiệu hoặc người đọc về tác phẩm?

3. Các thông tin trong ngặc kép được trích dẫn từ nguồn nào? Hình ảnh bìa sách trong bài viết thể hiện chi tiết nào trong văn bản? Theo em, vì sao người giới thiệu lại chọn hình ảnh này?

2. Cách trình bày thông tin

- Trình tự triển khai văn bản:

+ Nhan đề: nêu rõ tên cuốn sách cần giới thiệu

+ Phần 1: Giới thiệu tên cuốn sách, tác giả, thể loại, giá trị giáo dục của tác phẩm.

+ Phần 2: Giới thiệu nội chính của tác phẩm "Lá cờ thêu sáu chữ vàng" (có kết hợp trích dẫn các chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm)

+ Phần 3: Đánh giá khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Yếu tố phi ngôn ngữ: Hình ảnh bìa sách trong bài viết đã khái quát được nội dung nổi bật của tác phẩm, thể hiện được tư thế hiên ngang của Trần Quốc Toản trước quân địch. Việc đưa hình ảnh vào đoạn này giúp người đọc phần nào tưởng tượng, hình dung được câu chuyện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chia nhóm cặp, dựa trên bài soạn cá nhân □ trao đổi thống nhất câu trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1,2 nhóm HS trình bày miệng, các nhóm khác lắng nghe Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cùng HS khác nhận xét, tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức và nhấn mạnh các thức triển khai thông tin trong văn bản giới thiệu về một cuốn sách và ưu điểm của việc sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.	=>Cách trình bày khoa học, sử dụng kết hợp việc trích dẫn các chi tiết trong tác phẩm với phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh) giúp cho người đọc dễ theo dõi, làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu.
III. TỔNG KẾT	
a. Mục tiêu: - Học sinh khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản. - Rút ra kết luận về cách đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách. b. Nội dung:GV sử dụng đặt câu hỏi để hướng dẫn HS khái quát nội dung, nghệ thuật của văn bản; sử dụng kỹ thuật khăn phủ bàn để hình thành đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách. c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân; sản phẩm của nhóm. d. Tổ chức hoạt động:	
2.3. Tổng kết * NV1: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: 1. Văn bản cung cấp cho em những thông tin nào về tác phẩm “ Lá cờ thêu sáu chữ vàng”? Thông tin đó có ý nghĩa như thế nào với em? 2. Để cung cấp thông tin về tác phẩm “ Lá cờ thêu sáu chữ vàng”, người viết đã sử dụng cách triển khai như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại các nội dung đã tìm hiểu trong bài, thực hiện yêu cầu vào vở nháp trong 3 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2 HS trình bày miệng, các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. *NV2. Hình thành cách đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức thảo luận nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn để thực hiện yêu cầu: <i>Xác định những kỹ năng cần có để đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chia nhóm 4 HS, chuẩn bị giấy A2 và thực hiện yêu cầu: mỗi HS bày tỏ ý kiến cá nhân vào các góc được chia (2 phút) □ thống nhất và	III. Tổng kết 1. Nội dung: - Văn bản cung cấp cho người đọc thông tin cụ thể, chi tiết về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của tác phẩm “ Lá cờ thêu sáu chữ vàng”; - Văn bản giúp người đọc (đặc biệt là lứa tuổi thiếu nhi) hiểu thêm về lịch sử đất nước Việt Nam anh hùng. Qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc trong mỗi con người Việt Nam. 2. Nghệ thuật: - Văn bản được trình bày theo trình tự hợp lý: từ khái quát đến cụ thể, từ thông tin khách quan về cuốn sách đến ý kiến chủ quan của người viết. - Sử dụng kết hợp trích dẫn các chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm với hình ảnh minh họa góp phần làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu. 3. Cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu một cuốn sách) Bước 1: Đọc kỹ văn bản Bước 2: Xác định - Đối tượng được thông tin được nêu ra trong nhan đề - Ý nghĩa của phần Sa pô (nếu có) - Bố cục của văn bản - Cách triển khai thông tin trong văn bản

tổng hợp những ý kiến chung vào ô giữa (5 phút). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các 2,3 nhóm HS trình bày sản phẩm, nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổng hợp ý kiến, chốt cách đọc hiểu dạng văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.	- Vai trò của các chi tiết, các yếu tố phi ngôn ngữ trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản Bước 3: Rút ra giá trị của văn bản đối với nhận thức của bản thân.
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu nội dung văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng KT động não để HS thực hiện nội dung luyện tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoàn thiện mục (3) vào phiếu học tập số 1 (đã phát ở phần khởi động).

- GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến cá nhân về câu hỏi 6 (SGK/108)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc lập thực hiện vào PHT số 1 và vở bài tập.

- HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến cá nhân về câu hỏi 6 (SGK/108)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chiếu phiếu học tập và vở bài tập của 1 số HS, tổ chức cho HS chia sẻ, trình bày, nhận xét, bổ sung.

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân về câu hỏi 6 (SGK/108)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện kết nối với hoạt động viết.

b. Nội dung: GV sử dụng PP nêu và giải quyết vấn đề, giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài viết đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà:

+ Viết một bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em đã đọc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc lập thực hiện vào vở bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức cho HS chia sẻ, trình bày, nhận xét vào tiết học viết (Viết bài giới thiệu một cuốn sách)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm đối với bài làm tốt.

BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN

Đọc hiểu văn bản 2:

BỘ PHIM NGƯỜI CHA VÀ CON GÁI

(Theo vtc.vn, 30-09-2017)

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Nhận biết các thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức giá trị...của bộ phim *Người cha và con gái*
- Thấy được đặc điểm giống và khác nhau của bài giới thiệu bộ phim và bài phân tích tác phẩm văn học.

2. Năng lực***Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***Năng lực riêng:**

- Phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin, giới thiệu một bộ phim; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản Bộ phim *Người cha và con gái*
- Phân tích được thông tin cơ bản về bộ phim và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt, năng lực tạo lập văn bản, năng lực cảm thụ thẩm mỹ...

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết quan tâm, yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, những người thân yêu.
- Chăm học, chăm làm: có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)**

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- Học sinh nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một bộ phim thuộc chủ đề tình cảm gia đình mà bản thân đã xem.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Em hãy kể tên một số bộ phim về tình cảm gia đình mà em đã xem và chia sẻ ấn tượng của em về một trong những bộ phim đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV có thể chiếu máy một số bộ phim và gợi mở cho học sinh để học sinh nêu cảm nhận

		
<i>Bố già</i> Trần Thành Việt Nam	<i>Avata 2</i> (Dòng chảy của nước) James Cameron Mỹ	<i>Điều kì diệu ở phòng giam thứ 7</i> Lee Hwan Kyung Hàn Quốc

HS: lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ cá nhân, chia sẻ cảm nhận của bản thân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi và nêu cảm nhận của bản thân

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

Là một trong những bộ phim hoạt hình đặc sắc với thời lượng chỉ 8 phút nhưng vô cùng ý nghĩa nằm trong chủ đề tình phụ tử của đạo diễn Hà Lan Mai- con Đu- đốc- đơ Guýt, bộ phim Người cha và con gái không nói về yêu thương trong niềm vui, hạnh phúc, nhưng vẫn là một bộ phim ngắn đẹp đẽ, cảm động và day dứt, khiến người xem nhớ mãi. Có người đã từng xem nhưng cũng có nhiều

người chưa có cơ hội được xem. Văn bản thông tin hôm nay chúng ta học sẽ cung cấp cho chúng ta biết được những thông tin gì về bộ phim trên. Văn bản Bộ phim Người cha và con gái.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (63 phút)

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu chung, chỉ ra đặc điểm của của văn bản thông tin, tìm hiểu chi tiết nội dung, nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động theo nhóm bàn giải quyết các nhiệm vụ học tập của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phân làm bài tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

I. TÌM HIỂU CHUNG													
a. Mục tiêu: Học sinh có những hiểu biết ban đầu về văn bản “Bộ phim Người cha và con gái” b. Nội dung: GV tổ chức cho HS đọc văn bản, tìm hiểu chú thích, xuất xứ, mục đích, bố cục và kiểu văn bản. c. Sản phẩm: Học sinh đọc lưu loát, hình dung được nội dung chính từng phần của văn bản; câu trả lời đúng của học sinh về xuất xứ, kiểu văn bản, mục đích, bố cục của văn bản. d. Tổ chức thực hiện:													
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm												
1. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV đọc mẫu một đoạn; yêu cầu HS đọc đoạn tiếp theo. - HS đọc theo phân công. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc của bạn Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét cách đọc của HS - Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần 2. Tìm hiểu chung về văn bản	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Đọc và tìm hiểu chú thích - <i>Đọc</i> - <i>Chú thích (SGK)</i>												
2. Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS mở PHT <table border="1"> <tr> <th colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</th></tr> <tr> <td colspan="2">Họ và tên:.....</td></tr> <tr> <td colspan="2">Nhóm:.....Tổ:.....</td></tr> <tr> <th>Nhiệm vụ</th><th>Câu trả lời</th></tr> <tr> <td>Xuất xứ của văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> </table>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		Họ và tên:.....		Nhóm:.....Tổ:.....		Nhiệm vụ	Câu trả lời	Xuất xứ của văn bản		Thể loại		2. Tìm hiểu chung về văn bản (Phiếu học tập số 1)
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1													
Họ và tên:.....													
Nhóm:.....Tổ:.....													
Nhiệm vụ	Câu trả lời												
Xuất xứ của văn bản													
Thể loại													

Phương thức biểu đạt, mục đích của văn bản	
Bố cục	
- Chia nhóm cặp đôi theo bàn - Nhiệm vụ: + Hoán đổi PHT cho nhau + 1 phút HD cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không. HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2) HS: - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2. - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên:

Nhóm:.....Tổ:.....

Nhiệm vụ	Câu trả lời
Xuất xứ của văn bản	- Theo vtc.vn, 30/09/2017
Thể loại	- Văn bản thông tin
Phương thức biểu đạt, mục đích của văn bản	- Thuyết minh, nghị luận, tự sự - Mục đích: Cung cấp thông tin về bộ phim Người cha và con gái

Bố cục	2 phần - Phần sa pô - Phần nội dung của văn bản chia thành 4 phần: 
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Thế nào là văn bản thông tin? ? Văn bản thông tin được trình bày dưới hình thức nào? ? Em hãy nêu hiểu biết của bản thân về văn bản thông tin giới thiệu về một cuốn sách, hoặc một bộ phim? Cách trình bày văn bản này? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần Kiến thức ngữ văn. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trả lời. - Văn bản thông tin là văn bản dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó. - Được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như: Hình ảnh, âm thanh, sơ đồ, phương tiện phi ngôn ngữ - Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim: Là loại văn bản thông tin với mục đích trình bày cho người đọc biết thông tin cơ bản, nổi bật về nội dung, hình thức, giá trị... của cuốn sách hoặc bộ phim đó. - Cách trình bày: + Thông tin khái quát về tác giả, cuốn sách, bộ phim + Ý kiến của người đọc, người xem + Giới thiệu về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách, bộ phim đó. => Chú trọng các thông tin khách quan - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	

GV: bổ sung thêm văn bản thông tin là kiểu văn bản rất phổ biến, hữu dụng trong đời sống được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

a. Mục tiêu:

Giúp học sinh:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim được thể hiện trong “Bộ phim Người cha và con gái”;
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản “Bộ phim Người cha và con gái”;
- Phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thể hiện trong “Bộ phim Người cha và con gái”

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH theo nhóm, kỹ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu văn bản “Bộ phim Người cha và con gái”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân; sản phẩm phiếu học tập của cá nhân, của nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhan đề và phần sa pô

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

? Nhan đề của văn bản mang đến cho người đọc thông tin gì?

? Quan sát phần sa pô của văn bản, hãy cho biết đặc điểm về hình thức và nội dung của phần này?

? Vai trò của phần Sa- pô trong việc cung cấp thông tin của văn bản?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và trả lời
- GV quan sát HS, hỗ trợ (nếu cần).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày
- GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét và chốt kiến thức.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Nhan đề và phần sa pô:

- Nhan đề: Cung cấp tên Bộ phim.
- Hình thức: đoạn văn gồm 1 câu, được in đậm, đặt ngay sau phần nhan đề. --> Thu hút sự chú ý của người đọc.
- Nội dung: Khái quát cảm nhận của người viết về bộ phim Người cha và con gái, định hướng tâm lý người đọc về sức hấp dẫn của bộ phim.
=> dẫn dắt người đọc đến với nội dung chính của bài viết

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản

Tìm hiểu Phần 1: Giới thiệu khái quát về bộ phim

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

? Quan sát phần 1 của văn bản, cho biết ở phần 1 tác giả đã giới thiệu những thông tin gì về bộ phim “Người cha và con gái”?

? Em có nhận xét gì về các thông tin mà tác giả đã cung cấp?

Từ đó giúp em có cảm nhận gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và trả lời
- GV quan sát HS, hỗ trợ (nếu cần).

B3: Báo cáo, thảo luận

2. Phần nội dung văn bản

a. Phần 1: Giới thiệu khái quát về bộ phim

- Tên bộ phim: Người cha và con gái (Father and Daughter)
- Loại hình: Phim hoạt hình ngắn không lời
- Đạo diễn: Mai - con Đu - đốc đơ Guýt (Michiel Dudok de Wit) người Hà Lan
- Thời gian công chiếu: 2000
- Thời lượng: 8 phút 30 giây

- HS trình bày
- GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét và chốt kiến thức.

Chuyển dẫn: Sau khi mang đến cho đọc giả những thông tin rất cơ bản về bộ phim cùng lời bình luận, đánh giá bộ phim là câu chuyện sâu sắc, cảm động về tình cha con, tác giả đã giúp đọc giả hiểu rõ hơn nội dung của bộ phim này ở phần 2 của văn bản.

Phần 2: Tìm hiểu nội dung của bộ phim

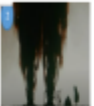
B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Quan sát các bức hình, các nội dung và hãy nói và cho biết thứ tự xuất hiện các sự việc để hoàn thành việc tóm tắt bộ nội dung bộ phim “Người cha và con gái”?



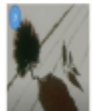
Người cha chia tay người con trong lưu luyến, bước xuống thuyền và chèo đi.

3



Cô bé nhìn theo bóng cha và đạp xe trở về

1



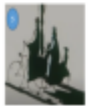
Hai cha con đạp xe trên con đường đời.

2



Cô bé giờ đã thành bà lão, bà bước xuống lòng bến cạn, nhìn thấy con thuyền của cha, nhẹ nhàng nằm xuống con thuyền và mơ người cha trở về trong bao cảm xúc..

5



Thời gian trôi qua, ngày ngày cô bé đều ra bến cũ đợi chờ, ngóng trông cha.

4

? Từ việc tìm hiểu, em có nhận xét gì về nội dung của bộ phim Người cha và con gái?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và trả lời

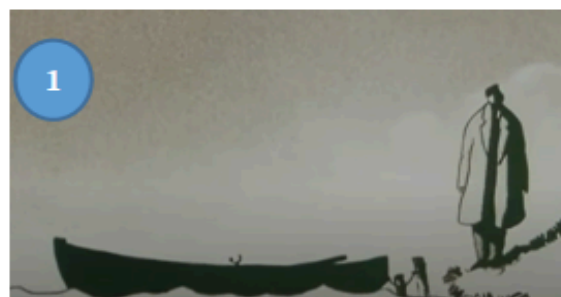
- Giải thưởng: Ô - xca (Oscar)

Cho phim hoạt hình ngắn xuất sắc nhất năm 2001.

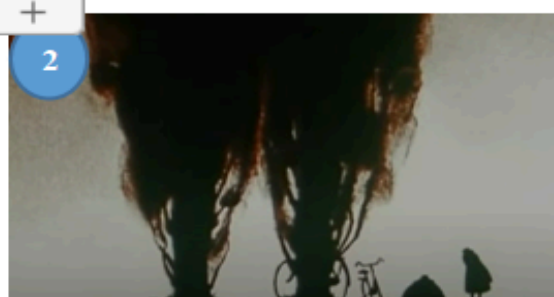
=> Thông tin cung cấp ngắn gọn, cụ thể, xác thực, tiêu biểu, giúp đọc giả có nhận thức cơ bản về bộ phim.

b. Phần 2: Nội dung của bộ phim

=> Nội dung đơn giản, nhưng thể hiện tình cảm phụ tử sâu sắc mang đến cho đọc giả nhiều suy nghĩ thấm thía về tình cảm gia đình, khơi gợi nhiều cảm xúc



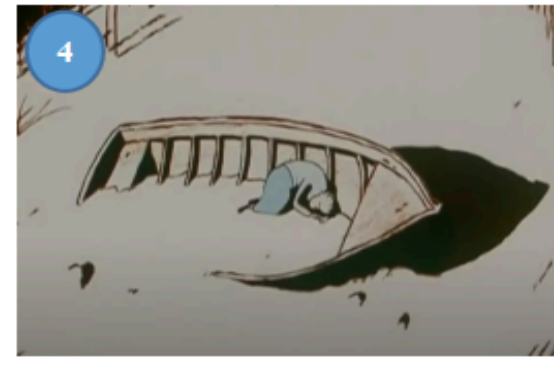
1



2



3



4

Hình (1) Người cha chia tay người con trong lưu luyến, bước xuống thuyền và chèo đi.

Hình (2) Cô bé nhìn theo bóng cha và đạp xe trở về.

Hình (3) Hai cha con đạp xe trên con đường đồi.

Hình (4) Cô bé giờ đã thành bà lão, bà bước xuống lòng bến cạn, nhìn thấy con thuyền của cha, nhẹ nhàng nằm xuống con thuyền và mơ người cha trở về trong bao cảm xúc.

Hình (5) Thời gian trôi qua, ngày ngày cô bé đều ra bên cũ đợi chờ, ngóng trông cha.

Thứ tự đúng là: 3 - 1 - 2 - 5 - 4

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Phần 3: Những điểm đặc sắc ở bộ phim B1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Theo dõi phần 3 của văn bản và cho biết tác giả đã trình bày những đặc sắc của bộ phim <i>Người cha và con gái</i> trên những phương diện nào? Trình bày từng nội dung cụ thể ở mỗi phương diện (có thể trình bày bằng bảng, sơ đồ tư duy)? ? Tác giả đã giới thiệu những thông tin trên bằng cách nào? Nhận xét? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân và trả lời - GV quan sát HS, hỗ trợ (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày Các phương diện - Màu sắc: Trắng đen --> đơn giản, biểu thị ý nghĩa về thời gian và quên lãng - Hình ảnh : Vùng quê Hà Lan -> Bình dị, gợi tuổi thơ, quê hương của đạo diễn với nhiều ý nghĩa tượng trưng - Nhân vật: ít nhân vật, không có lời thoại, thể hiện qua động tác, cử chỉ --> Tập trung thể hiện tình cảm qua ngôn ngữ hình thể. - Nhạc nền: Sóng sông Đa - nuyép => Lúc du dương, lúc tươi vui, trầm bổng góp phần thể hiện thành công nhiều cung bậc cảm xúc của diễn viên trong bộ phim, phù hợp thể hiện trọn vẹn chủ đề của tác phẩm điện ảnh này. NT: Giới thiệu, đưa dẫn chứng xác thực, phân tích => Bộ phim đặc sắc, các chi tiết được chọn lọc kĩ lưỡng, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. - GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét và chốt kiến thức.	c. Phần 3: Những điểm đặc sắc ở bộ phim Văn bản khẳng định: Cha và con gái là bộ phim đặc sắc, các chi tiết được chọn lọc kĩ lưỡng mang ý nghĩa sâu sắc, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.
Phần 4: Giá trị nội dung của bộ phim B1: Chuyển giao nhiệm vụ	d. Phần 4: Giá trị nội dung và tư tưởng của bộ phim

Đọc lại nội dung phần 4 ? Nêu những câu văn nói lên giá trị nội dung và tư tưởng của bộ phim? ? Chỉ ra vai trò của câu văn cuối? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân và trả lời - GV quan sát HS, hỗ trợ (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày Phần 4 nêu giá trị nội dung và tư tưởng của bộ phim: - Ý nghĩa: Bộ phim giúp người xem sống lại kỉ niệm thời thơ ấu bên người cha, khẳng định vai trò của cha trong cuộc đời mỗi người. - Thông điệp: Hãy trân trọng...vô giá! - GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét và chốt kiến thức.	Qua bài viết, tác giả khẳng định sự bất tử của phụ tử và vai trò quan trọng của người cha trong cuộc đời của mỗi người đồng thời mang đến cho người đọc thông điệp ý nghĩa.
NV 2: Tìm hiểu cách trình bày văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức thảo luận nhóm cặp, quan sát sơ đồ tư duy và văn bản SGK để thảo luận các câu hỏi 3,4,5 (SGK/108): 1. Theo em, văn bản được trình bày theo trình tự nào? Có thể đảo vị trí cách trình tự trên được không? 2. Trả lời câu hỏi 2/sgk - trang 110 3. Trong văn bản tác giả đã đưa vào 2 hình ảnh minh họa? Những hình ảnh này lấy từ đâu? Ý nghĩa của 2 hình ảnh ấy? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chia nhóm cặp, dựa trên bài soạn cá nhân □ trao đổi thống nhất câu trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1,2 nhóm HS trình bày miệng, các nhóm khác lắng nghe - Những hình ảnh trong văn bản được lấy từ bộ phim, việc này giúp người đọc phần nào hình dung được nội dung, hình thức... của bộ phim. - Hình ảnh 1: Cha và con đạp xe trên đường đời - Hình ảnh 2: Bà lão nằm trong chiếc thuyền xưa của người cha. => Tác dụng: Giúp người đọc hình dung ra sự việc trong bộ phim và các sự việc gợi về tình phụ tử sâu sắc: sự gắn bó, yêu thương của cha con, khát khao mong chờ được sống trong tình cha của người con ở cuối đời... Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cùng HS khác nhận xét, tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức và nhấn mạnh các thức triển khai	3. Cách triển khai thông tin - Nhan đề: nêu rõ tên cuốn sách cần giới thiệu - Phần Sa pô: Khái quát nội dung chính của văn bản: Bộ phim Người cha và con gái - Nội dung của văn bản + Phần 1: Giới thiệu khái quát về bộ phim Người cha và con gái. + Phần 2: Giới thiệu nội chính của bộ phim Người cha và con gái (tóm tắt nội dung phim) + Phần 3: Đặc sắc của bộ phim Người cha và con gái. + Phần 4: Giá trị của bộ phim. - Yếu tố phi ngôn ngữ: Hình ảnh minh họa trong bài viết đã thể hiện một số chi tiết nổi bật trong bộ phim. Từ đó, gợi cho độc giả nhiều suy nghĩ về tình phụ tử. => Cách trình bày khoa học, thông tin trình bày cụ thể, xác thực, có phân tích, đánh giá xác đáng kèm theo yếu tố phi ngôn ngữ (hình ảnh) giúp cho người đọc dễ theo dõi, làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu.

thông tin trong văn bản giới thiệu về một cuốn sách và ưu điểm của việc sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.	
TỔNG KẾT	
a. Mục tiêu: - Học sinh khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản. - Rút ra kết luận về cách đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách. b. Nội dung: GV sử dụng đặt câu hỏi để hướng dẫn HS khái quát nội dung, nghệ thuật của văn bản; sử dụng kĩ thuật khăn phủ bàn để hình thành đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách, có thể định hướng cho học sinh trình bày theo sơ đồ tư duy c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân; sản phẩm của nhóm. d. Tổ chức hoạt động:	
Nhiệm vụ 3: Tổng kết B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Khái quát nội dung chính của văn bản? ? Câu chuyện gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào? ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản? ? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản thông tin ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ. GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp GV Bình: <i>Qua văn bản thông tin về bộ phim Người cha và con gái chúng ta thấy có thể khẳng định được rằng Chỉ trong hơn 8 phút ngắn ngủi, hàng triệu người như được sống lại những kỉ niệm thời thơ ấu được quán quýt bên cha và được cha bế ẵm. Ký ức giản đơn nhưng cũng đủ cho một đời khao khát chờ đợi...</i> <i>Dù trong phim hay trong đời thực, người cha vẫn luôn là tượng đài vĩnh cửu, là bến bờ yêu thương của mọi đứa con. Qua bộ phim, ai cũng hiểu được rằng, bên cạnh tình yêu bao la như biển cả mẹ dành cho chúng ta, còn có cả trái tim ấm áp của người cha nữa.</i>	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Cung cấp thông tin chính xác về bộ phim “Người cha và con gái” - Thể hiện sự ngợi ca, trân trọng của người viết về bộ phim và tình phụ tử và tình cảm gia đình 2. Nghệ thuật: - Bố cục: rõ ràng, rành mạch, khoa học - Từ ngữ, lời văn: trong sáng, dễ hiểu, xen bình luận nói lên ý kiến, quan điểm, đánh giá của tác giả. - Cách đưa thông tin đa dạng, sử dụng sa pô 3. Ý nghĩa - Văn bản gửi gắm bài học về tình phụ tử, tình cảm gia đình. - Nhắc nhở mỗi người về bổn phận và trách nhiệm với gia đình.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Sau khi đọc bài giới thiệu, em có muốn xem bộ phim Người cha và con gái không? Vì sao?

Nhiệm vụ 2:

- Cùng xem bộ phim
- Mỗi thành viên chọn một mảnh ghép để điền vào đó những hiểu biết, cảm xúc mới của bản thân sau khi đọc văn bản.
- Từ các mảnh ghép, trao đổi về ý nghĩa của văn bản đối với người đọc và cử đại diện trình bày trước lớp kết quả làm việc nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc xong văn bản, tôi có thêm những hiểu biết và cảm xúc mới về Bộ phim Người cha và con gái, đó là:....	Đọc xong văn bản, tôi có thêm những hiểu biết và cảm xúc mới về đất nước Hà Lan, đó là:....
Đọc xong văn bản, tôi có thêm những hiểu biết và cảm xúc mới về tình cảm phụ tử và tình cảm gia đình, đó là:.....	Đọc xong văn bản, tôi có thêm những hiểu biết và cảm xúc mới về đạo diễn, đó là: Mai - cơn Đu - độc đơ Guýt, đó là:..

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và trả lời
- GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày
- GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (8 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh, sản phẩm học sinh làm qua quá trình tự học (hoàn thành bài ở nhà)

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Ngoài các thông tin giới thiệu trong bài viết, em còn muốn biết thêm thông tin nào về bộ phim Người cha và con gái? Hãy tìm hiểu và chia sẻ các thông tin đó?

Nhiệm vụ 2: Sưu tầm: Các bộ phim về tình cảm gia đình, Tình phụ tử,.. Tìm hiểu thông tin về hoàn cảnh ra đời và lưu truyền bộ phim được nhóm lựa chọn. Tạo một văn bản để chia sẻ thông tin tìm hiểu được với các bạn trong lớp về một hoặc một số bài hát tiêu biểu nhất.

(Gợi ý: Có thể chọn trình bày văn bản theo các dạng thức khác nhau như: một bài viết giới thiệu, một áp phích, một video thuyết minh minh ngắn,...)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và trả lời
- GV quan sát HS, hỗ trợ (nếu cần).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày
- GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định.

- Nhận xét và chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn về nhà: (2 phút)**

- Bài cũ: Nắm được kiến thức được học trong tiết học
- Bài mới: Soạn bài Thực hành tiếng Việt theo câu hỏi trong sgk

BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN

THĐH:

CUỐN SÁCH CHÌA KHÓA VỮ TRỤ CỦA GIOỐC - GIO

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách
- Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản thông tin
- Vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

+ Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách được thể hiện trong văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”

+ Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản ““ *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”

+ Phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”

3. Về phẩm chất:

- Chăm học, chăm làm: có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với gia đình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. Tiến trình dạy học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc nhớ lại kiến thức đã học ở chương trình Ngữ văn 7

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản và tiết thực hành đọc hiểu.

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- Học sinh nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm Truyện khoa học viễn tưởng viết về chủ đề du hành vũ trụ đã học ở lớp 7

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

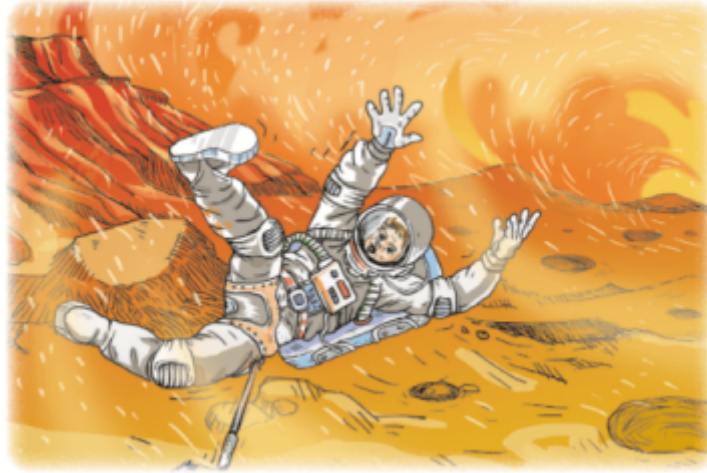
Học sinh nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm Truyện khoa học viễn tưởng viết về chủ đề du hành vũ trụ đã học ở lớp 7

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe câu hỏi của giáo viên và trả lời theo cảm nhận của bản thân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trình bày quan điểm của bản thân.



Văn bản của nhà văn Andy Weir sinh ngày 16-6-1972 (49 tuổi), Mỹ. Truyện khơi gợi ra một "cuộc phiêu lưu" bất đắc dĩ của phi hành gia Mác trên Sao Hỏa để tự cứu lấy bản thân. Qua đó, truyện ca ngợi sự bình tĩnh, thông minh của anh trước những sự cố bất ngờ, nguy hiểm. Truyện khơi gợi ra một "cuộc phiêu lưu" bất đắc dĩ của phi hành gia Mác trên Sao Hỏa để tự cứu lấy bản thân. Qua đó, truyện ca ngợi sự bình tĩnh, thông minh của anh trước những sự cố bất ngờ, nguy hiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổng hợp ý kiến và dẫn dắt vào bài.

Giáo viên giới thiệu bài: Các em ạ, cùng viết về chủ đề khám phá và du hành vũ trụ và tác phẩm đã trở thành một cuốn sách vô cùng hấp dẫn đối với bao độc giả ở nhiều quốc gia, vậy tác giả cuốn sách là ai, cụ thể nội dung và nghệ thuật của cuốn sách có gì hấp dẫn, cô và các em sẽ đi tìm hiểu bài ngày hôm nay: Thực hành đọc hiểu văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới(26 phút)

a. Mục tiêu: Huy động tri thức nền của HS về kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách, các bước tìm hiểu kiểu văn bản giới thiệu cuốn sách để khơi gợi hứng thú khám phá và chủ động bài học của HS.

b. Nội dung: GV sử dụng PHT kích hoạt kiến thức nền của HS có liên quan đến kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

c. Sản phẩm: Những hiểu biết của học sinh về kiểu văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

d. Tổ chức thực hiện:

I. TÌM HIỂU CHUNG

a. Mục tiêu: Học sinh có những hiểu biết ban đầu về văn bản Văn bản Cuốn sách “*Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS đọc văn bản, tìm hiểu chú thích, xuất xứ, mục đích, bố cục và kiểu văn bản.

c. Sản phẩm: Học sinh đọc lưu loát, hình dung được nội dung chính từng phần của văn bản; câu trả lời đúng của học sinh về xuất xứ, kiểu văn bản, mục đích, bố cục của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
* NV1: Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: rõ ràng, mạch lạc, chú ý hộp chỉ dẫn và các chú thích. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc thay phiên, nối tiếp nhau từng đoạn nhỏ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lắng nghe hướng dẫn và thực hiện đọc theo phân công. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cùng HS khác nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cách đọc của HS; giải thích 1 số từ khó mà HS chưa hiểu. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đối chiếu với phần Thông tin Ngữ văn đã tìm hiểu để xác định: xuất xứ, kiểu văn bản, mục đích, bố cục của văn bản. Thực hiện câu hỏi 1/SGK Ngữ văn trang 116  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lập suy nghĩ để trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. Phần 1: Giới thiệu chung về cuốn sách + Giới thiệu tên, năm xuất bản, đề tài. + Giới thiệu các tác giả tham gia vào viết sách. Giới thiệu cuốn sách bản tiếng Việt. Phần 2. Giới thiệu nội dung sách + Giới thiệu nhân vật. + Giới thiệu tình huống truyện. + Giới thiệu nội dung khoa học trong truyện.	I. Tìm hiểu chung Văn bản * Đọc, hiểu chú thích * Tìm hiểu chung về văn bản -Xuất xứ: theo Phúc Yên, vnexpress.net, 24/3/2008 - Kiểu văn bản: Văn bản thông tin - Mục đích: giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách <i>Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio</i> - Bố cục: 2 Phần + Phần 1: Sa pô + Phần 2: Nội dung văn bản . Phần 1: Giới thiệu chung về cuốn sách . Phần 2. Giới thiệu nội dung sách . Phần 3. Giới thiệu hình thức thể hiện và thông điệp của cuốn sách

- Phần 3. Giới thiệu hình thức thể hiện và thông điệp của cuốn sách + Giới thiệu hình thức sách. + Thông điệp rút ra từ cuốn sách. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức trên màn hình.	
---	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

Giúp học sinh:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim được thể hiện trong văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”
- Phân tích được thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thể hiện trong văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH theo nhóm, DH hợp tác và KT chia nhóm, khăn trải bàn, động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu văn bản “Cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Gioóc - gio*”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân; sản phẩm phiếu học tập của cá nhân, của nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia nhóm (nhóm theo tổ) và hướng dẫn HS thực hiện câu hỏi của giáo viên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chia nhóm theo tổ, phân công nhiệm vụ, căn cứ vào việc soạn câu 2,3 SGK/116 để thống nhất nội dung, - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ. ? Văn bản “ <i>Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ</i> ” được viết nhằm mục đích gì? Để đạt được mục đích đó, người viết đã sắp xếp các thông tin chính theo trật tự như thế nào? Có thể đảo ngược trật tự trình bày không? Vì sao? (Nhóm tổ 1) ? Trong văn bản, phần nào chủ yếu nêu thông tin khách quan về cuốn sách, phần nào chủ yếu nêu ý kiến chủ quan của người giới thiệu về cuốn sách? (Nhóm tổ 2) ? Các thông tin trong ngực kép được trích dẫn từ nguồn nào? Hình ảnh bìa sách trong bài viết thể hiện chi tiết nào trong văn bản? Theo em, vì sao người giới thiệu lại chọn hình ảnh này? (Nhóm tổ 3)	II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN 1. Mục đích và nội dung chính của văn bản: - Mục đích giới thiệu cuốn sách “Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ” đến bạn đọc. - Nội dung thông tin trong văn bản: . Thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm . Thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của cuốn sách. . Thông điệp của cuốn sách => Thông tin đầy đủ, cụ thể rõ ràng, xác thực. 2. Cách trình bày thông tin trong văn bản Cách trình bày khoa học, sử dụng kết hợp việc trích dẫn các chi tiết trong tác phẩm với phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh) giúp cho người đọc dễ theo dõi, làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu.

? Em hãy rút ra nhận xét cách trình bày thông tin trong văn bản? (cá nhân)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện 2 nhóm bất kì lên trình bày, các nhóm khác quan sát, đối chiếu với nhóm mình để nhận xét, đánh giá.

- Mục đích giới thiệu cuốn sách “Chìa khóa vũ trụ của Gioóc-giơ” đến bạn đọc.

- Trình tự trình bày nội dung thông tin:

+ Nhan đề: Giới thiệu tên cuốn sách

+ Sa pô: thông tin về nhà vật lí Xti-vân Hoóc-kinh.

+ Thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm

+ Thông tin cụ thể về nội dung, hình thức của cuốn sách.

=>Không thể đảo ngược trật tự trình bày không vì nó khiến nội dung bài rối, không hợp lô gic, người đọc khó tiếp nhận thông tin.

Phần 1 và phần 2 chủ yếu nêu thông tin khách quan.

=> Cung cấp cho đọc giả thông tin chính xác về cuốn sách

Phần 3 chủ yếu nêu ý kiến chủ quan của người giới thiệu về cuốn sách.

=> Làm cho văn bản trở lên gần gũi.

- Các thông tin trong ngoặc kép được trích dẫn từ chính nội dung trong cuốn sách => đảm bảo tính xác thực nội dung thông tin đưa ra trong văn bản

- Yếu tố phi ngôn ngữ: Hình ảnh bìa sách trong bài viết đã khái quát được nội dung nổi bật của tác phẩm, thể hiện được chủ đề mà cuốn sách đề cập tới. Việc đưa hình ảnh vào đoạn này giúp người đọc phần nào tưởng tượng, hình dung được nội dung của cuốn sách.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổng hợp kiến thức, đánh giá nội dung ; yêu cầu các nhóm khác đối chiếu với nhận xét của GV để tự đánh giá và hoàn thiện sản phẩm của mình

III. TỔNG KẾT

a. Mục tiêu:

- Học sinh khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Rút ra kết luận về cách đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

b. Nội dung: GV sử dụng đặt câu hỏi để hướng dẫn HS khái quát nội dung, nghệ thuật của văn bản; sử dụng kỹ thuật khăn phủ bàn để hình thành đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân; sản phẩm của nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:**2.3. Tổng kết**

*** NV1: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

1. Văn bản cung cấp cho em những thông tin nào về “Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ” Thông tin đó có ý nghĩa như thế nào với em?

2. Để cung cấp thông tin về tác phẩm “Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ”, người viết đã sử dụng cách triển khai như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại các nội dung đã tìm hiểu trong bài, thực hiện yêu cầu vào vở nháp trong 3 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện 2 HS trình bày miệng, các HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

GV Bình: Chìa Khóa Vũ Trụ Của George sẽ luôn là cuốn sách được yêu thích về đề tài vũ trụ, đưa các người đọc vào kỷ nguyên khoa học hiện đại, một không gian vũ trụ bao la rộng lớn, lướt qua các hành tinh, từng bước khám phá một thế giới mới, khơi dậy khát khao tìm hiểu và chinh phục thiên nhiên vũ trụ trong mỗi chúng ta ở mọi thời đHNJ

III. Tổng kết**1. Nội dung:**

- Văn bản cung cấp cho người đọc thông tin cụ thể, chi tiết về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của “Cuốn sách Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ” hiểu về các vấn đề của vũ trụ. Qua đó khơi dậy ước mơ khám phá, chinh phục thiên nhiên, tự nhiên.

2. Nghệ thuật:

- Văn bản được trình bày theo trình tự hợp lí: từ khái quát đến cụ thể, từ thông tin khách quan về cuốn sách đến ý kiến chủ quan của người viết.
- Sử dụng kết hợp trích dẫn các chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm với hình ảnh minh họa góp phần làm tăng tính khách quan cho thông tin được giới thiệu.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (7 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu nội dung văn bản.

b. Nội dung: GV sử dụng KT động não để HS thực hiện nội dung luyện tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Có bạn cho rằng sách khoa học thường khô khan và khó đọc. Theo em, nếu được đọc bài giới thiệu sách này, bạn đó có thay đổi suy nghĩ ban đầu không? Vì sao?

GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến cá nhân về câu hỏi câu hỏi 5 (SGK/116)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc lập thực hiện vào PHT số 1 và vở bài tập.
- HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến cá nhân về câu hỏi 5 (SGK/116)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân về câu hỏi 5 (SGK/116)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện kết nối với hoạt động viết.

b. Nội dung: GV sử dụng PP nêu và giải quyết vấn đề, giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài tập của học sinh đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà:

? Ngoài các thông tin mà văn bản đã cung cấp, em còn tìm hiểu thêm được điều gì về cuốn sách *Chìa khóa vũ trụ của Giooc-giơ*? Hãy chia sẻ những thông tin đó và cách mà em đã thực hiện để biết được các thông tin này.

? Em hãy tìm hiểu và giới thiệu tên một số cuốn sách khoa học phù hợp cho các bạn trong lớp tìm đọc. Nêu ngắn gọn lí do vì sao nên đọc các cuốn sách đó. (Trình bày với hình thức đoạn văn khoảng 8 - 10 câu)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc lập thực hiện vào vở bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức cho HS chia sẻ, trình bày, nhận xét vào tiết học viết (Viết bài giới thiệu một cuốn sách)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm đối với bài làm tốt.

*** Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau: (2 phút)**

- Bài cũ: Nắm vững nội dung bài học, hoàn thành bài luyện tập, vận dụng
- Bài mới: soạn và chuẩn bị bài Thực hành tiếng Việt theo hệ thống câu hỏi và bài tập trong sách giáo khoa.

BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT CÂU HỎI, CÂU KHIẾN, CÂU CẢM, CÂU KỂ

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Những đặc điểm về câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp.
- Thành phần biệt lập trong câu.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- + Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- + Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

- Năng lực riêng:

- + Nhận biết và sử dụng được câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp;
- + Biết sử dụng thành phần biệt lập trong câu.

4. Phẩm chất:

- Chăm học, chăm làm: có ý thức vận dụng về câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (10 phút)

- a. Mục tiêu:** Huy động tri thức nền của HS về các kiểu câu phân theo mục đích nói, khơi gợi hứng thú khám phá bài học của HS.

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của phần học bài trước

c. Sản phẩm: Những hiểu biết ban đầu của học sinh về các kiểu câu phân theo mục đích nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức cho HS tìm hiểu kiến thức ngữ văn qua trò chơi “Nhóm nào nhanh hơn”

- GV yêu cầu HS quan sát ngữ liệu, trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu 1: Hãy kể tên một số kiểu câu mà em biết trong ví dụ sau:

Thôi ông lão đừng lo lắng!

Một đêm nọ, tôi đứng trên một ngọn đồi vắng.

Chúng ta có thể làm được gì nào?

Chao ôi! Cuộc đời ta bất hạnh thế!

Câu 2: Từ kết quả của bài tập 1 và mục 2 phần kiến thức Ngữ văn, hãy hoàn thành thông tin vào bảng sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
Kiểu câu	Đặc điểm	Chức năng
Câu hỏi		
Câu cầu khiến		
Câu cảm		
Câu kể		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động theo cặp, giơ tay nhanh để phát biểu lần lượt câu hỏi GV trình chiếu trên bảng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS nhận xét phần trả lời của nhóm bạn; HS khác lắng nghe, bổ sung. Cả lớp tìm ra những nhóm HS có nội dung trả lời tốt nhất, nhanh nhất qua các câu trả lời để tôn vinh.

Dự kiến sp:

Câu 1:

Thôi ông lão đừng lo lắng!

-> Câu khiến

Một đêm nọ, tôi đứng trên một ngọn đồi vắng.

-> Câu kể

Chúng ta có thể làm được gì nào?

-> Câu hỏi

Chao ôi! Cuộc đời ta bất hạnh thế!

-> Câu cảm

Câu 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
Kiểu câu	Đặc điểm	Chức năng
Câu hỏi	- thường có các từ nghi vấn: <i>ai, gì, nào, sao, đâu, bao giờ, mấy, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ,</i>	câu dùng để hỏi thông tin.

	<i>có... không, đã... chưa</i> , hoặc từ <i>hay</i> (nói các vế có quan hệ lựa chọn). - kết thúc bằng dấu chấm hỏi.	
Câu khiến	- thường kết thúc bằng dấu chấm than nhưng cũng có thể kết thúc bằng dấu chấm (nếu ý câu khiến không được nhấn mạnh).	dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo, ngăn cấm.
Câu cảm	- thường có các từ ngữ cảm thán như: <i>a, ôi, than ôi, hỡi ơi, trời ơi, chao ôi, thay, biết bao, biết chừng nào,...</i> - thường kết thúc bằng dấu chấm than.	dùng để biểu lộ trực tiếp cảm xúc của người nói
Câu kể	- không có đặc điểm hình thức của câu hỏi, câu khiến, câu cảm. - thường được kết thúc bằng dấu chấm hoặc đôi khi bằng dấu chấm than, dấu chấm lửng.	dùng để trình bày (trần thuật, miêu tả, nhận định,...) về sự vật, sự việc

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Kết nối vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP (30 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức ngữ văn để thực hành nhận biết và sử dụng được câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp; biết sử dụng thành phần biệt lập trong câu.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH đàm thoại gợi mở, hợp tác; KTDH chia nhóm, động não để hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Các bài tập được hoàn thành

d. Tổ chức hoạt động:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																																																			
2.1. HD làm bài tập 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài tập 1 (SGK/111) và thực hiện nhiệm vụ cặp đôi theo bàn, hoàn thành PHT số 2: <table><tr><th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2</th></tr><tr><th>Câu</th><th>Kiểu câu</th><th>Đặc điểm</th></tr><tr><td>a</td><td></td><td></td></tr><tr><td>b</td><td></td><td></td></tr><tr><td>c</td><td></td><td></td></tr><tr><td>d</td><td></td><td></td></tr><tr><td>e</td><td></td><td></td></tr><tr><td>g</td><td></td><td></td></tr><tr><td>h</td><td></td><td></td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chia nhóm cặp đôi theo bàn + 1 phút cặp đôi hoàn thành PHT + 2 phút cặp đôi trong bàn trao đổi, chia sẻ rà soát nội dung khác biệt.	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2			Câu	Kiểu câu	Đặc điểm	a			b			c			d			e			g			h			Bài 1: <table><tr><th>Câu</th><th>Kiểu câu</th><th>Đặc điểm</th></tr><tr><td>a</td><td>Câu khiến</td><td>Dấu chấm</td></tr><tr><td>b</td><td>Câu kể</td><td>Dấu chấm</td></tr><tr><td>c</td><td>Câu kể</td><td>Dấu chấm</td></tr><tr><td>d</td><td>Câu cảm</td><td>Dấu chấm than; thán từ “hỡi ơi”</td></tr><tr><td>e</td><td>Câu hỏi</td><td>Dấu chấm hỏi</td></tr><tr><td>g</td><td>Câu cảm</td><td>Dấu chấm than; thán từ “chao ôi”</td></tr><tr><td>h</td><td>Câu kể</td><td>Dấu chấm</td></tr></table>	Câu	Kiểu câu	Đặc điểm	a	Câu khiến	Dấu chấm	b	Câu kể	Dấu chấm	c	Câu kể	Dấu chấm	d	Câu cảm	Dấu chấm than; thán từ “hỡi ơi”	e	Câu hỏi	Dấu chấm hỏi	g	Câu cảm	Dấu chấm than; thán từ “chao ôi”	h	Câu kể	Dấu chấm
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2																																																				
Câu	Kiểu câu	Đặc điểm																																																		
a																																																				
b																																																				
c																																																				
d																																																				
e																																																				
g																																																				
h																																																				
Câu	Kiểu câu	Đặc điểm																																																		
a	Câu khiến	Dấu chấm																																																		
b	Câu kể	Dấu chấm																																																		
c	Câu kể	Dấu chấm																																																		
d	Câu cảm	Dấu chấm than; thán từ “hỡi ơi”																																																		
e	Câu hỏi	Dấu chấm hỏi																																																		
g	Câu cảm	Dấu chấm than; thán từ “chao ôi”																																																		
h	Câu kể	Dấu chấm																																																		

Bước 3: Báo cáo thảo luận GV chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2) - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2. - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.									
2.2. HD làm bài tập 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 (SGK/111) và thực hiện theo nhóm bàn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi nhóm bàn, ghi lại kết quả. - GV quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý (nếu cần) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các bàn trả lời. - HS khác lắng nghe, đối chiếu và nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, kết luận, lưu ý HS nhận biết và sử dụng các kiểu câu theo mục đích nói.	Bài 2: a. Câu hỏi - Câu dùng để hỏi thông tin. b. Câu được dùng để biểu thị ý phủ định - Câu dùng để bác bỏ ý kiến của người khác. c. Câu hỏi - Câu dùng để hỏi thông tin. d. Câu được dùng để biểu thị ý phủ định - Câu dùng để bác bỏ ý kiến của người khác.								
2.3. HD làm bài tập 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu bảng: <table border="1" data-bbox="97 1491 687 2112"> <thead> <tr> <th>Thành phần tình thái</th><th>Nghĩa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được (Kim Lân).</td><td>1 Biểu thị ý phỏng đoán dè dặt về điều nêu sau đó</td></tr> <tr> <td>b. Cuộc đời quả thật Cứ mỗi ngày một đêm đáng buồn...</td><td>2. biểu thị ý đều sắp xếp nêu ra mới là sự thật và có phần trái với điều nói trước đó</td></tr> <tr> <td>c. Thật ra trong lòng tôi rất dưng dưng., (Nam Cao)</td><td>3. biểu biểu thị ý không khẳng định</td></tr> </tbody> </table>	Thành phần tình thái	Nghĩa	a. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được (Kim Lân).	1 Biểu thị ý phỏng đoán dè dặt về điều nêu sau đó	b. Cuộc đời quả thật Cứ mỗi ngày một đêm đáng buồn...	2. biểu thị ý đều sắp xếp nêu ra mới là sự thật và có phần trái với điều nói trước đó	c. Thật ra trong lòng tôi rất dưng dưng., (Nam Cao)	3. biểu biểu thị ý không khẳng định	Bài 3: a - 5 b - 4 c - 2
Thành phần tình thái	Nghĩa								
a. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được (Kim Lân).	1 Biểu thị ý phỏng đoán dè dặt về điều nêu sau đó								
b. Cuộc đời quả thật Cứ mỗi ngày một đêm đáng buồn...	2. biểu thị ý đều sắp xếp nêu ra mới là sự thật và có phần trái với điều nói trước đó								
c. Thật ra trong lòng tôi rất dưng dưng., (Nam Cao)	3. biểu biểu thị ý không khẳng định								

	chắc chắn đều nêu sau đó	d - 3 e - 1
d. Có lẽ tôi bán con chó đây ông giáo ạ	4. biểu thị ý xác nhận sự việc quả đúng như vậy.	
e. Chị Dậu dường như tủi thân cúi xuống gạt thăm nước mắt	5. biểu thị ý băn khoăn nghi ngờ về tính chân thực của điều nêu sau đó	

Yêu cầu cá nhân HS quan sát, thực hiện nhiệm vụ: Ghép các thành phần tình thái in đậm với ý nghĩa phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nhớ lại kiến thức về thành phần tình thái đã học ở Bài 9, quan sát, dự kiến kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định 1 HS lên bảng nói trực tiếp trên màn hình.

- Cả lớp quan sát, đối chiếu, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, kết luận, khắc sâu kiến thức về thành phần tình thái.

2.4. HD làm bài tập 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức Ngữ văn về thành phần biệt lập (đã học ở bài 9) để xác định thành phần phụ chú và chức năng của thành phần phụ chú trong câu theo PHT số 3: <table><tr><th colspan="4">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3</th></tr><tr><th>Câu</th><th>Thành phần phụ chú</th><th>Dấu hiệu hình thức</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>a</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>b</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>c</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>d</td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhớ lại kiến thức về thành phần tình thái đã học ở Bài 9, thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành PHT số 3 Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu sản phẩm một nhóm bất kì, đại diện HS trình bày; nhóm HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3				Câu	Thành phần phụ chú	Dấu hiệu hình thức	Tác dụng	a				b				c				d				Bài 4: <table><tr><th colspan="4">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3</th></tr><tr><th>Câu</th><th>Thành phần phụ chú</th><th>Dấu hiệu hình thức</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>a</td><td>làng Mỹ Lý</td><td>Đặt giữa hai dấu gạch ngang.</td><td>Giải thích không gian muốn nói đến.</td></tr><tr><td>b</td><td>con đường, bên sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,...</td><td>Đặt sau dấu hai chấm.</td><td>giải thích những hình ảnh nào là mang ý nghĩa ẩn dụ</td></tr><tr><td>c</td><td>quê hương của đạo diễn Mai-con Đu-đốc đơ Guýt.</td><td>Đặt sau dấu phẩy.</td><td>giải thích hình ảnh vùng quê trong bộ phim là hình ảnh quê</td></tr></table>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3				Câu	Thành phần phụ chú	Dấu hiệu hình thức	Tác dụng	a	làng Mỹ Lý	Đặt giữa hai dấu gạch ngang.	Giải thích không gian muốn nói đến.	b	con đường, bên sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,...	Đặt sau dấu hai chấm.	giải thích những hình ảnh nào là mang ý nghĩa ẩn dụ	c	quê hương của đạo diễn Mai-con Đu-đốc đơ Guýt.	Đặt sau dấu phẩy.	giải thích hình ảnh vùng quê trong bộ phim là hình ảnh quê
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3																																													
Câu	Thành phần phụ chú	Dấu hiệu hình thức	Tác dụng																																										
a																																													
b																																													
c																																													
d																																													
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3																																													
Câu	Thành phần phụ chú	Dấu hiệu hình thức	Tác dụng																																										
a	làng Mỹ Lý	Đặt giữa hai dấu gạch ngang.	Giải thích không gian muốn nói đến.																																										
b	con đường, bên sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,...	Đặt sau dấu hai chấm.	giải thích những hình ảnh nào là mang ý nghĩa ẩn dụ																																										
c	quê hương của đạo diễn Mai-con Đu-đốc đơ Guýt.	Đặt sau dấu phẩy.	giải thích hình ảnh vùng quê trong bộ phim là hình ảnh quê																																										

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ các nhóm, bổ sung, khắc sâu kiến thức về thành phần phụ chú.				huong đạo diễn
	d	Father and Daughter	Đặt trong hai đầu ngoặc đơn.	giải thích tên tiếng Anh của bộ phim.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về các kiểu câu theo mục đích nói để kết nối với phần viết.
- b. Nội dung:** HS viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 đến 10 dòng) với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.
- c. Sản phẩm:** Đoạn văn ngắn do HS viết theo yêu cầu.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 đến 10 dòng) với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập theo bảng tiêu chí sau:

Yêu cầu
1. Hình thức: đảm bảo đoạn văn (khoảng 7 đến 10 dòng)
2. Nội dung: chủ đề tự chọn
3. Sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.
4. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp và diễn đạt.

- HS làm việc cá nhân, tạo lập đoạn văn đảm bảo các tiêu chí trên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đầu tiết học sau, GV chiếu sản phẩm và yêu cầu hai hoặc ba HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm:

Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt	Dự kiến chỉnh sửa
1. Đảm bảo hình thức đoạn văn			
2. Nội dung: chủ đề tự chọn			

3. Sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.			
4. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp và diễn đạt.			

Bước 4: Kết luận, nhận định.

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm đối với những bài viết tốt.

VIẾT

VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH

(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

HS viết được bài giới thiệu một cuốn sách với các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả, hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa.... của cuốn sách.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực trình bày, giao tiếp, năng lực hợp tác,...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Trình bày nội dung giới thiệu một cuốn sách bằng văn viết. Lựa chọn sử dụng hình ảnh, sơ đồ.... kết hợp với chữ viết để giới thiệu thông tin; có thể viết tay hoặc trình bày trên máy vi tính.
- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng của kiểu bài để hoàn thành các yêu cầu của bài tập.

3. Phẩm chất

- Biết yêu quý, giữ gìn, bảo quản một cuốn sách.
- Yêu thích đọc sách, biết chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT, tài liệu liên quan.
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, PHT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ.
- c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS kể tên những cuốn sách mà em đã được đọc và tìm hiểu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả - HS lần lượt trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vào bài:</i> Chắc hẳn trong chúng ta ai cũng đã từng đọc sách. Từ bác nông dân, các em nhỏ, đến học sinh, các thầy cô giáo hay cả các giáo sư, tiến sĩ, nhà khoa học... Dù là ai đi nữa thì mỗi người sẽ dành riêng cho mình cuốn sách hay nhất. Có người chọn giữ riêng cho mình cuốn sách đó nhưng cũng có những người chọn giới thiệu cho mọi người cùng đọc, cùng yêu thích cuốn sách đó. Hôm nay cô trò mình cùng viết bài giới thiệu một cuốn sách nhé!	HS chia sẻ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Định hướng**

- a. Mục tiêu:** Biết được khái niệm và đặc điểm chung của bài viết bài giới thiệu một cuốn sách.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chọn lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời.	1. Định hướng 1.1. Viết bài giới thiệu một cuốn sách là trình bày cho người đọc biết các thông tin cơ bản về cuốn sách đó như: nhan đề, thể loại, tác giả, hoàn cảnh ra đời, nội dung, hình thức, nghệ thuật và giá trị, ý nghĩa....

- GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm chuẩn bị. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá - GV hướng dẫn HS ghi bài	của cuốn sách. - Nhan đề cuốn sách được giới thiệu ở tiêu đề và phần đầu của văn bản. - Các thông tin chung về cuốn sách như: tác giả, hoàn cảnh ra đời, thông tin xuất bản,... trong phần đầu của văn bản. - Các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật thể hiện của cuốn sách ở phần tiếp sau của văn bản. - Ý kiến của người giới thiệu (hoặc người đọc) về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách. - Sử dụng hình ảnh minh họa để bổ sung, làm rõ thông tin, tăng sức hấp dẫn cho bài giới thiệu. 1.2. Lưu ý: - Lựa chọn cuốn sách phù hợp - Đọc kĩ cuốn sách, xác định các thông tin về nội dung và hình thức, nghệ thuật, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. - Tìm hiểu thêm các thông tin có liên: tác giả, hoàn cảnh ra đời, đánh giá của bạn đọc về cuốn sách,... - Lựa chọn trật tự sắp xếp, trình bày - Lựa chọn sử dụng hình ảnh, sơ đồ.... kết hợp với chữ viết để giới thiệu thông tin; có thể viết tay hoặc trình bày trên máy vi tính.
---	--

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Biết thực hành viết theo các bước và rèn luyện kỹ năng tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết

b. Nội dung: HS sử dụng sgk để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS thực hành viết theo các bước Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV lưu ý HS theo dõi các bước trong SGK + GV yêu cầu HS đọc kĩ phần chuẩn bị để xác định nội dung bài viết của mình. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và	2. Thực hành 2.1. Thực hành viết theo các bước Đề bài: <i>Nhà trường tổ chức cuộc thi giới thiệu "Bầu trời trong trang sách". Em hãy viết một bài giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.</i> a. Chuẩn bị - Xác định các yêu cầu cần thực hiện: mục đích viết, người đọc.... - Lựa chọn cuốn sách em yêu thích để giới thiệu. - Đọc kĩ lại cuốn sách để xác định thông tin về nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. - Tìm hiểu, lựa chọn, thu thập thông tin,

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc lập dàn ý cho bài viết giới thiệu cuốn sách.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao: lập dàn ý

c. Sản phẩm: Dàn ý bài viết giới thiệu cuốn sách.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV giao bài tập cho HS:

Bài tập: Luyện viết tóm tắt nội dung cuốn sách và cách xưng hô trong bài viết cho một trong hai đề văn sau:

(1) *Hãy viết bài giới thiệu một cuốn sách văn học hoặc khoa học mà em thấy có ý nghĩa với bản thân.*

(2) *Trang web trường em có chuyên mục "Mỗi tháng một cuốn sách hay". Giả sử là người viết bài cho chuyên mục này, em hãy lựa chọn và giới thiệu một cuốn sách hay đến thầy cô và bạn bè trong trường.*

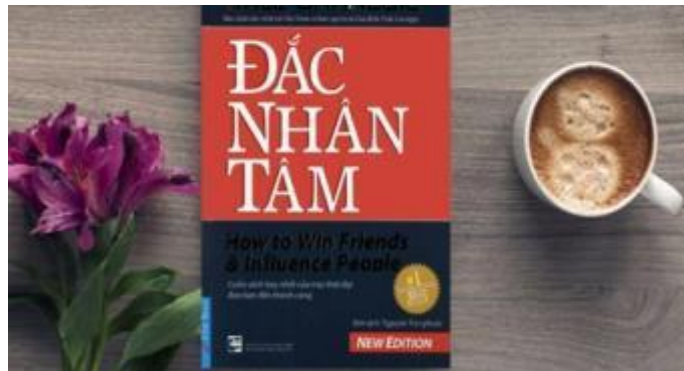
B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS viết bài giới thiệu một cuốn sách. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình về cuốn sách được giới thiệu.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS tự trình bày, đánh giá sản phẩm của mình, dựa vào tiêu chí, tự đánh giá kết quả thực hiện bài viết.

* MB: Giới thiệu dẫn dắt cuốn sách mà em yêu thích: “*Đắc Nhân Tâm*”



* TB

- Giới thiệu chung:

+ Tác giả: DALE CARNEGIE

DALE CARNEGIE - tác giả cuốn sách, vốn chỉ là một con người bình thường trong vô vàn con người nhưng bằng sự nỗ lực vượt bậc, ông đã được hàng triệu người biết đến nhờ tài năng xuất chúng trong nghệ thuật hùng biện và khả năng thuyết phục. Đây là công trình tâm huyết cả đời của và xuất phát từ chính nhu cầu của Dale khi cảm thấy cuộc đời mình sẽ không phạm phải quá nhiều sai lầm đã qua nếu như được học từ tể về cách cư xử trong cuộc sống. Ông đã viết bằng chính trải nghiệm phong phú cả đời mình.

+ Nhan đề cuốn sách: “*Đắc nhân tâm*”

Tên cuốn sách đã trở thành một danh từ chỉ lối sống mà ở đó con người ta cư xử linh hoạt và thấu tình đạt lý. Lý thuyết muôn thuở vẫn là những quy tắc CHẾT nhưng nhân tâm là SỐNG, là BIẾN ĐỔI. Bạn hãy thử đọc “*Đắc Nhân tâm*” và tự mình chiêm nghiệm những cái đang diễn ra trong đời thực hiện hữu, chắc chắn bạn sẽ có những bài học cho riêng mình.

- Nội dung của cuốn sách:

- + Phần 1 nói về nghệ thuật ứng xử căn bản của mỗi con người, bao gồm những bí quyết, kinh nghiệm và cả các bài học về việc đối nhân xử thế trong các mối quan hệ xã hội mà bạn nên lưu tâm đến.
 - + Phần 2 của cuốn sách sẽ hướng dẫn cho bạn những bí quyết hữu ích trong việc tạo ra sự thiện cảm đối với người đối diện, nhờ đó giúp cho những người xung quanh luôn yêu quý và trân trọng tình cảm của bạn hơn.
 - + Phần 3 được xem là một phần rất quan trọng và sẽ đem lại cho bạn rất nhiều bài học bổ ích nhất liên quan đến lĩnh vực tâm lý học, đó là chỉ cho bạn các phương pháp và bí quyết giúp bạn và những người khác có chung về suy nghĩ và quan điểm trong cuộc sống.
 - + Phần 4, phần cuối cùng của cuốn sách Đặc nhân tâm, tác giả sẽ bày cho bạn những cách để chuyển hóa cảm xúc và suy nghĩ của một người khác từ tiêu cực chuyển thành tích cực mà không để xảy ra sự hận thù hay oán trách, dù cho đây không phải là một việc làm đơn giản chút nào.
- * KB: Tổng kết lại giá trị của cuốn sách

B4: Kết luận, nhận định: HS tự nhận xét, trao đổi thêm ý kiến với bạn

Hoạt động 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

- a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS qua viết đoạn mở bài.
- b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ và hoàn thiện phần mở bài (hoàn thành bài viết có thể làm ở nhà).
- c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d. Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao bài tập:

Viết phần mở bài cho đề bài viết bài giới thiệu một cuốn sách hay đến mọi người.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn HS cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

Đoạn văn tham khảo:

"Một cuốn sách hay cho ta một điều tốt, một người bạn tốt cho ta một điều hay". Sách là người bạn chân thành và sáng suốt. Nó chỉ cho bạn con đường đúng đắn, nó giữ cho bạn khỏi bị lầm lạc. Có sách bên mình thì cả trong thời thơ ấu, cả giữa lúc thanh xuân và cả những khi về già, bạn không bị cô độc, bạn thấy mình mạnh mẽ.

Cách đối nhân xử thế luôn được coi là chuẩn mực đánh giá sự khéo léo, thông minh của một con người. Bạn có dám khẳng định rằng cách hành xử của mình luôn khiến mọi người xung quanh cảm thấy hài lòng? Bản thân tôi thì không! Đôi khi muốn hành động, cư xử một cách hoàn hảo lại là chuyện vô cùng khó. Theo thời gian tính cách của con người sẽ thay đổi, sự trưởng thành sẽ giúp họ nhận ra đối nhân xử thế là môn học mà bạn phải luôn học hỏi hàng ngày, học hỏi cả đời. Tôi thường băn khoăn làm sao để mỗi ngày trôi qua sẽ là một nấc thang đưa tôi đến thành công và có được cái nhìn thiện cảm của người khác đối với mình. Cho đến khi tôi chạm tay đến cuốn sách đã thay đổi

cuộc sống của biết bao người, cuốn sách có tầm ảnh hưởng nhất mọi thời đại “**ĐẮC NHÂN TÂM**”.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài: ***Nói và nghe: Giới thiệu một cuốn sách.***

NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo sự lựa chọn cá nhân), cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, ... và các phương tiện minh họa, hỗ trợ để hoạt động trình bày thêm rõ ràng, thú vị, hấp dẫn.
- Lựa chọn cách nói phù hợp với đối tượng người nghe.
- Nghe và tổng hợp được các thông tin chính của bài nói, biết nhận xét về chất lượng bài nói (nội dung và cách trình bày), trao đổi để rút kinh nghiệm cách thực hiện bài nói theo yêu cầu của bài.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, ...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Trình bày nội dung giới thiệu một cuốn sách bằng văn nói, không đọc bài viết.
- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng của kiểu bài để hoàn thành các yêu cầu của bài tập.

3. Phẩm chất

- Yêu thích đọc sách, xem phim và khám phá, chia sẻ giá trị của các sản phẩm tinh thần trong cuộc sống.
- Sẵn sàng trao đổi với người nghe để làm sáng tỏ những nội dung còn chưa rõ.
- Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một cuốn sách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT.
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, giấy A0.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ GV nhắc lại nhiệm vụ từ tiết trước: Chuẩn bị bài viết giới thiệu một cuốn sách. (Yêu cầu của bài giới thiệu một cuốn sách) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	HS chia sẻ * Yêu cầu của bài giới thiệu một cuốn sách + Mở đầu: Chào hỏi. giới thiệu cuốn sách yêu thích. + Nội dung chính: Lần lượt trình bày thông tin chung về cuốn sách; nội dung, hình thức, giá trị, ý nghĩa của cuốn sách. Sử dụng các hình ảnh, nội dung minh họa tương ứng. + Kết thúc: Cảm ơn và bày tỏ mong muốn nhận

GV dẫn dắt vài bài: Sách là nơi chứa đựng những kiến thức về nhiều ngành nghề, kinh nghiệm sống, các vấn đề xã hội hay cảm xúc của tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. Sách là nơi tích lũy kiến thức của các nền văn minh trên thế giới, là nơi lưu giữ những thành tựu, di sản tinh thần của nhân loại. Đến với sách ta có thêm được nhiều kiến thức, kĩ năng. Bài nói hôm nay, chúng ta cùng giới thiệu cho nhau nghe về những cuốn sách bản thân đã đọc để cùng nhau yêu sách và tìm sách đọc để đời sống của mỗi chúng ta trở nên phong phú hơn.	được phản hồi từ người nghe.
---	------------------------------

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Củng cố, chuẩn bị hoàn thiện lại nội dung nói

- a. Mục tiêu:** Chuẩn bị trình bày bài nói giới thiệu một cuốn sách.
- b. Nội dung:** HS hoàn thành bài giới thiệu của mình.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài nói và những nội dung phản hồi của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm chuẩn bị. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	I. Chuẩn bị hoàn thiện bài nói - Hình thành cuốn bị bài nói. - Các ý kiến phản hồi.

nhiệm vụ	
- GV nhận xét, đánh giá	

Hoạt động 2: Trình bày giới thiệu một cuốn sách

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe. + GV yêu cầu HS đọc kỹ phần chuẩn bị nội dung nói để xác định nội dung bài nói của mình. + Hs tìm ý theo PHT số 1, sắp xếp ý + Hs tập luyện cá nhân hoặc cặp đôi - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	II. Trình bày giới thiệu một cuốn sách 1. Trước khi nói a. Xác định mục đích nói và người nghe - Mục đích: chia sẻ để mọi người hiểu rõ hơn về một cuốn sách nào đó, yêu mến, tìm đọc cuốn sách. - Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người quan tâm. b. Chuẩn bị nội dung nói - Lựa chọn cuốn sách sẽ giới thiệu - Tìm ý - Sắp xếp ý c. Tập luyện

nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trình bày bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày</i> + <i>GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	2. Trình bày bài nói - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề. - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp.
*Yêu cầu đối với người nói và người nghe:	

Người nói	Người nghe
- Nội dung trình bày: + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng. - Hình thức trình bày: + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh họa có chất lượng. + Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo được điểm nhấn cho nội dung trình bày. - Tác phong, thái độ trình bày: + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp. + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen quá nhiều. + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng. + Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.	- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày.
NV3: Hướng dẫn HS tìm hiểu bước trao đổi về bài nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến + Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề đặt ra từ cuốn sách. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất, góp ý.	3. Trao đổi về bài nói

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	
*Yêu cầu khi trao đổi	
Người nói - Lắng nghe nhận xét của các bạn và thầy cô về bài trình bày. - Rút kinh nghiệm về nội dung, cách thức và thái độ trình bày, ... -Tự đánh giá: + Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? + Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó?	Người nghe - Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin xem đã chính xác chưa. - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. - Đánh giá: + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm rèn luyện thêm kỹ năng nói.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao (làm ở nhà).

c. Sản phẩm: HS thực hành nói ở nhà.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV giao bài tập cho HS:

Nếu được giới thiệu thêm một vài cuốn sách nữa, em sẽ giới thiệu những cuốn sách nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS giới thiệu thêm một số cuốn sách. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình về cuốn sách được giới thiệu.
- Thuyết phục bạn cùng đọc thêm cuốn sách em giới thiệu.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS tự trình bày, đánh giá sản phẩm của mình, dựa vào tiêu chí, tự đánh giá kết quả thực hiện bài nói.

B4: Kết luận, nhận định: HS tự nhận xét, trao đổi thêm ý kiến với bạn (Thời gian trao đổi, HS tự linh hoạt)

Hoạt động 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

- a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.
- b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d. Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao bài tập:

Làm 1 video clip ngắn thuyết phục mọi người hình thành thói quen đọc sách và giới thiệu một cuốn sách theo em nên đọc phù hợp với lứa tuổi (Sách *Tuổi teen đáng giá bao nhiêu?*, *Hành trình vào đời của tuổi teen*,...)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn HS cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài ôn tập học kì